

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KHDL TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bình Định, tháng 6 năm 2023

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ KHDL**

(Kèm theo Quyết định số 3456/QĐ-ĐHQN ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Đỗ Ngọc Mỹ	PGS,TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Đoàn Đức Tùng	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Ông Lê Công Trình	PGS.TS, Trưởng khoa Khoa Toán và Thống kê	Phó Chủ tịch	
4	Ông Lê Quang Thuận	TS, Phó Trưởng khoa Khoa Toán và Thống kê	Thư ký	
5	Ông Nguyễn Quang Ngoạn	PGS.TS, Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên	
6	Ông Hồ Xuân Quang	PGS.TS, Trưởng phòng Phòng Đào tạo sau đại học	Thành viên	
7	Ông Nguyễn Hữu Tiến	ThS, Trưởng phòng Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng	Thành viên	
8	Bà Nguyễn Thị Khánh Linh	ThS, Phó Trưởng phòng Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng	Thành viên	
9	Bà Nguyễn Thị Kim Ánh	TS, Phó Trưởng phòng Phòng Tổ chức-Nhân sự	Thành viên	
10	Ông Nguyễn Hữu Xuân	TS, Trưởng phòng Phòng Hành chính-Tổng hợp	Thành viên	
11	Ông Lê Xuân Việt	TS, Trưởng khoa Khoa Công nghệ thông tin	Thành viên	
12	Ông Huỳnh Nguyễn Bảo Phương	TS, Phó Trưởng khoa Khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên	
13	Ông Lê Thanh Hiếu	TS, Phó Trưởng khoa Khoa Toán và Thống kê	Thành viên	
14	Ông Huỳnh Văn Ngãi	PGS.TSKH, Trưởng Bộ môn Khoa Toán và Thống kê	Thành viên	
15	Ông Thái Thuần Quang	PGS.TS, Trưởng Bộ môn Khoa Toán và Thống kê	Thành viên	
16	Ông Lê Thanh Bính	TS, Giảng viên Khoa Toán và Thống kê	Thành viên	
17	Ông Đỗ Văn Tuấn	Học viên cao học ngành KHDL, khóa 24B	Thành viên	

(Danh sách gồm có 17 người)

MỤC LỤC

MỤC LỤC	3
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	7
PHẦN I. KHÁI QUÁT	8
1.1. ĐẶT VẤN ĐỀ	8
1.2. TỔNG QUAN CHUNG	13
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	27
TIÊU CHUẨN 1. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	27
Mở đầu	27
<i>Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật GDĐH.....</i>	<i>28</i>
<i>Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu riêng biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.....</i>	<i>31</i>
<i>Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.....</i>	<i>34</i>
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	<i>37</i>
TIÊU CHUẨN 2. BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	38
Mở đầu	38
<i>Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.....</i>	<i>39</i>
<i>Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.....</i>	<i>41</i>
<i>Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.....</i>	<i>43</i>
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	<i>45</i>
TIÊU CHUẨN 3. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC.....	45
Mở đầu	45
<i>Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.....</i>	<i>46</i>
<i>Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.....</i>	<i>50</i>
<i>Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, có tính tích hợp và nội dung cập nhật.....</i>	<i>54</i>
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	<i>56</i>
TIÊU CHUẨN 4. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC.....	57
Mở đầu	57
<i>Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.....</i>	<i>57</i>
<i>Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra</i>	<i>60</i>
<i>Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.....</i>	<i>63</i>
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4.....</i>	<i>66</i>
TIÊU CHUẨN 5. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC.....	67
Mở đầu	67
<i>Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học phải được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của CĐR.....</i>	<i>67</i>
<i>Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.....</i>	<i>71</i>
<i>Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.....</i>	<i>73</i>
<i>Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.....</i>	<i>76</i>
<i>Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.....</i>	<i>79</i>

Kết luận về Tiêu chuẩn 5	81
TIÊU CHUẨN 6. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN.	81
Mở đầu	81
Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng	82
Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	86
Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.	89
Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.	91
Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.	94
Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	97
Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	99
Kết luận về Tiêu chuẩn 6	102
TIÊU CHUẨN 7. ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN	103
Mở đầu	103
Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	103
Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....	106
Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá	108
Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.....	110
Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	112
Kết luận về Tiêu chuẩn 7	115
TIÊU CHUẨN 8. NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC	116
MỞ ĐẦU	116
Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật.	116
Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá... ..	119
Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.	121
Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.	124
Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.	127
Kết luận về Tiêu chuẩn 8	130
TIÊU CHUẨN 9. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ	131
MỞ ĐẦU	131
Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	132
Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	134
Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	137
Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	140

<i>Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.....</i>	143
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 9.....</i>	146
TIÊU CHUẨN 10. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG.....	147
<i>Mở đầu.....</i>	147
<i>Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.....</i>	148
<i>Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, đánh giá và cải tiến.....</i>	150
<i>Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.....</i>	153
<i>Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.....</i>	155
<i>Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.....</i>	158
<i>Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.....</i>	160
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 10.....</i>	163
TIÊU CHUẨN 11: KẾT QUẢ ĐẦU RA.....	164
<i>Mở đầu.....</i>	164
<i>Tiêu chí 11.1 Tỷ lệ thi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....</i>	164
<i>Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....</i>	166
<i>Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....</i>	168
<i>Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....</i>	169
<i>Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....</i>	172
PHẦN III. KẾT LUẬN.....	176
3.1. NHỮNG ĐIỂM MẠNH CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	176
<i>3.1.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....</i>	176
<i>3.1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo.....</i>	176
<i>3.1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....</i>	177
<i>3.1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.....</i>	177
<i>3.1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học.....</i>	178
<i>3.1.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....</i>	179
<i>3.1.7. Đội ngũ nhân viên.....</i>	180
<i>3.1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học.....</i>	181
<i>3.1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....</i>	182
<i>3.1.10. Nâng cao chất lượng.....</i>	183
<i>3.1.11. Kết quả đầu ra.....</i>	185
3.2. NHỮNG ĐIỂM TỒN TẠI CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	185
<i>3.2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....</i>	185
<i>3.2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo.....</i>	186
<i>3.2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....</i>	186
<i>3.2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.....</i>	186
<i>3.2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học.....</i>	186
<i>3.2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....</i>	187
<i>3.2.7. Đội ngũ nhân viên.....</i>	188
<i>3.2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học.....</i>	188
<i>3.2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....</i>	188
<i>3.2.10. Nâng cao chất lượng.....</i>	189
<i>3.2.11. Kết quả đầu ra.....</i>	190
3.3. KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	190
<i>3.3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....</i>	190
<i>3.3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo.....</i>	191
<i>3.3.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....</i>	192

3.3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.....	193
3.3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học.....	193
3.3.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....	195
3.3.7. Đội ngũ nhân viên.....	196
3.3.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học.....	197
3.3.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	199
3.3.10. Nâng cao chất lượng.....	200
3.3.11. Kết quả đầu ra.....	202
3.4. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	202
PHẦN IV. PHỤ LỤC.....	207
PHỤ LỤC 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CTĐT.....	207
PHỤ LỤC 2. CÁC QUYẾT ĐỊNH VÀ VĂN BẢN LIÊN QUAN KHÁC.....	234

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

1	CB	Cán bộ	
2	CDR	Chuẩn đầu ra	
3	CLĐT	Chất lượng đào tạo	
4	CSGD	Cơ sở giáo dục	
5	CTDH	Chương trình dạy học	
6	CTĐT	Chương trình đào tạo	
7	ĐHQN	Đại học Quy Nhơn	
8	GDDH	Giáo dục đại học	
9	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo	
10	GS	Giáo sư	
11	GV	Giảng viên	
12	HV	Học viên	
13	KH&CN	Khoa học và Công nghệ	
14	NCKH	Nghiên cứu khoa học	
15	NCV	Nghiên cứu viên	
16	NH	Người học	
17	PGS	Phó giáo sư	
18	SĐH	Sau đại học	
19	T&TK	Toán và Thống kê	
20	ThS	Thạc sĩ	
21	TS	Tiến sĩ	
22	TSKH	Tiến sĩ khoa học	
23	KHDL	KHDL	

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Năm 2016-2017, Trường ĐHQN đã tiến hành kiểm định chất lượng trường đại học và đã được Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng CSGD (theo Quyết định số 120/QĐ-CEA.UD ngày 12/10/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng). Ngay sau kiểm định chất lượng CSGD, năm 2019, Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài 3 CTĐT trình độ đại học các ngành: Sư phạm Toán học, Sư phạm Hóa học và Kỹ thuật điện (các Quyết định số 91/QĐ-CEA.UD, 92/QĐ-CEA.UD, 93/QĐ-CEA.UD ngày 02/7/2020 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng). Tiếp đó, vào năm 2020, 9 CTĐT trình độ đại học các ngành Kế toán, Tài chính - Ngân hàng, Giáo dục mầm non, Giáo dục tiểu học, Giáo dục thể chất, Công tác xã hội, Ngôn ngữ Anh, Công nghệ thông tin, Quản lý nhà nước cũng đã thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài (các Quyết định từ số 125/QĐ-CEA.UD đến số 133/QĐ-CEA.UD ngày 24/4/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng).

Với sự cam kết về CLĐT, Trường ĐHQN không chỉ dừng lại ở việc kiểm định chất lượng các CTĐT trình độ đại học. Năm 2022, Nhà trường đã hoàn thành đánh giá ngoài 2 CTĐT trình độ ThS các ngành Kế toán và Vật lý chất rắn. Tiếp theo đó, tháng 12/2023, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 2757/KH-ĐHQN về tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ ThS ngành KHDL. Việc xúc tiến tự đánh giá để tiến đến đánh giá ngoài CTĐT trình độ ThS ngành KHDL là minh chứng rất rõ ràng về cam kết đảm bảo CLĐT của Trường ĐHQN.

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành KHDL trình độ ThS đã xem xét, tự đánh giá và báo cáo thực trạng chất lượng CTĐT, đánh giá hiệu quả các hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất của CTĐT ngành KHDL căn cứ vào các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và các văn bản hướng dẫn. Qua đó, chỉ ra những điểm mạnh và điểm tồn tại cần khắc phục làm cơ sở

đề xuất các biện pháp điều chỉnh, kế hoạch hành động nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra.

** Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá*

Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành KHDL trình độ đào tạo ThS bao gồm 3 phần:

- Phần I. Khái quát

+ Tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT (mô tả cấu trúc, nội dung, cách mã hóa minh chứng...);

+ Tổng quan chung về Trường ĐHQN và Khoa Toán và Thống kê (tóm tắt sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách và hoạt động đảm bảo chất lượng thực hiện CTĐT...).

- Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Tự đánh giá lần lượt từng tiêu chí theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT với cấu trúc như sau:

Tiêu chuẩn.....

Mở đầu

Tiêu chí....

Mô tả thực trạng (mô tả và nhận định thực trạng của CTĐT theo các nội hàm của tiêu chí...)

Điểm mạnh (nêu những điểm mạnh nổi bật của CTĐT)

Điểm tồn tại (nêu những điểm tồn tại của CTĐT)

Kế hoạch hành động (kế hoạch phát huy điểm mạnh, khắc phục những tồn tại...)

Tự đánh giá

Kết luận về Tiêu chuẩn...

- Phần III. Kết luận (Tóm tắt những điểm mạnh, điểm cần phát huy; những điểm tồn tại, những vấn đề cần cải tiến chất lượng; kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT).

Cuối Báo cáo tự đánh giá là hệ thống Phụ lục liên quan (Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Thông tư 04/2016, cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định và văn bản liên quan khác, danh mục minh chứng).

** Phương pháp mã hóa minh chứng*

Mã thông tin và minh chứng (Mã minh chứng) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef.

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp).

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10).

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10).

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15).

Ví dụ: H1.01.01.01 là minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H10.10.05.05: là minh chứng thứ 5 của tiêu chí 5 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10.

1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá chương trình đào tạo, phương pháp và công cụ đánh giá

** Mục đích tự đánh giá*

Tự đánh giá CTĐT ngành KHDL trình độ ThS là quá trình để Khoa Toán và Thống kê dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành, tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT, báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT; từ đó tiến hành điều chỉnh CTĐT, các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT. Quá trình tự đánh giá không chỉ

khẳng định CLĐT của Khoa, mà còn hướng đến mục tiêu từng bước xây dựng Khoa trở thành đơn vị đào tạo và nghiên cứu có uy tín trong nước, vươn tới tầm khu vực và quốc tế.

** Nội dung tự đánh giá*

Nội dung tự đánh giá CTĐT ngành KHDL trình độ ThS gồm 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và được hướng dẫn cụ thể trong Công văn 1669/QLCL-KĐCLGD thay thế Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH của Cục Quản lý chất lượng. Nội dung cụ thể gồm: Mục tiêu và CDR của CTĐT; Bản mô tả CTĐT; Cấu trúc và nội dung CTDH; Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; Đánh giá kết quả học tập của NH; Đội ngũ GV, NCV; Đội ngũ nhân viên; NH và hoạt động hỗ trợ NH; Cơ sở vật chất và trang thiết bị; Nâng cao chất lượng; Kết quả đầu ra.

** Phạm vi tự đánh giá*

Đánh giá các hoạt động của Khoa Toán và Thống kê và các đơn vị phối hợp của Trường ĐHQN trong việc thực hiện CTĐT ngành KHDL trình độ ThS theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành.

Thời gian đánh giá: giai đoạn 2019-2023

** Quy trình tự đánh giá chương trình đào tạo*

Quy trình tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành KHDL trình độ ThS được thực hiện theo các bước chính sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm công tác chuyên trách;

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm công tác chuyên trách;

Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng;

Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá;

Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Trường để đọc và góp ý kiến; rà soát, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá;

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

** Phương pháp và công cụ đánh giá*

Quá trình tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành KHDL trình độ ThS của Khoa Toán và Thống kê được thực hiện dựa trên bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn (50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH. Đối với mỗi tiêu chí đánh giá được tiến hành xem xét theo trình tự sau:

- Mô tả, làm rõ thực trạng của CTĐT;
- Phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu để đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại và những biện pháp khắc phục;
- Lập kế hoạch hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

Kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016, quá trình tự đánh giá CTĐT ngành KHDL còn dựa trên các văn bản hướng dẫn cụ thể sau:

- Văn bản hướng dẫn sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH số 1074/KTKĐGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT;
- Văn bản hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT;
- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 về sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH.

Quá trình tự đánh giá CTĐT được tiến hành một cách khách quan, trung thực, công khai và minh bạch; các giải thích, nhận định, kết luận được đưa ra đều dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đủ độ tin cậy. Để đảm bảo kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành KHDL trình độ ThS, Ban chủ nhiệm Khoa Toán và Thống kê đã có kế hoạch chi tiết và tổ chức họp viên chức toàn Khoa để phổ biến kế hoạch. Trong quá trình thực hiện tự đánh giá, bên cạnh các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách, Khoa đã huy động phần lớn GV, viên chức của Khoa và một số cá nhân, đơn vị liên quan trong Trường tham gia phối hợp, hỗ trợ các nhóm công tác chuyên trách của Hội đồng để triển khai tự đánh giá CTĐT ngành KHDL trình độ ThS.

1.2. TỔNG QUAN CHUNG

1.2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Quy Nhơn

Cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn được thành lập theo Quyết định số 1842/QĐ ngày 21/12/1977 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục (nay là Bộ GD&ĐT) vào năm 1977. Đến năm 1981, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính Phủ) đã ra Quyết định số 02/HĐBT ngày 13/7/1981 thành lập Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn trực thuộc Bộ Giáo dục, “có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên các trường trung học phổ thông”.

Năm 2003, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn được Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 đổi tên thành Trường ĐHQN, “có nhiệm vụ: (1) Đào tạo giáo viên trình độ đại học và từng bước mở thêm các ngành nghề đào tạo phù hợp với khả năng của trường và nhu cầu nhân lực xã hội; (2) NCKH phục vụ phát triển kinh tế - xã hội”.

Qua 45 năm xây dựng và phát triển, từ một trường đào tạo ngành sư phạm, Trường ĐHQN đã trở thành một trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực; từng bước phát triển cả về quy mô và lĩnh vực đào tạo; trình độ, CLĐT ngày càng đảm bảo và nâng cao; đội ngũ GV, viên chức phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH ngày càng được Nhà trường chú trọng đầu tư xây dựng hiện đại, đồng bộ, chuẩn hóa; công tác NCKH và hợp tác quốc tế không ngừng mở rộng với chất lượng tăng cao,...

Tính đến tháng 12 năm 2022, Trường ĐHQN có 12 khoa, 1 bộ môn thuộc Trường, 15 đơn vị chức năng và phục vụ đào tạo (trong đó có 10 phòng, 01 văn phòng Đảng - Đoàn thể, 02 trung tâm, 01 thư viện, 01 viện khoa học giáo dục), 05 đơn vị hạch toán độc lập (04 trung tâm, 01 viện nghiên cứu ứng dụng KH&CN) và các đoàn thể, tổ chức xã hội: Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên, Hội Cựu chiến binh, Hội Cựu giáo chức. Trường ĐHQN hiện có 729 viên chức và người lao động; trong đó có 507 GV, gồm: 34 GS/PGS, 155 TS, 117 nghiên cứu sinh (81 nghiên cứu sinh trong nước và 36 nghiên cứu sinh nước ngoài), số còn lại hầu hết có trình độ ThS; tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ GS, PGS, TS chiếm 37,27%, so với quy hoạch phát triển đội ngũ GV của Nhà trường giai đoạn 2010-2020 đã vượt chỉ tiêu. Với việc ưu tiên tập trung phát triển đội ngũ giảng dạy chất lượng cao được đào tạo tại các trường đại học lớn ở trong nước và nước ngoài đã tạo nền móng vững chắc để Nhà trường hướng tới nâng cao chất lượng dạy và học; đổi mới, cải tiến chất lượng CSGD, CTĐT các trình độ theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Nhà trường hiện đang đào tạo 47 ngành trình độ đại học thuộc các khối ngành Khoa học GD&ĐT giáo viên, nhất là giáo viên trung học phổ thông; Kinh doanh và quản lý, Pháp luật; Khoa học tự nhiên; Toán và Thống kê, Máy tính và Công nghệ thông tin, Kỹ thuật và công nghệ; Khoa học xã hội và nhân văn, Khách sạn - du lịch - thể thao, với quy mô hơn 11.000 sinh viên chính quy và hơn 5.000 sinh viên không chính quy; 24 ngành/chuyên ngành trình độ ThS, 03 chuyên ngành trình độ TS với quy mô hơn 1.000 HV, nghiên cứu sinh. Ngoài ra, Trường còn đào tạo đại học, SDH và bồi dưỡng tiếng Việt cho lưu học sinh Lào thuộc các tỉnh Attapu, Champasak, Salavan và Sekong.

Xuất phát từ một trường sư phạm, Trường ĐHQN vẫn luôn lấy đào tạo ngành sư phạm là cốt lõi và đã khẳng định vị trí và vai trò quan trọng trong việc đào tạo đội ngũ giáo viên, nhất là giáo viên trung học phổ thông cho cả nước, đặc biệt là khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên. Bên cạnh đó, uy tín của Nhà trường trong đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các lĩnh vực khoa học tự nhiên và xã hội, lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật và công nghệ thông tin ngày càng được khẳng định, góp phần to lớn

vào sự nghiệp GD&ĐT, phát triển kinh tế - xã hội cũng như nâng cao dân trí của khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên và cả nước.

*** *Sứ mệnh, tầm nhìn và mục tiêu***

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và các nguồn lực của Nhà trường; đảm bảo phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước, Nhà trường đã công bố sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi theo Quyết định số 186/QĐ-ĐHQN ngày 13/02/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN và được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các văn bản, phương tiện truyền thông trong và ngoài Trường.

Sứ mệnh: “Trường ĐHQN là CSGD đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyên giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.”

Tầm nhìn: “Đến năm 2030, Trường ĐHQN sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.”

Giá trị cốt lõi: “Trách nhiệm - Chuyên nghiệp - Chất lượng - Sáng tạo – Nhân văn.”

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, chiến lược và giải pháp thực hiện trong từng giai đoạn cụ thể phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của cả nước nhằm thực hiện hiệu quả kế hoạch, chiến lược đặt ra và đạt được mục tiêu đã xác định.

*** *Triết lý giáo dục***

Theo Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN, triết lý giáo dục của Nhà trường được công bố, với nội dung “***Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp***”. Cụ thể, nội dung triết lý giáo dục như sau:

Toàn diện: Nhà trường hướng tới đào tạo các thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho

người học nền tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội.

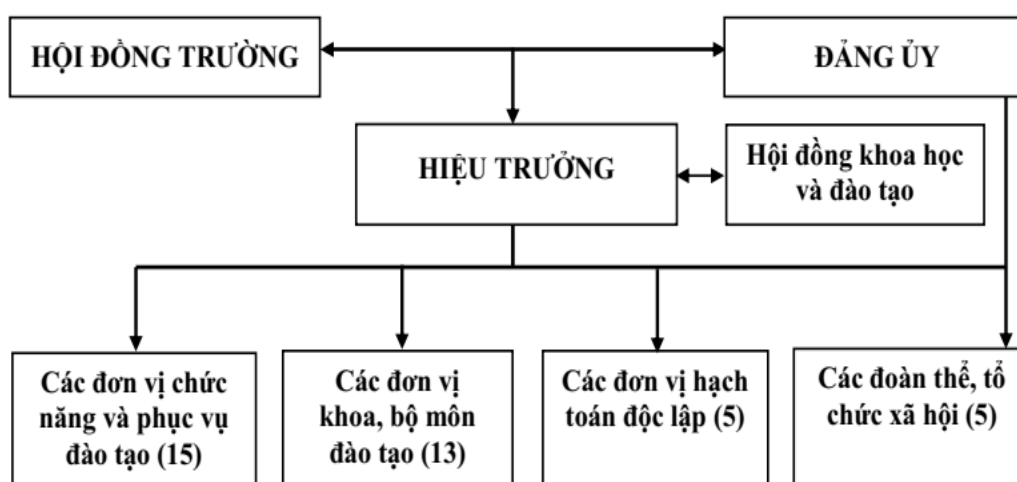
Khai phóng: Nhà trường hướng tới phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp người học phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội.

Thực nghiệp: Nhà trường hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học có thể thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

*** Cơ cấu tổ chức, quản lý**

Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHQN được thực hiện theo Điều 14 Luật GDĐH, bao gồm:

- Hội đồng trường;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Hội đồng khoa học và đào tạo và các hội đồng khác;
- Các đơn vị thuộc Trường: các khoa, bộ môn, các viện nghiên cứu; các phân hiệu; các phòng chức năng, trung tâm, thư viện, tạp chí khoa học;
- Các đơn vị trực thuộc Trường: các viện nghiên cứu KH&CN; các trung tâm dịch vụ đào tạo; các doanh nghiệp; các cơ sở kinh doanh.



Sơ đồ 1.1. Cơ cấu tổ chức Trường ĐHQN

Công tác quản lý của Nhà trường được thực hiện theo quy định của Luật GDĐH, Điều lệ trường đại học, các quy định của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT và theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHQN (ban hành theo Quyết định số 902/QĐ-ĐHQN ngày 24/6/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN). Hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý trong Trường được phổ biến rộng rãi và triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả đến toàn thể viên chức qua hệ thống E-office. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị, viên chức quản lý, GV, nhân viên trong Trường được quy định rõ ràng. Tổ chức Đảng và các đoàn thể trong Nhà trường hoạt động có hiệu quả, xây dựng khối đoàn kết nhất trí trong viên chức quản lý, GV, nhân viên và NH.

*** Chương trình và hoạt động đào tạo**

Tại Trường ĐHQN, CTĐT của tất cả các bậc học và chuyên ngành đào tạo được xây dựng theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, có mục tiêu rõ ràng, cụ thể; có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống; đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của từng trình độ đào tạo; đồng thời đáp ứng yêu cầu của NH và của thị trường lao động (với các CDR cụ thể). Nhiều CTĐT đã có sự tham khảo và đối sánh với CTĐT của các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước; được định kỳ cập nhật, bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở khảo sát hoặc tổ chức hội nghị lấy ý kiến phản hồi của chuyên gia, nhà tuyển dụng, NH, GV về mục tiêu, CDR của CTĐT, khung CTĐT.

Hiện nay, đối với trình độ ThS, Trường ĐHQN đã ban hành Quy định về việc rà soát, bổ sung, cập nhật và phát triển CTĐT trình độ ThS (Quyết định số 543/QĐ-ĐHQN ngày 17/3/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN). Quy định này được xây dựng căn cứ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam và các quy định có liên quan về khối lượng kiến thức, về quy định mở ngành, về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT.

Năm 2010, để đổi mới hoạt động đào tạo, Trường ĐHQN đã chuyển đổi hình thức đào tạo từ niên chế sang học chế tín chỉ và được điều chỉnh dần căn cứ theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Nhà trường rất chú trọng đổi mới, đa dạng hóa phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của NH. Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập và mục tiêu môn học, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng. Năm 2021, trước tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, để đảm bảo hoạt động giảng dạy, học tập, Trường đã kịp thời ban hành Quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến của Trường ĐHQN (theo Quyết định số 1931/QĐ-ĐHQN ngày 06/8/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN).

Riêng đối với trình độ đào tạo ThS, Nhà trường cũng đã ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS, theo Quyết định số 2705/QĐ-ĐHQN, ngày 21/10/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN. Quy chế này đảm bảo hoạt động đào tạo trình độ ThS của Trường cập nhật theo các quy định mới nhất của Bộ GD&ĐT (Thông tư số 17/2021/TT- BGDĐT, ngày 22/6/2021 và Thông tư số 23/TT-BGDĐT, ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT).

Các quy chế đào tạo, CTĐT, quy chế kiểm tra đánh giá được phổ biến kịp thời đã giúp NH tiếp cận, nắm vững và chấp hành tốt các quy chế, quy định của Nhà trường. Định kỳ, Nhà trường triển khai lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV nhằm tạo cơ hội để NH được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV, CTĐT của Nhà trường. Thêm vào đó, thông qua việc thành lập Trung

tâm Tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp (trước đây là Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp), các hoạt động hỗ trợ NH tốt nghiệp tìm kiếm việc làm, kết nối giữa người học với các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng được tổ chức thường xuyên và ngày càng thu hút được sự tham gia của nhiều doanh nghiệp, tạo cơ hội việc làm cho nhiều NH tất cả các ngành và trình độ đào tạo.

*** *Đội ngũ viên chức quản lý, viên chức giảng dạy, viên chức hành chính và nhân viên***

Việc nâng cao CLĐT không thể thiếu đội ngũ viên chức quản lý, viên chức giảng dạy, viên chức hành chính và nhân viên, do đó, Trường ĐHQN rất chú trọng việc phát triển đội ngũ cả về số lượng và chất lượng, nghiêm túc và ngày càng hoàn thiện trong quá trình đánh giá. Hiện nay Trường đã có đội ngũ viên chức quản lý, viên chức giảng dạy, viên chức hành chính và nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với sự nghiệp xây dựng và phát triển Nhà trường, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Trường đã tạo môi trường dân chủ thông qua các văn bản, quy định để viên chức quản lý, viên chức giảng dạy, viên chức hành chính và nhân viên tham gia đóng góp ý kiến đối với các chủ trương, kế hoạch của Nhà trường. Trường đã thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, đảm bảo đúng quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của CB quản lý, GV, nhân viên và người học.

Để phát triển đội ngũ, Trường ĐHQN đã thực hiện các chính sách hỗ trợ về tài chính, tăng cường các dự án đào tạo, tạo điều kiện về thời gian cho đội ngũ viên chức quản lý, viên chức giảng dạy tham gia học tập, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ viên chức quản lý, viên chức giảng dạy của Trường ngày càng được nâng cao. Hiện tại toàn Trường có 729 viên chức và người lao động; trong đó có 507 viên chức giảng dạy, gồm: 34 GS/PGS, 155 TS, 117 GV đang là NCS trong nước và nước ngoài; 141 viên chức hành chính, 62 lao động dài hạn và 19 lao động ngắn hạn.

*** *Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế***

Là một trường đại học định hướng ứng dụng, Trường ĐHQN chú trọng đẩy mạnh hoạt động NCKH hướng đến các đề tài có khả năng ứng dụng cao, nhờ đó ngày càng có nhiều đề tài và kết quả nghiên cứu gắn với mục tiêu, CTĐT, gắn với thực tế địa phương, được ứng dụng có hiệu quả trong công tác đào tạo và giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực được phê duyệt thực hiện, nghiệm thu. Trong giai đoạn đánh giá, đội ngũ GV, NCV Nhà trường đã chủ trì và thực hiện thành công hàng chục đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh, Nafosted. Đồng thời, để nâng cao chất lượng các đề tài KH&CN, Nhà trường đã chủ động xây dựng quy chế, quy định hoạt động KH&CN, triển khai kế hoạch hoạt động KH&CN theo hướng dẫn của các cấp quản lý; triển khai thực hiện và đánh giá nghiệm thu các đề tài KH&CN các cấp đúng thời hạn, bảo đảm yêu cầu chất lượng.

Thêm vào đó, các kết quả nghiên cứu được công bố hàng năm trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế ngày càng tăng, trong 5 năm trở lại đây có đến 114 bài báo của đội ngũ GV, NCV được đăng trên các tạp chí SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI. Mặt khác, Nhà trường đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế về các lĩnh vực Toán, Vật lý, Hóa học, Kế toán, Kinh tế,...thu hút đông đảo các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, các GV, đối tác đến từ các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong nước và nước ngoài; đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để viên chức quản lý, viên chức giảng dạy tham gia thực hiện các đề tài, các dự án KH&CN, tham dự các Hội nghị, Hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế.

Để thực hiện mục tiêu nêu rõ trong tầm nhìn đến năm 2030, hoạt động hợp tác quốc tế được coi là một trong những nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa chiến lược trong quá trình xây dựng và phát triển Trường ĐHQN, góp phần nâng cao CLĐT, chất lượng các công bố, các đề tài KH&CN tiến đến hội nhập với khu vực và thế giới. Nhà trường chú trọng đẩy mạnh và phát triển hoạt động hợp tác quốc tế theo chiều sâu qua các chương trình liên kết đào tạo, NCKH, trao đổi học thuật với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu trong khu vực và trên thế giới như: chương trình học bổng EMMA và dự án VLIR do Cộng đồng chung Châu Âu và Đại học KU. Leuven Vương quốc Bỉ tài trợ. Cùng với đó, Nhà trường còn tích cực triển khai các dự án quốc tế đã ký kết (HR4ASIA, FCB TEAM, SI 2018, TWAS, KIST, MOMA); cùng với Đại học KU.

Leuven triển khai dự án IUC (Institutional University Cooperation) do VLIR-UOS tài trợ.

Nhờ những nỗ lực hợp tác quốc tế về đào tạo và NCKH, năng lực nghiên cứu, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của GV được nâng cao và vị thế của Nhà trường đối với một số nước trên thế giới ngày càng được củng cố và phát triển. Đồng thời, đem lại cho các GV, nhà khoa học trẻ của Trường nhiều cơ hội để đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, tiếp cận các nền khoa học và giáo dục tiên tiến trên thế giới.

**** Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác***

Nhằm đạt được mục tiêu, nhiệm vụ nâng cao CLĐT, chất lượng hoạt động NCKH, hỗ trợ tốt nhất cho NH và GV, Trường ĐHQN từ chỗ đảm bảo đủ các điều kiện về thư viện, trang thiết bị thí nghiệm, thực hành, các thiết bị hỗ trợ giảng dạy, học tập và cơ sở vật chất khác để triển khai các hoạt động đào tạo và NCKH, đang tiếp tục hoàn thiện để hướng đến đầu tư cơ sở vật chất ngày càng hiện đại hơn.

Thư viện Trường có đủ đầu sách, tài liệu, giáo trình, báo, tạp chí; có hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử như: Cơ sở dữ liệu Proquest Central, Cơ sở dữ liệu STD (Tài liệu KH&CN Việt Nam), Cơ sở dữ liệu KQNC (Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu), Cơ sở dữ liệu MathSciNet; phòng đọc, phòng mượn phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập của NH và GV. Hệ thống giảng đường, hội trường, phòng thực hành, thí nghiệm, phòng máy tính, phòng học ngoại ngữ khu luyện tập thể dục thể thao đủ và ngày càng được đầu tư trang bị các thiết bị hiện đại đáp ứng cả về số lượng và chất lượng phục vụ cho việc dạy học và NCKH, cho các hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể thao của NH; hệ thống phòng làm việc, trang thiết bị đáp ứng đủ cho các phòng, khoa, bộ môn; hiện nay đã có 4 phòng học đa phương tiện, 16 phòng học hiện đại được đưa vào sử dụng và đang tiếp tục đầu tư 52 phòng học hiện đại. Hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông được Nhà trường chú trọng đầu tư và ngày càng hoàn thiện phù hợp với xu hướng phát triển mạnh mẽ của các công cụ quản lý số, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và đào tạo, các phần mềm đã được triển khai: Quản lý văn bản E-Office, Cổng thông tin điện tử - Portal, Quản lý nhân sự - HRM, Quản lý khảo sát ý kiến sinh viên - eSurvey, Quản lý tạp chí khoa học - JMS, Kế toán thù lao giảng dạy, thu học

phí sinh viên; mở rộng kết nối mạng nội bộ, mạng Internet Wifi; triển khai dịch vụ Internet Wifi tại khu KTX; triển khai E-Learning; triển khai giảng dạy trực tuyến. Thực hiện công tác truyền thông trên công thông tin điện tử, mạng Internet, mạng xã hội và các kênh thông tin khác; vận hành Website tiếng Anh.

1.2.2. Giới thiệu về Khoa Toán và Thống kê

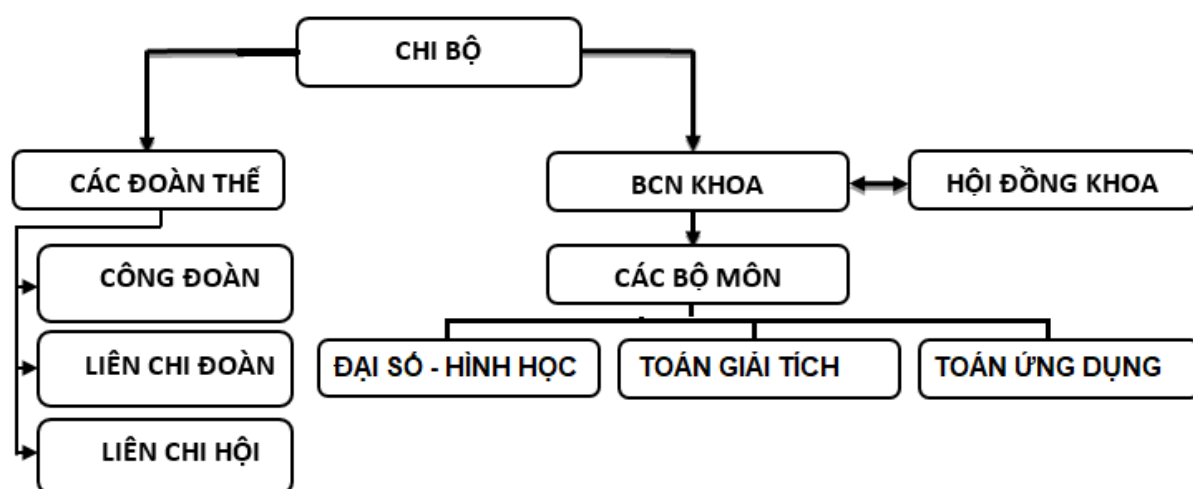
**** Quá trình hình thành và phát triển***

Năm 1977, Trường ĐHSP Quy Nhơn chính thức được thành lập, có nhiệm vụ đào tạo cung cấp nguồn lực giáo viên THPT đang trong tình trạng thiếu hụt trầm trọng ở khu vực Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên nói riêng và cả nước nói chung. Cùng với ngày thành lập Trường, Khoa Toán là một trong 5 khoa đầu tiên của Trường được thành lập, có nhiệm vụ đào tạo giáo viên ngành Sư phạm Toán học cho khu vực Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên. Từ khi ra đời đến nay, Khoa đã hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo bậc đại học với 4 ngành: Sư phạm Toán học, Toán học, Toán ứng dụng và KHDL, bậc sau đại học với 4 ngành đào tạo trình độ ThS: Toán giải tích, Đại số và Lí thuyết số, Phương pháp toán sơ cấp, KHDL và 2 ngành đào tạo tiến sĩ: Toán Giải tích, Đại số và Lí thuyết số.

Tháng 6/2019, cùng với chủ trương tái cấu trúc của Nhà trường, trước cơ hội phân đấu để được Bộ Giáo dục và Đào tạo chọn đầu tư thành một trong 3 khoa Toán trọng điểm của cả nước, Khoa Toán đã được Nhà trường đổi tên thành Khoa Toán và Thống kê, mở ra một trang sử mới của Khoa. Trải qua 45 năm, Khoa Toán và Thống kê đã trưởng thành, khẳng định được thương hiệu trong công tác đào tạo, NCKH và hợp tác quốc tế. Năm 2020, Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2021-2030 đã chính thức quyết định đầu tư Khoa Toán và Thống kê trở thành một trong ba khoa Toán mạnh trong cả nước, là đầu tàu phát triển Toán học khu vực miền Trung – Tây Nguyên, hỗ trợ có hiệu quả các hoạt động của Chương trình Toán ở khu vực miền Trung – Tây Nguyên.

**** Về cơ cấu tổ chức và đội ngũ giảng viên***

Cơ cấu tổ chức của Khoa Toán và Thống kê được thực hiện theo quy định tại Điều lệ trường đại học. Cơ cấu tổ chức Khoa Toán và Thống kê được cụ thể theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.2. Cơ cấu tổ chức Khoa Toán và Thống kê

Khoa đang sở hữu một đội ngũ cán bộ giảng dạy giỏi về chuyên môn, vững vàng về chính trị và tâm huyết với sự nghiệp đào tạo thế hệ trẻ. Hiện tại, Khoa có 29 viên chức (trong đó có 27 giảng viên cơ hữu), gồm: 01 phó giáo sư-tiến sĩ khoa học, 04 phó giáo sư tiến sĩ, 21 tiến sĩ và 01 NCS đang học tập và nghiên cứu ở Mỹ. Phần lớn các giảng viên của Khoa được đào tạo trình độ tiến sĩ ở các nước phát triển của Châu Âu và Mỹ.

*** Quy mô và chương trình đào tạo**

Là một ngành chủ lực xuyên suốt hành trình 45 của Khoa, ngành Sư phạm Toán học đã có những bước chuyển mình cùng với sự đầu tư phát triển của bao thế hệ thầy cô trong Khoa cùng sự góp ý xây dựng của bao thế hệ cựu sinh viên. Không chỉ chủ lực cung ứng nguồn giáo viên cho khu vực Miền Trung - Tây Nguyên, với những kiến thức nền tảng của mình được trang bị ở nhà trường, nhiều cựu sinh viên Sư phạm Toán học thành đạt ở các lĩnh vực kinh doanh, tài chính, quản lý, ngân hàng, khí tượng thủy văn, thống kê, ... Trải qua hành trình 45 năm, gần 4500 giáo viên Toán đã trưởng thành và tốt nghiệp từ mái nhà này, toả đi muôn phương, tiếp tục sự nghiệp "trồng người". Chương trình đào tạo Sư phạm Toán của Khoa cũng tham gia vào quá trình đào tạo nâng bậc chuyên môn giáo viên Toán, từ cao đẳng lên đại học thông qua

các hệ đào tạo vừa làm vừa học ở Bình Định, Quảng Ngãi, Phú Yên, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, ... Thật đáng khích lệ cho những nỗ lực của Thầy và Trò, khi có nhiều học viên (thậm chí lớn tuổi) đã duy trì được mạch học tập, nghiên cứu, tiếp tục học nâng bậc chuyên môn và hoàn thiện chương trình Cao học với nhiều chuyên ngành khác nhau. Năm 2019, chương trình đào tạo ngành Sư phạm Toán học là một trong ba chương trình đào tạo đầu tiên của Nhà trường được đánh giá ngoài, và đạt được chứng nhận kiểm định chất lượng cấp chương trình đào tạo vào đầu năm 2020.

Năm 1999, trước nhu cầu của xã hội về nguồn lực Toán học, lực lượng giảng viên đã mạnh lên đáng kể với sự tăng cường từ nhóm sinh viên xuất sắc các khoá trước được giữ lại Trường, đã hoàn thành các chương trình đào tạo bậc tiến sĩ và sau tiến sĩ quay trở về Khoa công tác, Khoa Toán đã mở rộng quy mô với ngành Cử nhân Toán học (thường gọi là Tổng hợp Toán, để phân biệt với Sư phạm Toán). Cùng với Sư phạm Toán, ngành Toán học đã bổ sung đáng kể lực lượng giáo viên đang thiếu hụt trầm trọng không chỉ khu vực Miền Trung - Tây Nguyên mà khắp cả nước. Có thể không quá lời khi nói rằng giai đoạn đầu mở rộng ngành Tổng hợp Toán (1999-2009) là giai đoạn "cực thịnh" về quy mô sinh viên đại học theo học hàng năm tại Khoa, với khoảng 200-300 sinh viên chính quy tuyển mới mỗi năm. Các hoạt động ngoại khoá cực kỳ đa dạng và sôi động: hội thao thường niên, giải bóng đá truyền thống là những trận cầu sôi động chật kín khán giả trên sân lẫn hành lang các khu KTX quanh sân vận động; những đêm lửa trại truyền thống, những buổi dạ hội nghiệp vụ sáng rực ánh đèn các dãy giảng đường, ... Đến những năm 2010, các trường đào tạo sư phạm "phủ sóng" khắp cả nước, dẫn đến thừa nguồn cung giáo viên. Bên cạnh đó, các trường đại học đào tạo các chuyên ngành hẹp cũng đa dạng, các ngành nghề hầu như đều có chương trình đào tạo cử nhân chuyên nghiệp, nên nhu cầu tuyển dụng để tham gia các khoá ngắn hạn từ sinh viên các ngành khoa học cơ bản như Toán học hầu như không còn. Khoá đào tạo Toán học cuối cùng của Khoa tốt nghiệp năm 2020, đánh dấu một chặng đường đầy tự hào, như là một nốt thăng trên cung bậc 45 năm mà Thầy và Trò Khoa Toán và Thống kê chúng ta viết nên.

Trước yêu cầu cao của xã hội về những ngành nghề mới gắn liền với Toán học ứng dụng và Công nghệ thông tin, Tập thể Khoa cũng tự đặt ra cho mình thêm hướng đẩy mạnh các lĩnh vực ứng dụng trong xây dựng các ngành đào tạo mới, bên cạnh các ngành đào tạo truyền thống của Khoa. Bằng cách tiếp cận nhóm các cựu sinh viên, giảng viên của Khoa đã và đang học tập, công tác ở các nền kinh tế, giáo dục năng động; năm 2017, Khoa Toán đã xây dựng hoàn thiện hồ sơ đề xuất tuyển sinh ngành KHDL, như là một chuyên ngành đào tạo của ngành Toán ứng dụng; và tuyển sinh khoá đầu tiên vào năm 2019 cùng với sự thay đổi tên Khoa Toán thành Khoa Toán và Thống kê theo Quyết định của Hiệu trưởng Trường ĐHQN.

Đối với công tác đào tạo trình độ đại học, Khoa Toán và Thống kê hiện đang thực hiện trong đào tạo trình độ đại học ngành Toán ứng dụng (chuyên ngành KHDL) và hỗ trợ với Khoa Sư phạm đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Toán học. Đối với công tác đào tạo trình độ ThS thực hiện từ năm 1998, Khoa đang đào tạo các học viên cao học ở 3 chuyên ngành: Toán Giải tích, Đại số và Lý thuyết số, Phương pháp Toán sơ cấp. Bắt đầu từ năm 2020, phối hợp với các khoa Công nghệ thông tin và khoa Kỹ thuật và Công nghệ, Khoa đảm nhiệm chính nhiệm vụ đào tạo trình độ ThS ngành KHDL ứng dụng. Đối với công tác đào tạo tiến sĩ thực hiện từ năm 2013, Khoa đã và đang đào tạo trình độ tiến sĩ với 2 chuyên ngành Toán Giải tích, Đại số và Lý thuyết số.

Quy mô đào tạo của Khoa hiện nay gồm 76 sinh viên đại học hệ chính quy ngành Toán ứng dụng, 30 sinh viên ngành KHDL, 360 sinh viên Sư phạm Toán học, hơn 70 học viên cao học và 04 nghiên cứu sinh. Đến nay, Khoa đã đào tạo 40 khóa học tốt nghiệp với hàng nghìn sinh viên tốt nghiệp trình độ đại học chính quy, đã và đang đào tạo 24 khóa cao học, trong đó 22 khóa đã tốt nghiệp và được cấp bằng thạc sĩ Toán học, đào tạo tiến sĩ với 9 khóa và đã có 13 luận án tiến sĩ đã bảo vệ thành công.

*** Công tác nghiên cứu khoa học**

GV khoa Toán và Thống kê đã chủ trì và tham gia nhiều đề tài KH&CN các cấp, rất nhiều bài báo khoa học đã được đăng trên tạp chí chuyên ngành quốc tế Q1/Q2 có

uy tín rất cao. Nhiều giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo của các GV trong Khoa được xuất bản. Năm năm trở lại đây, GV của Khoa đã thực hiện ??? đề tài KH&CN các cấp, đăng ??? bài báo khoa học và xuất bản ??? đầu sách.

*** *Quan hệ hợp tác đào tạo***

Từ khi thành lập đến nay, Khoa T&TK đã tạo lập được mối quan hệ hợp tác với nhiều trường đại học, tổ chức trong và ngoài nước có liên quan đến đào tạo và nghiên cứu khoa học. Cụ thể, Khoa có quan hệ hợp tác với Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên-ĐHQG Hà Nội, Viện Toán học Hà Nội, Trường ĐH Khoa học Tự Nhiên-ĐHQG TP Hồ Chí Minh, Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐH Limoges, Cộng Hòa Pháp, v.v. Khoa cũng đã cộng tác với Công ty TMA Solutions Bình Định và Công ty FPT Software Quy Nhơn trong việc đào tạo, hướng dẫn SV, HV thực hành và thực tập.

*** *Công tác phát triển nguồn nhân lực***

Công tác phát triển nguồn nhân lực luôn được Khoa đặc biệt quan tâm vì đây là một trong những yếu tố góp phần đáng kể vào việc nâng cao CLĐT. Hiện nay, Khoa có 29 viên chức (trong đó có 27 giảng viên cơ hữu), gồm: 01 phó giáo sư-tiến sĩ khoa học, 04 phó giáo sư tiến sĩ, 21 tiến sĩ và 01 NCS đang học tập và nghiên cứu ở Mỹ. Phần lớn các giảng viên của Khoa được đào tạo trình độ tiến sĩ ở các nước phát triển của Châu Âu và Mỹ.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Mở đầu

CTĐT trình độ ThS ngành KHDL ứng dụng được Hiệu trưởng Trường ĐHQN ban hành kèm theo Quyết định số 3642/QĐ-ĐHQN ngày 23/12/2019. Đây là CTĐT trình độ ThS đầu tiên của Nhà trường được tài trợ bởi Quỹ Đổi mới sáng tạo Vingroup (VinIF) theo Hợp đồng tài trợ mã số VINIF.2020.JM01. CTĐT ngành KHDL ứng dụng được điều chỉnh, bổ sung lần thứ nhất vào ngày 03/12/2021 theo Quyết định số 3217/QĐ-ĐHQN của Hiệu trưởng Nhà trường. Năm 2022, Nhà trường đã ban hành Danh mục thống kê ngành đào tạo trình độ ThS, tiến sĩ trong Quyết định số 1879/QĐ-ĐHQN ngày 25/7/2022, theo đó, ngành KHDL ứng dụng được đổi tên thành ngành KHDL, với chuyên ngành KHDL ứng dụng, giao Phòng Đào tạo SĐH và Khoa T&TK tổ chức quản lý và đào tạo ngành này (trong *Quyết định số 2042/QĐ-ĐHQN ngày 08/8/2022*). Năm 2023, Nhà trường đã triển khai rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT trình độ ThS ngành KHDL trong Kế hoạch số 117/KH-ĐHQN ngày 07/02/2023, và Hiệu trưởng đã ban hành bản sửa đổi, bổ sung CTĐT trình độ ThS ngành KHDL trong tháng 4/2023.

Mục tiêu của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Trường ĐHQN và phù hợp với mục tiêu của GDĐH được quy định tại Luật GDĐH năm 2012 và Luật GDĐH sửa đổi, bổ sung năm 2018.

Trên cơ sở mục tiêu của CTĐT, Nhà trường đã xây dựng CĐR một cách rõ ràng, đầy đủ, bao quát được các yêu cầu chung cũng như yêu cầu chuyên biệt mà HV ngành KHDL cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Quá trình xây dựng, cũng như quá trình rà soát, đánh giá, cải tiến CTĐT ngành KHDL luôn có sự tham gia của các bên liên quan, do đó, CĐR của CTĐT về cơ bản phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan. Bên cạnh đó, cùng với CTĐT, CĐR của CTĐT cũng được rà soát, điều chỉnh định kỳ 2 năm một lần. Đồng thời, CĐR của CTĐT cũng đã được công bố công khai đến các bên liên quan thông qua nhiều kênh khác nhau.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật GDĐH.

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL được xác định rõ ràng, gồm mục tiêu chung là “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về KHDL đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện nay”, và mục tiêu cụ thể được xác định gồm các nhóm mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm **[H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03], [H1.01.01.04], [H1.01.01.05]**.

Mục tiêu của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL phù hợp với sứ mệnh của Trường ĐHQN, đó là “đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội” và phù hợp với tầm nhìn của Nhà trường: “Đến năm 2030, Trường ĐHQN sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế” **[H1.01.01.06]**.

Bên cạnh đó, mục tiêu của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL còn phù hợp với mục tiêu của GDĐH được quy định tại luật GDĐH năm 2012 và luật GDĐH sửa đổi, bổ sung năm 2018, trong đó, mục tiêu cụ thể của đào tạo trình độ ThS nêu rõ “Đào tạo trình độ thạc sĩ để học viên có kiến thức khoa học nền tảng, có kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu về một lĩnh vực khoa học hoặc hoạt động nghề nghiệp hiệu quả, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo” **[H1.01.01.07]**.

Mục tiêu của CTĐT và cả CTĐT trình độ ThS ngành KHDL được xây dựng dựa trên kết quả khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến ngành KHDL, cụ thể là nhu cầu của địa phương, khu vực và cả nước về nguồn nhân lực được đào tạo

trình độ ThS ngành KHDL ứng dụng; nhu cầu nhân lực trong lĩnh vực KHDL của các Sở, Ngành, doanh nghiệp trên địa bàn các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Gia Lai, Đắk Lắk, Quảng Ngãi,...; nhu cầu học ThS ngành KHDL của sinh viên năm thứ 3 và thứ 4 đang theo học các ngành Toán và Thống kê, Công nghệ thông tin, Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Quản lý Tài nguyên và môi trường,... tại Trường Đại học Quy Nhơn **[H1.01.01.08]**.

Mục tiêu của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL khi xây dựng đã nhận được góp ý của Hội đồng thẩm định CTĐT, trong đó có các nhà khoa học là các chuyên gia trong lĩnh vực KHDL, cùng với đại diện đơn vị sử dụng lao động trong lĩnh vực KHDL **[H1.01.01.09]**, **[H1.01.01.10]**. Trong quá trình thực hiện CTĐT, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực KHDL nhằm nhận được các ý kiến góp ý đối với mục tiêu của CTĐT, cách thiết kế CTĐT và góp ý cụ thể đối với đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT **[H1.01.01.11]**. Bên cạnh đó, qua các hội thảo phát triển CTĐT trình độ ThS ngành KHDL được tổ chức tại Trường, các chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực KHDL, các Sở ban ngành tỉnh Bình Định, học viên cao học đang theo học và học viên cao học đã tốt nghiệp cũng đã đưa ra các góp ý đối với mục tiêu của CTĐT, đối với cấu trúc và nội dung CTĐT, đối với tính ứng dụng của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành KHDL **[H1.01.01.12]**.

Bên cạnh đó, mục tiêu của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL tại Trường khi xây dựng đã được so sánh với CTĐT ở một số trường đại học trong nước và trên thế giới, cũng như so sánh với mục tiêu của CTĐT trình độ ThS được Nhà trường ban hành trước đó trước đó nhằm đánh giá được sự đổi mới về mục tiêu CTĐT trình độ ThS ngành KHDL, cập nhật những tiến bộ về mặt công nghệ ở Việt Nam và trên thế giới **[H1.01.01.13]**.

Ngoài ra, để các bên liên quan có điều kiện tiếp cận và đánh giá việc đạt được mục tiêu của CTĐT đã xác định, Nhà trường và Khoa T&TK đã công khai CTĐT trình độ ThS ngành KHDL trên cổng thông tin điện tử của Trường và của Khoa **[H1.01.01.14]**.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của Trường ĐHQN, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH. Mục tiêu của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL đã nhận được góp ý của các bên liên quan trong quá trình xây dựng, cập nhật, phát triển CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Mục tiêu của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL chưa được truyền thông rộng rãi đến các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Truyền thông rộng rãi hơn đến các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL	Phòng Đào tạo SDH, Khoa T&TK	Từ năm học 2023 – 2024	

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục định kỳ rà soát, cải tiến mục tiêu của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL để đảm bảo sự phù hợp của mục tiêu CTĐT với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHQN và với mục tiêu của Luật GDĐH hiện hành	Khoa T&TK	Từ năm học 2023 – 2024	
---	--------------------	--	-----------	------------------------	--

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu riêng biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. *Mô tả hiện trạng*

CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL đã được xác định rõ ràng trong cả CTĐT, Bản mô tả CTĐT, CTDH, đồng thời, CĐR của mỗi học phần trong CTĐT cũng đã được xác định rõ ràng trong quá trình xây dựng và phát triển CTĐT các năm 2019, 2021, 2023 [H1.01.01.02], [H1.01.01.03], [H1.01.01.04], [H1.01.01.05]. CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL được xây dựng phù hợp với sứ mệnh của Trường ĐHQN, đó là “đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội” và phù hợp với tầm nhìn của Nhà trường: “Đến năm 2030, Trường ĐHQN sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế” [H1.01.01.06].

CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL đã được thiết kế bao quát được đầy đủ cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà học viên cần đạt được khi hoàn thành CTĐT, bao gồm 3 phần cốt lõi về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Cụ thể, CĐR về kiến thức của CTĐT có cả CĐR về kiến thức chung (2 PLO) và CĐR về kiến thức chuyên môn (3 PLO) (kiến thức về Toán-Thống kê, về công nghệ thông tin, lập trình, KHDL,...); CĐR về kỹ năng của CTĐT có cả CĐR về kỹ năng chung (3 PLO) và CĐR về kỹ năng chuyên môn (3 PLO) (kỹ năng thu thập, phân tích, xử lý dữ liệu trong các lĩnh vực, kỹ năng lập trình, kỹ năng mềm,...); CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm (3 PLO) có cả CĐR về đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực KHDL, về khả năng tự học – tự cập nhật kiến thức trong lĩnh vực công nghệ, ... **[H1.01.01.02], [H1.01.01.03], [H1.01.01.04]**. CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL đảm bảo HV tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu của các vị trí công việc đề cập đến trong CTĐT **[H1.01.01.02], [H1.01.01.03], [H1.01.01.04]**.

Trên cơ sở CĐR của CTĐT đã được xác định, Khoa cũng đã thiết kế CĐR của các học phần trong CTĐT, giúp cho việc đạt được CĐR của CTĐT, trong đó thể hiện rõ mức độ đóng góp của các học phần (thấp, trung bình hoặc cao) vào việc đạt được CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL **[H1.01.01.02], [H1.01.01.03], [H1.01.01.04], [H1.01.01.05]**.

CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL khi xây dựng đã nhận được góp ý của Hội đồng thẩm định CTĐT, trong đó có các nhà khoa học là các chuyên gia trong lĩnh vực KHDL, cùng với đại diện đơn vị sử dụng lao động trong lĩnh vực KHDL **[H1.01.01.09], [H1.01.01.10]**. Trong quá trình thực hiện CTĐT, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực KHDL nhằm nhận được các ý kiến góp ý đối với mục tiêu và CĐR của CTĐT, cách thiết kế CTĐT và góp ý cụ thể đối với đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT **[H1.01.01.11]**. Bên cạnh đó, qua các hội thảo phát triển CTĐT trình độ ThS ngành KHDL được tổ chức tại Trường, các chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực KHDL, các Sở ban ngành tỉnh Bình Định, học viên cao học đang theo học và học viên cao học đã tốt nghiệp cũng đã đưa ra các góp ý đối với CĐR của CTĐT **[H1.01.01.12]**.

Cũng giống như mục tiêu của CTĐT, CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL tại Trường khi xây dựng đã được so sánh với CĐR của CTĐT tại một số trường đại học trong nước và trên thế giới, cũng như so sánh với CĐR của CTĐT trình độ ThS được Nhà trường ban hành trước đó trước đó nhằm đánh giá được sự đổi mới về CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL, giúp HV tốt nghiệp đáp ứng tốt yêu cầu của các đơn vị sử dụng lao động [H1.01.01.13].

Cũng giống như CĐT của CTĐT, để các bên liên quan có điều kiện tiếp cận và đánh giá việc đạt được CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL, Nhà trường và Khoa T&TK đã công khai CTĐT trên cổng thông tin điện tử của Trường và của Khoa [H1.01.01.14].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL được xác định rõ ràng và bao quát đầy đủ cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà HV cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL chưa được thực hiện rộng rãi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Trong quá trình rà soát, cải tiến CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành	Khoa T&TK	Từ năm học 2023 – 2024	

		KHDL, thực hiện việc lấy ý kiến góp ý rộng rãi hơn đến các bên liên quan			
2	Phát huy điểm mạnh	Trong quá trình rà soát, cải tiến CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL, tiếp tục xác định CĐR một cách rõ ràng, thể hiện đầy đủ cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà HV cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT	Khoa T&TK	Từ năm học 2023 – 2024	

5. *Tự đánh giá:* mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. *Mô tả hiện trạng*

CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL được Nhà trường ban hành từ khi xây dựng năm 2019 và được rà soát, cải tiến qua 2 lần rà soát, cải tiến CTĐT trong các năm 2021, 2023 [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03], [H1.01.01.04], [H1.01.01.05].

CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL được xây dựng dựa trên kết quả khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến ngành KHDL, cụ thể là nhu cầu của địa phương, khu vực và cả nước về nguồn nhân lực được đào tạo trình độ ThS ngành KHDL ứng dụng; nhu cầu nhân lực trong lĩnh vực KHDL của các Sở, Ngành, doanh nghiệp trên địa bàn các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Gia Lai, Đắk Lắk, Quảng Ngãi,...; nhu cầu học ThS ngành KHDL của sinh viên năm thứ 3 và thứ 4 đang theo học các ngành Toán và Thống kê, Công nghệ thông tin, Kinh tế, Quản

trị kinh doanh, Quản lý Tài nguyên và môi trường,... tại Trường ĐHQN [H1.01.01.08].

CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng. Cụ thể, CĐR của CTĐT khi xây dựng đã nhận được góp ý của Hội đồng thẩm định CTĐT, trong đó có các nhà khoa học là các chuyên gia trong lĩnh vực KHDL, cùng với đại diện đơn vị sử dụng lao động trong lĩnh vực KHDL [H1.01.01.09], [H1.01.01.10]. Nhà trường cũng đã tổ chức lấy ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực KHDL nhằm nhận được các ý kiến góp ý đối với CĐR của CTĐT, cách thiết kế CĐR của CTĐT và góp ý cụ thể đối với CĐR của các học phần trong CTĐT [H1.01.01.11].

Trong quá trình thực hiện CTĐT trình độ ThS ngành KHDL, Nhà trường đã tổ chức rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT, định kỳ 2 năm một lần. Việc rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT trình độ ThS được thực hiện theo các quy định và kế hoạch của Nhà trường [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.03.03]. Bên cạnh đó, qua các hội thảo phát triển CTĐT trình độ ThS ngành KHDL được tổ chức tại Trường, các chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực KHDL, các Sở ban ngành tỉnh Bình Định, học viên cao học đang theo học và học viên cao học đã tốt nghiệp cũng đã đưa ra các góp ý đối với CĐR của CTĐT, đối với cấu trúc và nội dung CTĐT, đối với tính ứng dụng của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL [H1.01.01.12].

Bên cạnh đó, CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL đã được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường và của Khoa, nhằm phổ biến thông tin CTĐT và giúp các bên liên quan có điều kiện tiếp cận và đánh giá việc đạt được CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL [H1.01.01.14].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan và có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng.

CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL được rà soát, điều chỉnh định kỳ 2 năm một lần theo quy định và theo kế hoạch chung của Nhà trường.

CĐR của CTĐT được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường và của Khoa.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của một số bên liên quan khi xây dựng và rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL còn chưa được thực hiện đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Mở rộng đối tượng lấy ý kiến khi rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL, chú trọng lấy ý kiến các nhà sử dụng lao động và các tổ chức xã hội – nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định và một số tỉnh lân cận	Phòng Đào tạo SDH, Khoa T&TK	Từ năm học 2023 – 2024	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục thực hiện tốt việc định kỳ rà soát, điều chỉnh CĐR của	Khoa T&TK	Từ năm học 2023 – 2024	

		CTĐT theo kế hoạch của Nhà trường			
3	Phát huy điểm mạnh 2	Định kỳ tổ chức hội nghị và khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để thực hiện rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT một cách phù hợp. Đồng thời, tiếp tục thực hiện cập nhật những thay đổi, bổ sung của CĐR của CTĐT trên các kênh thông tin của Trường và Khoa một cách đều đặn, thường xuyên và rộng rãi.	Trường ĐHQN, Khoa T&TK	Từ năm học 2023 – 2024	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Thực hiện việc thông tin rộng rãi CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL trên các kênh thông tin của Trường và của Khoa	Trường ĐHQN, Khoa T&TK	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHQN và phù hợp với mục tiêu của GDDH được quy định tại luật GDDH năm 2012 và luật GDDH sửa đổi, bổ sung năm 2018. Mục tiêu của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ,

kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, mục tiêu của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL còn chưa được thông tin rộng rãi đến các bên liên quan.

CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL được xác định rõ ràng và bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Ngoài ra, để các bên liên quan có điều kiện tiếp cận và đánh giá việc đạt được mục tiêu và CĐR của CTĐT, Nhà trường và Khoa T&TK đã công khai CTĐT trình độ ThS ngành KHDL trên cổng thông tin điện tử của Trường và của Khoa. Tuy nhiên, việc khảo sát lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan về CĐR của CTĐT còn chưa được thực hiện một cách rộng rãi.

CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan và có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng. CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL được rà soát, điều chỉnh định kỳ 2 năm một lần theo quy định và theo kế hoạch chung của Nhà trường. CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL được công bố công khai trên website của Trường và của Khoa T&TK. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến của một số bên liên quan khi xây dựng và rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL còn chưa được thực hiện đa dạng.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, CTĐT trình độ ThS ngành KHDL đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí trong đó cả 3 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo.

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành KHDL trình độ ThS được xây dựng vào năm 2019, được điều chỉnh và cập nhật vào các năm 2021 và 2023. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần cung cấp đầy đủ các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, CĐR của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về kiểm tra, đánh giá học phần và phương pháp dạy, học. Nhờ vậy,

NH có thể nắm bắt được các nội dung, lộ trình học tập và CDR các học phần để có thể đạt được kết quả tốt nhất trong học tập.

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần ngành KHDL trình độ ThS được công bố công khai dưới nhiều hình thức để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, giúp NH hiểu về CTĐT, giúp nhà tuyển dụng lao động nắm bắt được các thông tin về kiến thức chuyên môn và các kỹ năng mềm mà NH đã được trang bị để có quyết định tuyển dụng hợp lý và giúp các chuyên gia thẩm định, rà soát chương trình và đánh giá viên hiểu được mục tiêu của CTĐT ThS và các kết quả học tập dự kiến. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT luôn cập nhật những thông tin phản hồi từ phía GV, HV đang học, cựu HV và các nhà tuyển dụng để cải tiến và hoàn thiện hơn CTĐT nhằm nâng cao khả năng đạt được các kết quả học tập dự kiến.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 2017, Trường ĐHQN chuyển từ hình thức đào tạo ThS định hướng nghiên cứu sang hình thức đào tạo ThS định hướng ứng dụng. Dựa trên các quyết định ban hành quy chế đào tạo trình độ ThS của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHQN đã ra các quyết định ban hành và quy định đào tạo ThS cũng như CTĐT các ngành trình độ ThS theo định hướng ứng dụng [H2.02.01.01], [H2.02.01.02]. Trên cơ sở đó, Trường ĐHQN đã xây dựng CTĐT ngành KHDL trình độ Ths một cách phù hợp.

Bản mô tả CTĐT ngành KHDL trình độ ThS có đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết theo quy định của Bộ GD&ĐT [H1.01.01.03]. Cụ thể, bản mô tả CTĐT có các thông tin: tên trường, trình độ đào tạo, ngành đào tạo, mã ngành, tên tiếng Anh, loại hình đào tạo, hình thức đào tạo, thời gian đào tạo, mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, tiêu chí tuyển sinh, CDR, khối lượng kiến thức toàn khóa và mô tả các học phần. CTĐT ngành KHDL trình độ ThS được thiết kế gồm CTĐT, CTDH và bản mô tả CTĐT. Việc rà soát, bổ sung CTĐT ngành KHDL được Khoa T&TK thực hiện hai năm một lần [H1.01.03.02], [H1.01.03.03]. Việc rà soát CTĐT trình độ ThS cũng được Khoa T&TK thực hiện qua so sánh với CTĐT ở lần cập nhật trước và so sánh

với CTĐT ngành KHDL trình độ ThS của các trường khác nhằm ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo tại Khoa [H1.01.01.13].

Bản mô tả CTĐT ngành KHDL trình độ ThS liên tục được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan. Ngoài việc tham khảo CTĐT của một số trường đại học uy tín trong nước và thế giới, Trường ĐHQN còn tổ chức khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT ngành KHDL trình độ ThS để nâng cao chất lượng CTĐT [H2.02.01.03], [H2.02.01.04], [H2.02.01.05]. Điều này giúp CTĐT ngành KHDL trình độ ThS tại Khoa phù hợp hơn nữa với yêu cầu thực tiễn. CTĐT ngành KHDL trình độ ThS được biên soạn kỹ lưỡng và được thông qua sau các cuộc họp, góp ý và thống nhất từ Hội đồng Khoa T&TK và Hội đồng Khoa học Trường ĐHQN [H1.01.01.10].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT trình độ ThS ngành KHDL tại Trường ĐHQN có đầy đủ các thông tin theo quy định.

Bản mô tả CTĐT luôn được cập nhật những vấn đề mới nhất cả về lý thuyết và thực tiễn có liên quan đến ngành KHDL.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến các bên liên quan về bản mô tả CTĐT trình độ ThS ngành KHDL chưa được thực hiện rộng rãi và đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Trong quá trình rà soát, điều chỉnh bản mô tả CTĐT, thực hiện việc lấy ý kiến các bên	Phòng Đào tạo SĐH, Khoa	Từ năm học 2023-2024	

		liên quan rộng rãi và đa dạng hơn	T&TK		
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục mô tả rõ ràng các nội dung liên quan đến CTĐT.	Khoa T&TK	Từ năm học 2023-2024	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan đến ngành KHDL vào bản mô tả CTĐT.	Khoa T&TK	Từ năm học 2023 - 2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Đề cương chi tiết học phần là bản mô tả các nội dung giảng dạy, sự phân phối kiến thức cho từng tiết học cùng với CDR của học phần, đồng thời cũng là cơ sở để GV và NH thực hiện đúng trách nhiệm của mình. Mỗi CDR chi tiết của từng học phần luôn được gắn liền với từng hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng.

Tất cả các đề cương chi tiết học phần đều được viết theo mẫu M4 với đầy đủ các thông tin như: tên trường; tên GV đảm nhận giảng dạy; tên học phần; số tín chỉ; mục tiêu; CDR của học phần trong ma trận liên kết nội dung, chương mục với CDR, các yêu cầu đối với GV và HV; cấu trúc học phần; kế hoạch giảng dạy chi tiết; phương pháp dạy - học; phương thức kiểm tra đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa và được thể hiện ở các CDR của từng học phần. Đề cương chi tiết học phần đảm bảo thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được CDR của học phần, phương pháp giảng dạy - học tập để có thể đạt được các CDR đã nêu và phương pháp đánh giá để

đánh giá hiệu quả giảng dạy [H1.01.01.05]. Đề cương chi tiết các học phần được công bố công khai trên website của Trường và của Khoa [H1.01.01.14].

Đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT trình độ ThS ngành KHDL được xây dựng năm 2019 và tất cả đã được rà soát, bổ sung vào các năm 2021 và năm 2023 dựa trên góp ý của các bên liên quan [H2.02.01.03], [H2.02.01.04], [H2.02.01.05]. Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh đề cương các học phần, Khoa T&TK đã bám sát các quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và kế hoạch rà soát, bổ sung, cập nhật và phát triển CTĐT của Trường ĐHQN [H2.02.01.01], [H2.02.01.02]. Đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT trình độ Ths ngành KHDL được biên soạn kỹ lưỡng và được thông qua sau các cuộc họp, góp ý và thống nhất từ Hội đồng Khoa T&TK và Hội đồng Khoa học Trường ĐHQN [H1.01.01.10].

2. Điểm mạnh

Tất cả đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT trình độ ThS ngành KHDL có đầy đủ thông tin theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHQN, và được định kỳ rà soát, bổ sung theo kế hoạch của Trường ĐHQN.

3. Điểm tồn tại

Tài liệu tham khảo trong đề cương chi tiết của một số học phần chưa được cập nhật kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát và cập nhật các tài liệu tham khảo trong đề cương chi tiết các học phần	Khoa T&TK	Từ năm học 2023 – 2024	

		trong CTĐT			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cập nhật, đánh giá định kỳ đề cương các học phần một cách bài bản để đáp ứng hơn nữa nhu cầu cập nhật của xã hội.	Khoa T&TK	Từ năm học 2023 – 2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Nhận thấy được tầm quan trọng của việc phổ biến CTĐT và đề cương chi tiết học phần một cách rộng rãi, sau khi CTĐT ngành KHDL trình độ ThS được Trường ĐHQN ban hành, Khoa T&TK đã công bố công khai cho các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, NH, NH đã tốt nghiệp... nội dung bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT trình độ ThS ngành KHDL bằng nhiều hình thức khác nhau: công bố công khai trên website của Khoa T&TK và giới thiệu cho HV trong buổi gặp mặt HV đầu khóa học [H1.01.01.03], [H1.01.01.05], [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, GV đảm nhận các học phần cũng giới thiệu cho HV đề cương chi tiết học phần mình phụ trách.

Trường ĐHQN đã tổ chức các hội thảo chuyên đề về đào tạo trình độ ThS ngành KHDL để nâng cao chất lượng dạy và học: Phát triển CTĐT trình độ ThS ngành KHDL (năm 2020), KHDL và ứng dụng (năm 2021), Đào tạo ngành KHDL từ thực tiễn Trường Đại học Quy Nhơn (năm 2021), Tính ứng dụng trong chương trình đào tạo ngành KHDL (năm 2023), Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ngành KHDL phục vụ công cuộc chuyển đổi số của đất nước (năm 2023) [H1.01.01.12]. Từ đó đưa ra những điều chỉnh hợp lý trong bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần mới nhất (tháng 5 năm 2023).

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần ngành KHDL trình độ ThS được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Việc tiếp cận bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT của các bên liên quan chưa thực sự thuận tiện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cải tiến phương thức công khai CTĐT trên các kênh thông tin của Trường và của Khoa để các bên liên quan có thể tiếp cận một cách thuận tiện nhất	Trường ĐHQN, Khoa T&TK	Bắt đầu từ năm học 2023 – 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục công khai bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT qua các kênh thông tin khác nhau của Trường và của Khoa để các cơ quan quản lý, các nhà sử dụng lao động, GV, HV, cựu HV đều	Trường ĐHQN, Khoa T&TK	Bắt đầu từ năm học 2023 – 2024	

		có thể tiếp cận được			
--	--	----------------------	--	--	--

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Việc cải tiến chất lượng CTĐT ngành KHDL trình độ ThS phù hợp với nhu cầu xã hội là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Khoa. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần của ngành KHDL trình độ ThS được xây dựng một cách bài bản theo đúng quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách có hệ thống, đảm bảo yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, có tham khảo CTĐT của các trường đại học uy tín trong nước và nước ngoài; có sự tham gia đóng góp ý kiến của GV trực tiếp giảng dạy, HV, nhà sử dụng lao động và cựu HV. Trên cơ sở tiếp nhận các ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, Khoa đã triển khai điều chỉnh, cập nhật định kỳ CTĐT và đề cương chi tiết học phần. Bản mô tả CTĐT ngành KHDL trình độ ThS và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Mặc dù vậy, việc lấy ý kiến các bên liên quan về bản mô tả CTĐT trình độ ThS ngành KHDL chưa được thực hiện rộng rãi và đa dạng, tài liệu tham khảo trong đề cương chi tiết của một số học phần chưa được cập nhật kịp thời, việc tiếp cận bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT của các bên liên quan chưa thực sự thuận tiện. Tuy nhiên, điều này không ảnh hưởng lớn đến tính hiệu quả của bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành KHDL trình độ ThS đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí, với số điểm cả 3 tiêu chí là 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.

Mở đầu

Cấu trúc và nội dung của CTDH ngành KHDL trình độ ThS của Trường ĐHQN được thiết kế hợp lý theo quy chế của Bộ GD&ĐT, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Nhà trường, đúng với các quy định về xây dựng CTĐT của Trường ĐHQN. CTDH được cập nhật, bổ sung lần thứ nhất vào năm 2021 và lần thứ hai vào năm

2023 trên cơ sở tham khảo ý kiến của GV, HV và nhà sử dụng lao động. CTDH được thiết kế dựa trên các mục tiêu, chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học nhằm đáp ứng kết quả học tập mong đợi của CTĐT ngành KHDL trình độ ThS. Đội ngũ GV, CTDH, phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập được thiết kế và vận dụng hiệu quả nhằm đảm bảo người học đạt được CĐR của từng học phần và CĐR chung của CTĐT.

Cấu trúc và nội dung giảng dạy các học phần trong CTDH được phân bố logic, theo trình tự từ cơ sở đến chuyên ngành. Đề cương chi tiết mỗi học phần trong CTDH đều có CĐR rõ ràng và hướng đến đạt được CĐR của toàn bộ CTĐT. Đề cương chi tiết học phần trong CTDH ngành KHDL trình độ ThS được cập nhật và điều chỉnh định kỳ 2 năm một lần, năm 2021 và 2023. Quá trình dạy học, kiểm tra, đánh giá HV ngành KHDL được thực hiện nghiêm túc, công bằng nhằm đảm bảo đạt được các CĐR chung của CTĐT và các CĐR của mỗi học phần.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành KHDL trình độ ThS được xây dựng và ban hành lần đầu tiên vào năm 2019 lồng ghép trong CTĐT, đến năm 2021 nó được tách ra ở lần cập nhật bổ sung thứ nhất và được cập nhật lần thứ hai năm 2023 [H1.01.01.01], [H1.01.01.04]. CTDH có cấu trúc và nội dung xây dựng dựa theo các quy chế của Bộ GD&ĐT, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn, quy định của Trường ĐHQN [H3.03.01.01].

CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm theo quy chế của Bộ GD&ĐT và được thực hiện dựa theo CĐR của CTĐT và bản mô tả CTĐT ngành KHDL trình độ ThS [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Đối với CĐR về kiến thức, có CĐR về kiến thức chung và CĐR về kiến thức chuyên môn (kiến thức về Toán-Thống kê, về công nghệ thông tin, lập trình, KHDL,...); CĐR về kỹ năng có CĐR về kỹ năng chung và CĐR về kỹ năng chuyên môn (kỹ năng thu thập, phân tích, xử lý dữ liệu trong các lĩnh vực, kỹ năng lập trình, kỹ năng mềm,...); CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm có CĐR về đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực KHDL, về khả năng tự học – tự cập nhật kiến thức trong lĩnh vực công nghệ, ... Theo đó, để đạt mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành KHDL trình độ

ThS, CTDH đã có sự kết hợp hài hòa giữa các phần kiến thức như phần kiến thức chung, kiến thức cơ sở và kiến thức ngành, và đề án tốt nghiệp [H1.01.01.04]. Các khối kiến thức và các học phần trong CTDH được thiết kế một cách tối ưu để đạt được CDR của CTĐT [H1.01.01.02].

Các học phần trong CTDH ngành KHDL trình độ ThS được thiết kế có tính kế thừa, bổ sung và liên quan chặt chẽ với nhau thể hiện qua bản mô tả học phần [H1.01.01.05]. Trong mỗi đề cương chi tiết học phần đều có mô tả kiến thức bắt buộc, các môn học trước (nếu có), các kỹ năng cũng như mức tự chủ và trách nhiệm mà NH cần đạt được thông qua tự nghiên cứu, học tập ở một hoặc nhiều học phần trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo [H1.01.01.05]. Ngoài việc đảm bảo kiến thức về chuyên môn nghề nghiệp, HV ngành KHDL còn được rèn luyện các kỹ năng cần thiết khác như kỹ năng rèn luyện phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; năng lực thực hành nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của CDR. Các học phần đều được thiết kế dựa trên CDR của CTĐT, được thể hiện qua ma trận quan hệ giữa các học phần và CDR trong CTĐT [H1.01.01.02]. Theo CTĐT năm 2023, tổng số tín chỉ của CTĐT ngành KHDL trình độ ThS là 60 tín chỉ, trong đó: phần kiến thức chung được phân bổ 3 tín chỉ đã cung cấp các kiến thức về Triết học; phần kiến thức cơ sở và kiến thức ngành với 56 tín chỉ, bao gồm các học phần bắt buộc là 27 tín chỉ, các học phần tự chọn là 15 tín chỉ, thực tập đồ án 6 tín chỉ, 9 tín chỉ còn lại được phân bổ cho đề án tốt nghiệp [H1.01.01.02].

Để thực hiện tốt CTDH ngành KHDL trình độ ThS, ở đầu mỗi khóa, Khoa đã phối hợp với các khoa liên quan đến việc đào tạo đề xuất kế hoạch và Nhà trường ban hành kế hoạch đào tạo cho toàn khóa; trước mỗi đợt học Trường ban hành kế hoạch đào tạo và thời khóa biểu cụ thể cho từng đợt/học kỳ [H3.03.01.02]. Các Kế hoạch đã thể hiện một cách đầy đủ, chi tiết về nguồn lực giảng viên đảm nhiệm giảng dạy các học phần trong CTDH và tiến độ thực hiện CTDH [H3.03.01.03]. Trong học kỳ cuối của CTDH, học viên phải hoàn thành luận văn/đề án tốt nghiệp thạc sĩ. Quy trình thực hiện, đầu tiên Nhà trường ra thông báo triển khai, hướng dẫn quy trình thực hiện giao đề tài và phân công người hướng dẫn; Khoa đề xuất danh sách GV trong và ngoài trường có thể tham gia hướng dẫn và nhu cầu, học viên liên hệ đề nghị GV hướng dẫn,

đề xuất tên đề tài và đề cương nghiên cứu; Nhà trường ra quyết định công nhận tên đề tài và giảng viên hướng dẫn **[H3.03.01.04]**.

Ở tất cả các học phần trong CTDH, việc lựa chọn tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH phù hợp và góp phần đạt được CĐR. Ở mỗi học phần đều xác định rõ phương pháp dạy và học cần áp dụng, trong đó phương pháp dạy học tích cực lấy NH làm trung tâm như seminar, thảo luận nhóm,... được lồng ghép thực hiện trong hầu hết các học phần. Để đo lường mức độ đạt được CĐR của học phần, nhiều phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH đã được kết hợp thực hiện trong hầu hết các học phần. Nhìn chung, các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả đã góp phần hỗ trợ khá hiệu quả trong việc đạt được CĐR của học phần và CĐR của CTDH. Cụ thể, kết quả học tập của NH qua các năm có sự thay đổi, NH cảm thấy hứng thú với các môn học trong CTDH. NH đảm bảo việc học đúng tiến độ đề ra **[H1.01.01.05]**, **[H1.01.01.04]**.

CTDH ngành KHDL trình độ ThS đã nhận được góp ý của Hội đồng khoa học chuyên môn, các nhà khoa học là các chuyên gia trong lĩnh vực KHDL, cùng với đại diện đơn vị sử dụng lao động trong lĩnh vực KHDL **[H1.01.01.10]**, **[H1.01.01.11]**, **[H1.01.01.12]**. Trong quá trình thực hiện chương trình, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực KHDL nhằm nhận được các ý kiến góp ý đối với mục tiêu và CĐR của CTDH, cách thiết kế CTDH và góp ý cụ thể đối với các học phần trong CTDH **[H1.01.01.12]**. Bên cạnh đó, qua các hội thảo phát triển CTĐT trình độ ThS ngành KHDL được tổ chức tại Trường, các chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực KHDL, các Sở ban ngành tỉnh Bình Định, học viên cao học đang theo học và học viên cao học đã tốt nghiệp cũng đã đưa ra các góp ý đối với CĐR của CTDH **[H1.01.01.12]**. Hơn nữa, trước khi HV tốt nghiệp, Trường tổ chức khảo sát, đánh giá chất lượng CTĐT, CTDH đến từng HV **[H3.03.01.05]**.

Cũng giống như CĐR của CTĐT, CTDH trình độ ThS ngành KHDL tại Trường khi xây dựng đã được so sánh với CĐR của CTĐT tại một số trường đại học trong nước và trên thế giới, cũng như đối sánh với CĐR của CTDH trình độ ThS được Nhà trường ban hành trước đó trước đó nhằm đánh giá được sự đổi mới về CĐR của

CTDH trình độ ThS ngành KHDL, giúp HV tốt nghiệp đáp ứng tốt yêu cầu của các đơn vị sử dụng lao động [H1.01.01.13].

2. Điểm mạnh

CTDH ngành KHDL trình độ ThS được thiết kế dựa trên các yêu cầu CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của CTĐT ngành KHDL trình độ ThS. Các CĐR này tuân theo các quy định của Bộ GD&ĐT và được xây dựng có sự tham khảo ý kiến góp ý của người sử dụng lao động.

Các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH của tất cả học phần trong CTDH là phù hợp, góp phần đạt được CĐR của học phần và CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTDH trình độ ThS ngành KHDL còn chưa được đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Trong quá trình rà soát CTDH, mở rộng đối tượng lấy ý kiến	Phòng Đào tạo SDH, Khoa T&TK	Từ năm học 2023 – 2024	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục thực hiện tốt việc định kỳ rà soát, điều chỉnh CĐR của CTDH theo kế hoạch	Khoa T&TK	Từ năm học 2023 – 2024	

		của Nhà trường			
3	Phát huy điểm mạnh 2	Định kỳ tổ chức hội nghị và khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để thực hiện rà soát, điều chỉnh CĐR của CTDH một cách phù hợp. Đồng thời, tiếp tục thực hiện cập nhật những thay đổi, bổ sung của CĐR của CTDH trên các kênh thông tin của Trường và Khoa một cách đều đặn, thường xuyên và rộng rãi.	Trường ĐHQN, Khoa T&TK	Từ năm học 2023 – 2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHQN đã ban hành Quy định đào tạo ThS theo định hướng nghiên cứu và ThS theo định hướng ứng dụng dựa theo Quyết định ban hành quy chế đào tạo ThS theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng của Bộ GD&ĐT [H2.02.01.01], [H2.02.01.02]. Theo đó, Trường cũng ban hành quy định về xây dựng, phát triển CTĐT và quy trình mở ngành đào tạo trình độ ThS, cùng với các kế hoạch rà soát, đánh giá và xây dựng lại CTĐT ngành KHDL trình độ ThS [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H3.03.02.01]. Trên cơ sở đó, Khoa T&TK đã triển khai thực hiện việc điều chỉnh, cập nhật nội dung các học phần trong CTDH nhằm đáp ứng CĐR của CTĐT ngành KHDL trình độ ThS dựa trên ý kiến góp ý của các bên liên quan

như: nhà sử dụng lao động, cựu HV về CĐR và CTĐT; ý kiến phản hồi của HV năm cuối về CTĐT; ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của GV **[H1.01.01.11], [H1.01.01.12], [H2.02.01.03]**.

Trong CTDH ngành KHDL trình độ ThS, tất cả các học phần đều có sự tương thích về nội dung và thể hiện rõ sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR. Cụ thể, để đảm bảo các học phần hướng đến đạt được CĐR, 100% đề cương chi tiết học phần được xây dựng theo hướng đảm bảo tương thích với các yêu cầu về CĐR của CTDH, CTĐT theo từng yêu cầu CĐR về kiến thức, về kỹ năng, về mức tự chủ và trách nhiệm của NH đóng góp cho CĐR của CTĐT cùng với mức độ đạt được: thấp (L), trung bình (M) và cao (H). Tất cả các học phần trong CTDH đều có đề cương chi tiết học phần và được biên soạn bởi các GV trực tiếp giảng dạy ở các Bộ môn của Khoa Toán và Thống kê, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Kỹ thuật và Công nghệ theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ và CĐR của CTĐT **[H3.03.02.02], [H3.03.02.03], [H1.01.01.10] [H1.01.01.02], [H1.01.01.05]**. Hơn nữa, các học phần trong CTDH ngành KHDL trình độ ThS được cấu trúc thành các khối kiến thức theo trình tự từ cơ sở đến chuyên sâu của ngành, trong đó bao gồm hai phần kiến thức là kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên của ngành. Việc sắp xếp các học phần theo trình tự logic và khoa học đảm bảo được tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu. Điều này được thể hiện rất rõ trong CTĐT ngành KHDL trình độ ThS **[H1.01.01.02]**.

Tất cả các học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học; phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau một cách tốt nhất để đảm bảo đạt được CĐR của CTĐT. Về phương pháp giảng dạy, mỗi học phần đều được thiết kế thành các tổ hợp phương pháp cho từng nội dung theo hướng phát triển năng lực cho NH. Phương pháp thuyết giảng nhằm cung cấp cho NH hệ thống kiến thức nền tảng của môn học; phương pháp dạy học theo nhóm để đưa ra các tình huống cho nhóm người học tranh luận, tìm cách giải quyết vấn đề; nêu câu hỏi gợi mở giúp NH phát triển tư duy để nắm được nội dung cốt lõi của môn học; phần bài tập giúp NH vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống giả định.

Trong quá trình học, các phương pháp đánh giá năng lực của NH được tiến hành thường xuyên trong các buổi dạy và được thể hiện thông qua điểm quá trình (trọng số đóng góp từ 30% đến 50%), điểm kết thúc học phần (trọng số đóng góp từ 50% đến 70%) **[H1.01.01.05]**. Kết quả đánh giá của từng HV được Phòng Đào tạo SDH thông tin đến từng HV.

Nội dung của các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (người học, doanh nghiệp, nhà khoa học,...). Toàn bộ đề cương các học phần được rà soát cập nhật và bổ sung định kỳ hai năm một lần. Từ năm 2019 đến nay, Khoa đã có 02 lần rà soát, cập nhật, điều chỉnh đề cương học phần cùng với CTĐT vào năm 2021 và 2023, với mục đích đảm bảo yêu cầu theo quy định của luật Giáo dục đại học, Khung trình độ Quốc gia và cập nhật cho phù hợp với yêu cầu của xã hội, thị trường lao động và những phát triển của lĩnh vực KHDL. Mỗi lần cập nhật, đều có biên bản nghiệm thu CTDH và đề cương chi tiết học phần và đều tham khảo ý kiến phản hồi của các bên liên quan **[H1.01.01.10], [H1.01.01.12]**.

Khoa T&TK đã xây dựng kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH nhằm đảm bảo đạt được CĐR của CTĐT một cách tốt nhất **[H3.03.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.04]**. Khoa phối hợp với Nhà trường tổ chức phổ biến đến NH nội dung và thế mạnh của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL, kế hoạch thực hiện CTĐT **[H1.01.01.12]**.

2. Điểm mạnh

Tất cả các học phần trong CTDH đều có sự tương thích về nội dung và thể hiện được đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR.

Tất cả các học phần xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp nhằm đảm bảo đạt được CĐR của CTĐT.

Nội dung của các học phần trong CTDH đã thể hiện việc đạt được CĐR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Mức độ hỗ trợ của phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá ở một số học phần còn chưa thực sự hiệu quả để góp phần đạt được CĐR của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cải tiến phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá của các học phần, đảm bảo việc đạt được CĐR	Khoa T&TK	Từ năm học 2023 – 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt việc định kỳ rà soát, cập nhật, điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần, CĐR học phần theo kế hoạch của Nhà trường. Định kỳ tổ chức hội nghị và khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để thực hiện rà soát, điều chỉnh CĐR học phần phù hợp.	Khoa T&TK	Từ năm học 2023 – 2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, có tính tích hợp và nội dung cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành KHDL trình độ ThS của Khoa T&TK, Trường ĐHQN được thiết kế theo quy định đào tạo trình độ ThS theo định hướng ứng dụng của Bộ GD&ĐT và các quy định của Trường ĐHQN, đảm bảo được sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần thuộc phần kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành **[H2.02.01.01]**, **[H2.02.01.02]**. Toàn bộ CTDH có tổng số 60 tín chỉ, bao gồm phần kiến thức chung là 1 học phần (Triết học); phần kiến thức cơ sở ngành có 9 học phần bắt buộc, và kiến thức chuyên ngành có 3 học phần bắt buộc, 5 học phần tự chọn trong tổng số 12 học phần; học phần thực tập đồ án và học phần đề án tốt nghiệp. Hằng năm, Kế hoạch giảng dạy được Khoa xây dựng dựa theo các công văn hướng dẫn của Nhà trường **[H3.03.01.02]**.

Tất cả các học phần được sắp xếp theo trình tự hợp lý: phần kiến thức chung được trang bị đầu tiên; sau đó là các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành. Các học phần thực tập trong CTĐT được bố trí ở cuối đợt 3 và đầu đợt 4 của thời gian đào tạo **[H1.01.01.02]**.

Theo chủ trương chung của Nhà trường, định kì ít nhất 2 năm một lần, tất cả các học phần đều được rà soát, cập nhật để điều chỉnh, bổ sung các kiến thức mới phù hợp với sự thay đổi của các chuẩn mực, luật, nghị định, thông tư mới, việc này luôn được lên kế hoạch rõ ràng **[H1.01.03.02]**, **[H3.03.02.01]**. Theo đó, từ lúc mở ngành năm 2019 đến nay, Khoa đã tiến hành 2 lần cập nhật CTĐT, CTDH và đề cương chi tiết các học phần trình độ ThS ngành KHDL theo quy định. Để có thể thay đổi nội dung cho phù hợp, Nhà trường và Khoa T&KT đã tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan như các chuyên gia trong lĩnh vực, cựu HV, các đơn vị sử dụng lao động,... về CTDH và CTĐT ngành KHDL trình độ ThS để có thể nhận được phản hồi,

góp ý từ những đối tượng này đến CTDH tại Trường ĐHQN để nâng cao tính cập nhật của CTDH cho phù hợp thực tiễn **[H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.12]**.

Khi xây dựng và rà soát CTDH ngành KHDL trình độ ThS, Khoa đã tham khảo và so sánh CTDH ngành KHDL trình độ ThS với CTĐT tiên tiến của các trường đại học trong và ngoài nước để xem mức độ phù hợp của CTDH tại Trường với các trường đại học khác **[H1.01.01.13]**.

CTDH ngành KHDL trình độ ThS được đăng trên website của Khoa, Trường nhằm giúp các HV và người có nhu cầu học ThS ngành KHDL thấy được cấu trúc và trình tự CTDH tại Trường ĐHQN, giúp họ xây dựng lộ trình học tập phù hợp **[H1.01.01.14]**. Khoa T&TK và Trường ĐHQN đã lập kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH, đảm bảo CTDH ngành KHDL trình độ ThS đạt chất lượng như cam kết trên các tài liệu quảng bá này **[H3.03.01.02],[H3.03.01.03],[H3.03.01.04]**.

2. Điểm mạnh

CTDH ngành KHDL trình độ ThS của Trường ĐHQN được cấu trúc, trình tự theo hệ thống khối kiến thức gắn kết logic theo hướng từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn của ngành. Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. Các nội dung trong CTDH định kỳ được cập nhật và có sự tham khảo từ các CTDH tiên tiến trong nước và CTĐT nước ngoài nhằm đảm bảo tính linh hoạt và tính tích hợp cao.

3. Điểm tồn tại

Thời lượng các học phần thực tập trong CTDH được thiết kế chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú

				hoặc hoàn thành	
1	Khắc phục tồn tại	Tăng thời lượng các học phần thực tập trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH ngành KHDL	Trường ĐHQN, Khoa T&TK	Từ năm học 2023 – 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật các CTĐT, CTDH tiên tiến của các trường đại học trong và ngoài nước	Khoa T&TK	Từ năm học 2023 – 2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

CTDH ngành KHDL trình độ ThS của Khoa T&TK nói chung đã được thiết kế dựa trên CDR của CTĐT, có cấu trúc, trình tự logic và có sự tích hợp của các các học phần nhằm đảm bảo cho NH được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp và từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở và kiến thức của ngành, được đi thực tế, thực tập để hiểu hơn về ngành KHDL. Các học phần trong CTDH được thiết kế linh hoạt, bổ trợ nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho NH tiếp cận, lĩnh hội kiến thức ngành và các kỹ năng mềm. Nội dung các học phần luôn được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật với sự tham khảo từ các CTĐT tiên tiến trên thế giới và ý kiến của các bên liên quan nhằm đạt được kết quả theo CDR. Dựa trên đề cương chi tiết của mỗi học phần cụ thể, các học phần tiên quyết được đề ra một cách hợp lý, đầy đủ, không gây khó khăn cho NH trong việc học các môn tiếp theo. Đề cương chi tiết học phần đã mô tả được học phần, thể hiện rõ mục tiêu, CDR của học phần, các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kế hoạch giảng dạy chi tiết và hình

thức đánh giá kiểm tra đối với NH đảm bảo tính khách quan, chính xác và công bằng.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành KHDL trình độ ThS đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí, các tiêu chí đều đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.

Mở đầu

Nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của phương pháp dạy và học trong cải tiến chất lượng đào tạo, đồng thời, dựa trên kế hoạch chung của Nhà trường, Khoa Toán và Thống kê (TTK) đã tiến hành xác định mục tiêu của ngành học để từ đó định hướng cho các hoạt động trong công tác đào tạo. Từ mục tiêu này, cùng với kết quả từ những khảo sát thực tiễn, Khoa đã từng bước xây dựng CTĐT phù hợp và phổ biến rộng rãi đến giảng viên, học viên liên quan để tiến tới đạt được CDR tương ứng. Thông qua các hoạt động hỗ trợ thích hợp, tập thể cán bộ của khoa nỗ lực hỗ trợ, hướng dẫn người học hình thành ý thức học tập chủ động, cũng như năng lực tự học, tự nghiên cứu để góp phần nâng cao khả năng học tập lâu dài.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi đã được Nhà trường ban hành trong Quyết định số 186/QĐ-ĐHQN ngày 13/02/2017 [H4.04.01.01]. Đồng thời, Nhà trường cũng đã công bố triết lý giáo dục (TLGD) trong Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn [H4.04.01.02]. Theo đó, Nhà trường đã xác định nội dung cụ thể là “Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp”. Nội dung “Toàn diện” được xác định theo nghĩa hướng tới đào tạo các thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho người học nền tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội; nội dung “Khai phóng” được xác định theo nghĩa hướng tới phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; tạo môi

trường học tập và rèn luyện giúp người học phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội. Nội dung “Thực nghiệp” được xác định theo nghĩa hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học có thể thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp. Văn bản tuyên bố về TLGD đã được thông tin rộng rãi đến toàn thể công chức, viên chức, sinh viên, học viên thông qua nhiều kênh, đặc biệt là cổng thông tin trực tuyến [H4.04.01.03].

Trên cơ sở triết lý và mục tiêu chung của Nhà trường, chương trình thạc sĩ KHDL ứng dụng hướng đến việc “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về Khoa học dữ liệu đáp ứng nhu cầu trong nước và quốc tế” [H4.04.01.04]. Về kiến thức, CTĐT hướng đến cung cấp các kiến thức nền tảng khoa học cũng như công nghệ tương ứng để có thể thích ứng, vận hành và phát triển nâng cao trong bối cảnh nghề nghiệp thực tiễn. Về mặt kỹ năng, chương trình đặt mục tiêu trang bị kỹ năng chuyên môn liên quan cũng như năng lực xã hội và đạo đức nghề nghiệp tương ứng phù hợp với hoạt động thực tiễn sau này. Điều đó đã được thể hiện đầy đủ ở trang thông tin về ngành học của Khoa [H4.04.01.05].

Mục tiêu đào tạo và CDR về các mặt kiến thức, kỹ năng cũng như thái độ của người học được chuyển tải, phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan như người học, giảng viên, nhà tuyển dụng, ... thông qua nhiều kênh khác nhau, thường xuyên nhất là trên cổng thông tin trực tuyến của đơn vị quản lý [H4.04.01.06]. Ngoài ra, thường kỳ Nhà trường có kế hoạch tổ chức đón tiếp học viên mới [H4.04.01.07] giới thiệu về các ngành học và những nội dung liên quan. Ở cấp độ Khoa, bên cạnh việc tham gia các hoạt động chung như thế, thông tin liên qua đến đặc thù ngành học được chuyển tải trên website trực tuyến của Khoa [H4.04.01.05]. Những hoạt động này góp phần hỗ trợ người học, người dạy, nhà tuyển dụng cũng như cựu học viên có thể dễ dàng tiếp cận những thông tin quan tâm và có ý kiến phản hồi có giá trị ở bối cảnh cần thiết. Để định hướng và xây dựng mục tiêu đào tạo phù hợp, cùng với kế hoạch chung của Nhà

trường, Khoa cũng đã tiến hành khảo sát và lấy ý kiến của các bên [H4.04.01.08]. Kết quả khảo sát được tiếp thu và làm cơ sở cho việc rà soát và điều chỉnh CTĐT cho phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành văn bản tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục.

Triết lý giáo dục được phổ biến rộng rãi tới các bên liên quan.

Công thông tin điện tử của Nhà trường công bố văn bản về triết lý giáo dục.

3. Điểm tồn tại

Một số ít viên chức, người học chưa hoàn toàn hiểu rõ toàn bộ nội hàm của triết lý giáo dục.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phối hợp cùng với các đơn vị chức năng đề xuất Nhà trường có kế hoạch đẩy mạnh hơn nữa việc quảng bá, phổ biến văn bản triết lý giáo dục, chú trọng việc diễn giải, thuyết minh đầy đủ nội hàm của chúng	Khoa T&TK	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Đội ngũ GV của Khoa tiếp tục tích cực, chủ động cập nhật, trau dồi năng lực chuyên môn, đổi mới phương pháp giảng dạy đáp ứng mục tiêu của triết lý giáo dục chung	Khoa T&KT	Từ năm học 2023-2024	

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình đào tạo ngành thạc sĩ KHDL ứng dụng gần nhất được ban hành kèm theo quyết định số 3217/QĐ-ĐHQN của Nhà trường [H4.04.02.01]. Theo đó, mục tiêu chung của chương trình là nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về Khoa học dữ liệu đáp ứng nhu cầu trong nước và quốc tế, giúp người học tích lũy kiến thức và kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm về ngành nghề liên quan; năng động, sáng tạo; có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; và từ đó, tạo động lực phát huy tính tích cực và chủ động trong việc tự rèn luyện nâng cao năng lực hoạt động nghề nghiệp sau này. Điều đó thể hiện rõ trong bản mô tả chương trình đào tạo/đề cương các học phần liên quan [H4.04.02.02], và đã được công bố rộng rãi trên cổng thông tin trực tuyến của đơn vị quản lý ngành học [H4.04.02.03].

Căn cứ theo mục tiêu chung, các hoạt động dạy và học trong khuôn khổ chương trình được thiết kế và xây dựng nhằm đạt được CDR và từng bước hướng tới đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Vì là một lĩnh vực đa ngành, đội ngũ giảng dạy tham gia chương trình được hợp thành từ nguồn nhân lực tại chỗ của Khoa cùng với một số đơn vị trực thuộc trường, và đội ngũ thỉnh giảng bao gồm các chuyên gia, nhà nghiên cứu bên ngoài [H4.04.02.04]. Giảng viên của Khoa cùng với các đơn vị tham gia công tác đào tạo đã chủ động đổi mới phương thức truyền tải, khai phá kiến thức và rèn luyện tư duy, kỹ năng thích ứng với lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp sau này. Chẳng hạn, bên cạnh phương pháp truyền thống như thuyết trình kết hợp với vấn đáp gợi mở, thảo luận nhóm tại chỗ, tùy điều kiện cụ thể, giảng viên còn vận dụng bài tập lớn, dự án nghiên cứu nhỏ, ... để tạo điều kiện tối đa cho người học tự do thể hiện và phát huy thế mạnh, sở trường bản thân.

Một đặc điểm đáng chú ý là phạm vi đào tạo của ngành phục vụ cho nhiều nhóm đối tượng người học khác nhau, qua đó tạo nên sự đa dạng đầu vào, đồng thời

cũng tạo ra một số khó khăn nhất định, điển hình là xây dựng kế hoạch phù hợp. Để tạo điều kiện thuận lợi cho toàn thể học viên, trên cơ sở kế hoạch chung của Nhà trường, đơn vị quản lý chương trình đào tạo cũng linh động lên lịch học tập từng kỳ và từng năm học sao cho thích ứng với điều kiện và đặc thù của từng khoá học viên, cũng như tạo sự linh động nhất định để người dạy người học tương tác cùng nhau tốt nhất có thể [H4.04.02.04].

Vì là định hướng ứng dụng, chương trình có bao hàm nội dung tiến hành thực tập (tại đơn vị phù hợp) vào năm thứ hai [H4.04.02.05]. Đây là những nội dung quan trọng góp phần gắn liền công tác đào tạo với hoạt động nghề nghiệp thực tiễn. CTĐT hiện hành bao gồm hai đợt thực tập, học viên được giới thiệu về các đơn vị, cơ quan mà có liên quan cũng như có sử dụng nguồn nhân lực liên quan đến ngành đào tạo để thực hiện nhiệm vụ tương ứng. Cuối năm thứ hai, học viên sẽ tiến hành thực hiện đề án tốt nghiệp cuối khoá theo kế hoạch từ đầu khoá học. Định kỳ, Nhà trường triển khai công tác giao đề tài đề án và phân công người hướng dẫn để giúp học viên hoàn kíp thời đúng tiến độ [H4.04.02.06]. Những học viên đạt chuẩn quy định theo chương trình đào tạo sẽ được xét công nhận và cấp Bằng tốt nghiệp theo kế hoạch chung của Nhà trường [H4.04.02.07].

Bên cạnh các hoạt động dạy và học, Nhà trường cũng tiến hành một số hoạt động hỗ trợ nhằm giúp người dạy, người học có điều kiện được tiếp xúc nhiều hơn với các chuyên gia, doanh nghiệp, người sử dụng lao động, chẳng hạn, các hội thảo khoa học chuyên đề, bài giảng đại chúng, ngày hội Khoa học và Công nghệ, ... [H4.04.02.08]. Thông qua những sự kiện này, người học có thêm thông tin và góc nhìn toàn diện hơn về cơ hội phát triển và nghề nghiệp trong tương lai.

Để có cơ sở thẩm định, đánh giá hiệu quả cũng như rà soát, cập nhật chương trình, Nhà trường đã thực hiện lấy ý kiến đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên, về chương trình đào tạo từ người học trong từng học kỳ và cả năm thông qua nhiều kênh khác nhau [H4.04.02.09]. Bên cạnh đó, Khoa quản lý chuyên môn cũng đã chủ động thực hiện khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan để có thông tin đầy đủ phục vụ cho công tác cải tiến chất lượng của CTĐT [H4.04.02.10].

2. Điểm mạnh

Giảng viên của Khoa đã xây dựng được các hoạt động dạy học cũng như phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR.

Khoa và đội ngũ giảng viên hướng dẫn người học các hoạt động học tập phù hợp giúp người học lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR.

Đa số giảng viên, người học tỏ ra hài lòng với các hoạt động dạy và học được sử dụng trong CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động liên quan đến thực tập, đồ án còn chưa đa dạng về hình thức, ít phong phú về nội dung.

Thời lượng của các nội dung thực hành ở một số ít học phần còn chưa đáp ứng nhu cầu người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với các đơn vị liên quan mở rộng tìm kiếm đối tác, doanh nghiệp sử dụng lao động liên quan ngành học nhằm đa dạng hoá các loại hình thực tập, đồ án - Điều chỉnh thời lượng các giờ thực hành ở học phần liên quan, đề xuất nhà trường có kế hoạch rà soát cơ sở vật chất phục vụ thực hành, thực nghiệm 	Khoa T&TK	Từ năm học 2023 – 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa tiến hành rà soát, cập nhật trên cơ sở đối sánh các	Khoa T&KT	Từ năm học 2023 – 2024	

		chương trình đào tạo tương đương nhằm có lộ trình cải tiến, đổi mới công tác dạy và học ngày càng phù hợp hơn			
--	--	---	--	--	--

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. *Mô tả hiện trạng*

Mặc dù có sự khác biệt ít nhiều giữa các học phần với nhau, nhìn chung các hoạt động dạy và học đều được thiết kế để hướng tới tạo môi trường giúp người học chiếm lĩnh tri thức và phát huy tối đa tiềm năng bản thân, góp phần thúc đẩy quá trình rèn luyện kỹ năng chuyên môn cốt lõi lẫn kỹ năng mềm cho người học. Điều này được thể hiện khá rõ nét trong đề cương chi tiết các học phần có liên quan, cũng như trong mối tương quan giữa các học phần với nhau của CTĐT [H4.04.03.01]. Các yếu tố này chi tiết hoá rõ hơn mục tiêu của CTĐT đã được công bố trên website của CSGD mà các bên liên quan như người học, người sử dụng lao động, cựu học viên, người tham gia giảng dạy đều có thể dễ dàng truy cập và tham chiếu [H4.04.03.02]. Nhìn chung, có thể thấy rằng 100% đề cương chi tiết các môn học/học phần đã mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm, ...

Về chi tiết, CTĐT được thiết kế sao cho bao hàm sự linh hoạt nhất định tạo điều kiện thuận lợi cho người dạy, người học có thể có nhiều phương pháp tiếp cận vấn đề sao cho phù hợp với từng mức độ yêu cầu và nhu cầu của mỗi người học. Từ bản mô tả CTĐT đã đề cập ở trước [H4.04.03.01], 100% đề cương chi tiết các môn học/học phần có đề cập đến các hoạt động tự nhiên cứu/tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Các hoạt động học tập đa dạng giúp người học có thể tự xác định và điều chỉnh chiến lược học tập hợp lý với điều kiện và nguyện vọng cá nhân và đáp ứng yêu cầu chung của chương trình cũng như định hướng môi trường hoạt động nghề nghiệp. Các hoạt động thực tập cũng như đề

án tốt nghiệp đòi hỏi người học có năng lực tự nghiên cứu làm chủ tri thức và rèn luyện khả năng vận dụng chúng vào việc giải quyết vấn đề cụ thể; giúp cho học viên vừa tiếp thu lĩnh hội vừa đồng thời có khả năng diễn đạt kiến thức, tìm tòi tài liệu, trình bày suy nghĩ của mình và phản biện lẫn nhau [H4.04.03.03], [H4.04.03.04]. Những điều này sẽ là tiền đề thuận lợi cho việc thích ứng với hoạt động nghề nghiệp cũng như hoàn thiện bộ kỹ năng của bản thân người học, và nâng cao khả năng tự nghiên cứu và học tập về sau. Bên cạnh các chương trình hỗ trợ do Nhà trường triển khai thực hiện, như các hội nghị, hội thảo, chuyên đề khoa học, đơn vị chuyên môn Khoa Toán & Thống kê thường xuyên tổ chức hoạt động khoa học với sự tham gia của chuyên gia trong và nước ngoài có uy tín và tâm huyết về giảng dạy hoặc trao đổi khoa học, tạo nên một tinh thần học thuật cởi mở và nhân văn [H4.04.03.05], [H4.04.03.06].

Căn cứ theo nội dung CTĐT đã ban hành [H4.04.03.01], đội ngũ giảng đã áp dụng các hoạt động/phương pháp dạy học phù hợp nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao năng lực học tập suốt đời. Với đặc thù ngành học, bên cạnh các hoạt động thực hành, thực tập, việc chuẩn bị tốt nguồn học liệu đa dạng phục vụ công tác dạy học cũng là yếu tố góp phần thuận lợi đáng kể cho người học tự nghiên cứu, thể hiện năng lực và sức sáng tạo của bản thân.. CSGD đã cố gắng từng bước đổi mới trang bị kho tài liệu, học liệu đa dạng và phong phú được định kỳ rà soát cập nhật để đáp ứng kịp với nhu cầu dạy và học [H4.04.03.07]. Người dạy và người học có thể tiếp cận với nguồn học liệu qua sự hỗ trợ của trung tâm thông tin tư liệu mà có thể được tiếp cận trực tuyến [H4.04.03.08]. Ngoài ra, Khoa Toán & Thống kê với vai trò đơn vị chuyên môn, nhờ sự hỗ trợ góp sức từ nhiều nguồn, đã xây dựng được một thư viện chứa lượng đầu sách chuyên ngành phong phú, đa dạng phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu [H4.04.03.09]. Những điều này góp phần tạo môi trường tương đối thuận lợi cho việc đổi mới hướng đến lấy người học làm trung tâm, phát huy năng lực độc lập nghiên cứu và hợp tác làm việc nhóm lĩnh hội tri thức. Để giúp cho giảng viên có thông tin phản hồi, Nhà trường thường xuyên tổ chức các đợt tương tác giữa hoạt động dạy và học, lấy ý kiến phản hồi của người học [H4.04.03.10],

[H4.04.03.11] để từ đó, có kế hoạch kịp thời rà soát, điều chỉnh CTĐT cũng như cập nhật các hoạt động dạy học, phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ người học trong việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập lâu dài.

2. Điểm mạnh

Đề cương chi tiết các học phần mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm.

Đề cương chi tiết các học phần mô tả các hoạt động tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

Giảng viên đã sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Một bộ phận người học có ý thức tự học chưa tốt gây ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động dạy và học.

Cơ sở vật chất còn những hạn chế nhất định, nguồn học liệu trực tuyến vẫn còn chưa hoàn thiện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao tinh thần, ý thức tự học của HV thông qua các hoạt động dạy học được thiết kế phù hợp, có kết hợp hướng dẫn viết bài luận, thực hành và thuyết trình nhóm. - Đề nghị Nhà trường có kế hoạch rà soát cơ sở vật chất, xây dựng hoàn thiện nguồn học liệu E-learning liên quan 	Khoa T&TK	Từ năm học 2023 - 2024	

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật đề cương chi tiết theo hướng đẩy mạnh hoạt động tự học, tự nghiên cứu của người học.	Khoa T&TK	Từ năm học 2023 - 2024	
---	--------------------	--	-----------	------------------------	--

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Các hoạt động dạy và học là công tác trọng tâm luôn được chú trọng quan tâm. Vì là một khâu quan trọng, cho nên với vai trò về mặt chuyên môn, Khoa đã thường xuyên khảo sát, cập nhật và điều chỉnh để cải tiến hơn nữa chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Nhìn chung, dưới sự nỗ lực của toàn thể cán bộ giảng dạy và phục vụ đào tạo, cũng như các đơn vị đối tác, đồng hành, chất lượng CTĐT của ngành đã đạt được những điểm nhấn đáng chú ý. Về mặt tổng quan, triết lý giáo dục của CTĐT đã được xác định rõ ràng và phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan (người dạy, người học, người tuyển dụng,...) thông qua nhiều kênh khác nhau: mô tả CTĐT; trang thông tin điện tử chính thức của CSGD; các hoạt động hỗ trợ như hội thảo chuyên đề; các kênh hỗ trợ khác ... Trên tinh thần đó, tập thể cán bộ giảng dạy tham gia vào quá trình đào tạo cũng thường xuyên trau dồi kiến thức chuyên môn đồng thời tiếp cận phương pháp giảng dạy mới, từ đó góp phần cải thiện chất lượng của công tác dạy và học. Đồng thời, thông qua nhiều hình thức hoạt động khác nhau, CTĐT cũng góp phần đáng kể thúc đẩy tinh thần tự học và học tập suốt đời.

Tuy nhiên, mặc dù đã có sự nỗ lực đáng kể của CSGD, vẫn còn tồn tại những điểm cần được cải tiến thêm để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Công tác khảo sát thực tế cũng như lấy ý kiến của các bên liên quan vẫn còn phải được cải thiện thêm. Thêm nữa, một số khó khăn về chất lượng đầu vào, về cơ sở vật chất cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng đào tạo, cho nên CTĐT cũng cần có lộ trình cải thiện, cập nhật và sửa đổi phù hợp để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thực tiễn xã hội vận động

không ngừng, cũng như nhu cầu sáng tạo và phát triển của đối tượng người học, cơ sở sử dụng lao động.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành KHDL đã đạt được 3/3 tiêu chí và có 1 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm và 2 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học.

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của NH là một khâu quan trọng trong quá trình dạy học ở bậc đào tạo trình độ ThS, giúp kiểm chứng kết quả đổi mới nội dung, phương pháp theo mục tiêu môn học đã đề ra trong những thời điểm nhất định; giúp cho việc định hướng, điều chỉnh kế hoạch dạy học tiếp theo tiến hành phù hợp và đạt hiệu quả cao hơn. Nhận thức được tầm quan trọng đó, công tác đánh giá kết quả học tập của NH đối với ngành KHDL Ứng dụng luôn được chú trọng, nội dung và hình thức đánh giá thường xuyên được cải tiến cho phù hợp với mục tiêu của CTĐT, phù hợp với các mức độ đạt được của CĐR trong CTĐT.

Việc đánh giá kết quả học tập của NH đảm bảo được các tiêu chuẩn về tính khách quan; tính toàn diện; tính thường xuyên, có hệ thống; tính phát triển và tính công khai cùng với các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH được xác định một cách rõ ràng và được thông báo công khai tới người học. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập. Các kết quả đánh giá thu được không chỉ bao hàm mục đích tạo ra động cơ học tập và định hướng phát triển cho NH mà còn góp phần cải tiến chất lượng giảng dạy của GV trong Khoa. Việc đổi mới phương pháp giảng dạy luôn gắn liền với việc đổi mới phương pháp đánh giá kiến thức và kỹ năng của NH, phù hợp với các CĐR của từng môn học.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học phải được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của CĐR.

1. Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở các quy định của Bộ GD&ĐT về kiểm tra đánh giá, Trường ĐHQN đã ban hành các văn bản quy định một cách rõ ràng quy trình đánh giá kết quả học tập của NH nhằm đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu và CĐR của CTĐT [H5.05.01.01], [H5.05.01.02]. Bên cạnh đó, trong điều kiện dịch bệnh Covid-19, Nhà trường cũng đã có quy định về quy trình kiểm tra và đánh giá trực tuyến [H5.05.01.01], [H5.05.01.03]. Để chủ động trong công tác đào tạo, đặc biệt là cho NH có định hướng tốt trong học tập, Nhà trường luôn ban hành kế hoạch đào tạo cho từng khóa ở đầu mỗi năm học, trong đó có cả kế hoạch thi cuối kỳ và được thông báo cụ thể cho NH [H5.05.01.04], [H5.05.01.05], [H5.05.01.06]. Song song đó, công tác tổ chức thi luôn được chú trọng để việc đánh giá NH đạt hiệu quả. Nhà trường có quy định rõ về yêu cầu hình thức và phương pháp, tổ chức đánh giá học phần. Trước mỗi kỳ thi, Nhà trường ban hành các quyết định thành lập Ban tổ chức kỳ thi gồm các phòng ban và khoa để cùng phối hợp tổ chức thi nghiêm túc, đúng quy chế, tạo cơ sở tin cậy cho việc đánh giá kết quả học tập của NH [H5.05.01.07], [H5.05.01.08], [H5.05.01.09].

Các quy trình hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp với mục đích cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR, cụ thể, kết quả học tập của NH đối với mỗi học phần được đánh giá kết hợp bằng cả hai thành phần là điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần; đề cương các học phần trong CTĐT đều nêu rất rõ mục tiêu, yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm. Những yêu cầu này chính là tiêu chuẩn để đánh giá quá trình thu nhận tri thức và rèn luyện của NH theo các thang bậc (biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá) [H1.01.01.03], [H1.01.01.05].

Các phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường mức độ đạt được CĐR. Cụ thể, việc đánh giá CĐR của các học phần được thực hiện trong toàn bộ quá trình học bao gồm: bài tập nhóm đối với đánh giá giữa kỳ; tự luận, vấn đáp, bài tiểu luận đối với đánh giá cuối kỳ và được quy định cụ thể cả về nội dung lẫn hình thức đánh giá trong các đề cương chi tiết học phần [H1.01.01.03], [H1.01.01.05]. Từ mục tiêu và CĐR của học phần, GV xác định các

nội dung cần kiểm tra, đánh giá, các cách thức kiểm tra đánh giá và những yêu cầu cụ thể nhằm đạt được mục tiêu và CDR của học phần. Bảng tiêu chí đánh giá, mẫu phiếu đánh giá khóa học, học phần, bài thi giữa kỳ, cuối kỳ được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết các học phần [H1.01.01.03], [H1.01.01.05], [H5.05.01.10]. NH được phổ biến cụ thể, chi tiết các kế hoạch về thời gian, hình thức và nội dung thi cho từng học phần. Đề thi được rà soát, phê duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Phương pháp cũng như các nội dung đánh giá luôn điều chỉnh để đạt được mục tiêu kiểm tra khả năng phân tích vấn đề của NH theo các thang điểm nhận thức của Bloom trong mỗi khóa học [H5.05.01.07], [H5.05.01.11].

Việc đánh giá luận văn/đề án tốt nghiệp của HV cũng được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế, từ việc phê duyệt sự phù hợp của đề tài với chuyên ngành đào tạo và sự phù hợp của đề cương luận văn/đề án với tên đề tài cho đến khâu tổ chức hội đồng đánh giá luận văn/đề án tốt nghiệp. Khoa tổ chức cho NH đăng ký tên đề tài và đề xuất người hướng dẫn, đồng thời thành lập các hội đồng phê duyệt tên đề tài, rà soát sự phù hợp về chuyên môn của người hướng dẫn và tên đề tài tốt nghiệp. Tiếp đến Phòng Đào tạo SDH kiểm tra các điều kiện và hoàn thiện hồ sơ, trình Hiệu trưởng ký quyết định giao đề tài luận văn tốt nghiệp và cử người hướng dẫn. Nhà trường cũng đã ban hành các quy định về việc tổ chức đánh giá luận văn một cách chặt chẽ, cùng với đó là các quyết định thành lập hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp ThS bao gồm những GV, nhà khoa học trong và ngoài Trường có uy tín và phù hợp về chuyên môn. Để đảm bảo tính thống nhất, Hội đồng thực hiện quy trình chấm luận văn tốt nghiệp ThS, các mẫu phiếu chấm, mẫu nhận xét của GV phản biện đều theo quy định [H4.04.03.03], [H4.04.03.04], [H4.04.03.05], [H4.04.03.06], [H4.04.03.07], [H4.04.03.08], [H4.04.03.09].

2 . Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định một cách rõ ràng quy trình đánh giá kết quả học tập của NH nhằm đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu và CDR của CTĐT.

Các phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường mức độ đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện được việc phân tích định lượng đề thi theo các cấp độ dễ, trung bình, khó, quá khó để phân loại và đánh giá kết quả học tập cũng như đánh giá mức độ đạt được CĐR của HV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện việc phân tích định lượng đề thi các học phần theo cấp độ dễ, trung bình, khó, quá khó và tổ chức thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi của HV	Khoa T&TK	Từ năm học 2023 - 2024	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục hoàn thiện, cập nhật các quy định để nâng cao tính minh bạch, gọn nhẹ trong thực hiện quy trình đánh giá kết quả học tập của NH nhằm đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu và CĐR của CTĐT	Trường ĐHQN, Khoa T&TK	Từ năm học 2023 - 2024	
2	Phát huy điểm mạnh 2	Có kế hoạch tổng kết các phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH để phát huy các tổ hợp	Trường ĐHQN, Khoa T&TK	Từ năm học 2023 - 2024	

		đánh giá hiệu quả nhất cho Trường.			
--	--	------------------------------------	--	--	--

5. *Tự đánh giá:* Mức độ đạt được của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. *Mô tả hiện trạng*

Nhằm giúp cho việc đánh giá kết quả học tập của NH theo các mức độ đạt được của CDR tốt nhất, Trường đã xây dựng và ban hành các quy định để vận dụng cho việc đánh giá kết quả học tập của NH một cách rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi. Các quy định của Trường bao gồm: Quy định đào tạo trình độ ThS; Quyết định ban hành quy định tổ chức thi, đánh giá học phần đào tạo trình độ ThS; Thông báo về việc triển khai, thực hiện giao đề tài luận văn luận văn tốt nghiệp và phân công người hướng dẫn; Quyết định về việc giao đề tài và cử người hướng dẫn luận văn ThS **[H5.05.01.01]**, **[H5.05.01.03]**, **[H4.04.03.03]**, **[H4.04.03.04]**. Các quy định về công tác tuyển sinh liên quan đến việc đánh giá như xác định điều kiện dự thi, môn thi, khâu ra đề thi, tổ chức thi, chấm thi, phúc khảo điểm thi đều được quy định rõ ràng, chặt chẽ trong Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS **[H5.05.01.01]**. Các nội dung liên quan đến thí sinh dự thi được công bố công khai trên website cũng như thông báo trực tiếp cho thí sinh dự thi. NH tốt nghiệp không đúng với ngành đào tạo nhưng thuộc ngành gần sẽ được tạo điều kiện tham gia học bổ sung các học phần theo quy định để đáp ứng điều kiện chuyên môn trước khi tham gia thi tuyển **[H5.05.02.01]**. Các học phần trong CTĐT trình độ ThS ngành KHDL được đánh giá bởi điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần, theo thang điểm 10 và được làm tròn đến một chữ số thập phân. Trọng số của điểm quá trình dao động từ 0,3 đến 0,5, và trọng số điểm thi kết thúc học phần dao động từ 0,5 đến 0,7; đồng thời cũng ban hành cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của NH **[H1.01.01.05]**. Kết quả đánh giá học phần được thông báo đến NH chậm nhất 14 ngày sau khi kết thúc kỳ thi. NH được quyền yêu cầu kiểm tra hoặc phúc khảo kết quả kiểm tra và thi học phần nếu cảm thấy kết quả chưa

được như kỳ vọng, quy trình kiểm tra, phúc khảo được Nhà trường quy định rõ ràng trong các văn bản liên quan [H5.05.02.02], [H5.05.02.03], [H5.05.02.04].

Các văn bản quy định, hướng dẫn về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học được Nhà trường và Khoa thông báo công khai tới NH thông qua các hình thức trực tiếp và gián tiếp. Các văn bản quy định về việc đánh giá kết quả học tập của NH cùng với đề cương chi tiết các học phần được thông báo công khai cho NH trên website của Nhà trường, của Khoa, trong Sổ tay HV (online) [H1.01.01.14], [H5.05.02.05].

NH được phổ biến các quy định, hướng dẫn về kiểm tra/đánh giá các học phần trong buổi Lễ Khai giảng đào tạo trình độ ThS, và trong buổi gặp mặt HV đầu khóa học do Khoa tổ chức [H5.05.02.06]. Đồng thời, trong buổi học đầu tiên của mỗi học phần, GV có trách nhiệm giới thiệu khái quát về học phần bao gồm cả thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số để đánh giá và cơ chế phản hồi cho NH [H1.01.01.05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng và ban hành các quy định về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi liên quan đến đánh giá kết quả học tập của NH.

Các văn bản quy định, hướng dẫn về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học được Nhà trường và Khoa thông báo công khai tới NH.

NH được phổ biến các quy định, hướng dẫn về kiểm tra/đánh giá các học phần trong CTĐT trình độ ThS ngành KHDL.

3. Điểm tồn tại

Việc phản hồi các yêu cầu phúc khảo kết quả thi của HV đối với các học phần tình giảng còn chưa được thực hiện kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người	Thời gian thực hiện	Ghi chú

			thực hiện	hoặc hoàn thành	
1	Khắc phục tồn tại	Trao đổi cụ thể hơn với các công ty tiếp nhận thực tập để xây dựng hướng dẫn đánh giá kết quả NH khi thực tập tại các công ty	Trường ĐHQN, Khoa T&TK	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các văn bản, quy định phù hợp với thực tiễn để vận dụng cho việc đánh giá kết quả học tập của NH.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục đa dạng hơn các hình thức phổ biến công khai tới NH để giúp tất cả NH hiểu và phản ánh kịp thời khi có nhu cầu.	Trường ĐHQN, Khoa T&TK	Từ năm học 2023-2024	
4	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục duy trì phổ biến người học về đánh giá học phần, nhất là khi có cập nhật, bổ sung chương trình đào tạo.	Trường ĐHQN, Khoa T&TK	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình đào tạo ThS KHDL đảm bảo được tính đa dạng trong đánh giá kết quả học tập HV. Việc kiểm tra, đánh giá người học có thể sử dụng một hoặc kết hợp nhiều phương pháp, quy mô kiểm tra khác bao gồm: bài kiểm tra cá nhân, bài tập nhóm, tiểu luận, luận văn/đề án tốt nghiệp; với các hình thức đa dạng: viết tiểu luận, vấn đáp, tự luận (đề đóng), tự luận (đề mở), và bảo vệ đề án. Sự đa dạng trong các

hình thức đánh giá HV cũng được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết học phần, Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo trình độ ThS [H1.01.02.01], [H1.01.02.02], [H5.05.02.02].

Ngoài ra, Khoa và Nhà trường cũng đặc biệt chú trọng đến việc đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và công bằng trong đánh giá kết quả học tập NH. Việc đảm bảo độ giá trị trong đánh giá, thể hiện rõ các quy định trong đề cương chi tiết học phần lần đánh giá luận văn/đề án tốt nghiệp. Trong đề cương chi tiết học phần, từng khối kiến thức đều có quy định mức độ kỹ năng, kiến thức đạt được [H1.01.02.02]. Đối với luận văn/đề án tốt nghiệp, việc chấm luận văn/đề án tốt nghiệp có tiêu chí rõ ràng về thái độ làm việc, khung lý thuyết, phương pháp sử dụng, kết quả thực tiễn, các công bố khoa học, ... thể hiện qua các phiếu đánh giá luận văn. Các tiêu chí này đảm bảo độ giá trị trong đánh giá luận văn tốt nghiệp, thể hiện trong hồ sơ bảo vệ luận văn/đề án tốt nghiệp của HV [H4.04.03.09]. Ngoài ra, để tăng tính đảm bảo giá trị và độ tin cậy trong đánh giá, quy trình biên soạn đề thi, nộp đề thi, in sao đề thi, bảo quản đề thi đảm bảo tính bảo mật, khách quan, chính xác, công bằng. Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức chung một kỳ thi kết thúc học phần. Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng xây dựng kế hoạch thi, chọn và in sao đóng gói đề thi giao cho Phòng Đào tạo SDH tổ chức công tác coi thi, làm phách, lên điểm và nhập điểm thi, GV thi được phân công chấm thi, quy trình thực hiện theo đúng quy chế [H5.05.01.07], [H5.05.01.08], [H5.05.02.02]. Sau mỗi kỳ thi, Nhà trường tổ chức thanh tra tất cả các khâu từ in sao, quản lý đề thi, coi thi, chấm thi, nhập điểm, kiểm tra tính chính xác của việc lên điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần [H5.05.03.03], [H5.05.03.04], [H5.05.01.09], [H5.05.03.05].

Ngoài ra, để đảm bảo độ tin cậy, Nhà trường có quy định cơ chế phản hồi kết quả của NH. Ngay sau khi nhận được kết quả, NH được quyền phản hồi nếu cảm thấy không thỏa mãn với kết quả đánh giá bằng việc viết đơn đề nghị kiểm tra hoặc phúc khảo bài thi theo mẫu của Phòng Đào tạo SDH [H5.05.02.04].

Việc kết hợp các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH được xác nhận đảm bảo tính khách quan và công bằng thông qua khảo sát lấy ý kiến của NH sau mỗi năm học [H1.01.01.09].

Hàng năm, nhà trường đều tổ chức sơ kết để đánh giá về hiệu quả sử dụng tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong CTĐT từ đó có kết luận nhằm rút kinh nghiệm trong kiểm tra/đánh giá cho các năm tiếp theo, thẩm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy – học, đánh giá kết quả học tập với CĐR [H5.05.03.06]. Bên cạnh đó, định kỳ Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tổ chức thi kết thúc học phần, tổng hợp ý kiến phản hồi của GV, HV về CTĐT và hoạt động giảng dạy của GV. Qua đó làm cơ sở để điều chỉnh phương pháp đánh giá NH cho phù hợp và đạt hiệu quả cao nhất [H5.05.03.07], [H1.01.01.11].

2. Điểm mạnh

Phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH được thực hiện đa dạng, việc thực hiện quy trình đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

3. Điểm tồn tại

Chưa xây dựng các phương pháp phân tích kết quả cuối kỳ cho các học phần để nâng cao độ giá trị trong đánh giá HV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Thực hiện công tác thống kê, phân tích kết quả học tập của NH, trước mắt triển khai đối với các học phần được chọn thí điểm.	Khoa Toán & Thống kê.	Từ năm học 2023-2024	

3	Phát huy điểm mạnh 1	Định kỳ tổ chức tổng kết về hiệu quả trong thực hiện đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần của CTĐT.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục định kỳ tổ chức họp tổng kết công tác tổ chức thi kết thúc học phần, tổng hợp ý kiến phản hồi của GV, HV về CTĐT và hoạt động giảng dạy của GV để nâng cao hơn nữa về đảm bảo độ tin cậy, khách quan trong đánh giá NH.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành cụ thể các quy định về thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của HV trong quy chế đào tạo trình độ ThS [H5.05.01.01]. Nhằm đảm bảo việc tổ chức thi và đánh giá kết quả học tập của HV được khách quan, Nhà trường đã ban hành Quyết định số 532/QĐ-ĐHQN để hướng dẫn chi tiết hơn các quy định này [H5.05.02.02]. Việc công bố công khai các quy định này trên Website của Trường và Khoa để giúp GV và HV dễ dàng tiếp cận cũng đã được tiến hành [H5.05.04.03], [H5.05.04.04]. Việc tổ chức thi, đánh giá kết quả học tập từng kỳ của HV được thực hiện chặt chẽ. Cụ thể, Nhà trường ban hành kế hoạch về việc tổ chức thi kết thúc học phần, thành lập ban tổ chức kỳ thi và sau mỗi kỳ thi Phòng Thanh tra - Pháp chế báo

cáo kết quả thanh tra kỳ thi [H5.05.04.05], [H5.05.04.06], [H5.05.04.07]. Việc tổ chức chấm thi và công bố kết quả đánh giá HV được Nhà trường quy định cụ thể và chặt chẽ nhằm giúp HV dễ dàng nhận được phản hồi kết quả kịp thời [H5.05.04.01], [H5.05.04.02]. Chẳng hạn như, chậm nhất là 10 ngày sau khi thi kết thúc học phần, khoa quản lý học phần phải hoàn thành việc nhập điểm thi kết thúc học phần vào phần mềm quản lý đào tạo. HV có thể vào xem điểm của mình bằng cách truy cập vào tài khoản cá nhân [H5.05.04.08]. Bên cạnh đó, GV phải thông báo kết quả đánh giá quá trình cho NH ngay khi kết thúc học phần. Đối với học phần thi vấn đáp, yêu cầu phải do hai GV hỏi thi và điểm thi được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Hầu hết các kết quả các học phần đều được công bố kịp thời, tuy nhiên vẫn tồn tại kết quả của một số học phần bị công bố chậm so với kế hoạch. Hàng năm, nhà trường lập báo cáo tình hình đào tạo trình độ ThS, trong đó có báo cáo về trình độ GV đảm bảo chất lượng giảng dạy, thống kê số lượng HV đăng ký dự thi, trúng tuyển, nhập học, số lượng bảo lưu kéo dài thời gian học tập và số lượng tốt nghiệp từng khoá [H5.05.04.09]. Ngoài ra, cuối mỗi năm, Khoa T&TK cũng có báo cáo tổng kết về tình hình năm học và đưa ra phương hướng năm học mới nhằm cải thiện chất lượng đào tạo [H5.05.04.10].

Mặt khác, việc phản hồi kịp thời kết quả học tập cũng giúp HV chủ động trong kế hoạch học tập của mình nhằm cải thiện kết quả học tập như làm đơn xin học lại học phần để cải thiện điểm học phần và điểm trung bình chung để đạt được các mục tiêu cá nhân của NH [H5.05.04.11]. HV được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học tối đa 1 năm nhưng phải đảm bảo đáp ứng đầy đủ các quy định về đào tạo ThS của Nhà trường với các minh chứng kèm theo [H5.05.04.12]. Bên cạnh đó, HV cũng được phép kéo dài thời gian đào tạo và bảo lưu kết quả học tập trong trường hợp đã hết thời gian đào tạo nhưng chưa hội đủ điều kiện tốt nghiệp [H5.05.04.13]. Tổng thời gian nghỉ học tạm thời và thời gian đào tạo kéo dài tối đa là 2 năm.

Kết hợp việc đánh giá mức độ hài lòng của NH về phản hồi kết quả học tập với các mục tiêu đào tạo khác, Nhà trường triển khai lấy ý kiến phản hồi của HV về hoạt động giảng dạy của GV vào cuối mỗi học kỳ theo “Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan” [H5.05.04.14]. Nhằm tạo điều kiện cho tất cả HV được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV ở tất cả các học phần, Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV bằng các hình thức trực tuyến hoặc phát phiếu khảo sát trực tiếp cho HV [H5.05.04.15]. Sau mỗi đợt khảo sát, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng tổng hợp dữ liệu, xử lý và báo cáo kết quả phản hồi của NH cho lãnh đạo Nhà trường và Khoa nhằm nắm bắt tình hình giảng dạy của

GV, giúp GV có những điều chỉnh, cải tiến góp phần nâng cao chất lượng dạy học [H5.05.04.16].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã đưa ra những quy định cụ thể về việc phản hồi, đánh giá kết quả học tập và thông báo công khai cho HV được biết.

Có hệ thống phần mềm để thực hiện việc phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học.

3. Điểm tồn tại

Trong một số học phần, việc công bố kết quả học tập của cho HV đôi khi còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đôn đốc GV chấm bài thi và nộp điểm thi đúng thời gian quy định. Đồng thời, Nhà trường cần xử lý nghiêm các trường hợp GV chưa thực hiện đúng quy định về kiểm tra, đánh giá HV.	GV Khoa T&TK, Khoa T&TK	Từ năm học 2023 - 2024	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục thực hiện việc công bố công khai và rộng rãi các quy định về đánh giá kết quả học tập cho GV và HV.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023 - 2024	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Thực hiện việc nâng cấp	Trường	Từ năm	

		phần mềm quản lý	ĐHQN	học 2023 - 2024	
--	--	------------------	------	--------------------	--

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. *Mô tả hiện trạng*

Việc khiếu nại về kết quả học tập được Nhà trường quy định cụ thể trong quy trình giải quyết công việc của Trường và được công bố cho HV dễ dàng tiếp cận, cụ thể như sau:

Các quy trình và hình thức khiếu nại được phổ biến cho HV ngay từ khi nhập học thông qua buổi đón tiếp HV đầu khoá và trong sổ tay HV được đăng trên website của Trường [H5.05.05.01], [H5.05.05.02]. Đầu khoá học, Phòng Đào tạo SDH phổ biến cho HV về CTĐT toàn khoá và từng năm học [H5.05.05.03]. Bên cạnh đó, Phòng Đào tạo SDH cũng phổ biến các quy định khác liên quan đến khoá học như việc khiếu nại kết quả học tập, đồng thời các quy định này cũng được đăng tải trên website của Trường và Khoa [H5.05.04.02], [H5.05.04.04]. Trong quá trình học tập, NH được quyền khiếu nại kết quả học tập theo quy định nếu thấy kết quả chưa tương xứng với bài thi, bài kiểm tra của mình.

Đối với điểm quá trình, HV khiếu nại trực tiếp với GV giảng dạy học phần đó khi GV công bố điểm sau khi kết thúc mỗi học phần. Kết quả thi cuối kỳ sẽ được Nhà trường thông báo kịp thời và công khai đến NH để NH có thể phản hồi và khiếu nại kết quả học tập thông qua phần mềm quản lý của Nhà trường và HV có thể truy cập vào phần mềm bằng tài khoản cá nhân của mình [H5.05.04.08]. Ngoài ra, đối với học phần thi vấn đáp phải do hai GV hỏi thi và điểm thi được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Quy trình phúc tra điểm thi kết thúc học phần như sau: Trong vòng 10 ngày kể từ khi công bố điểm thi học phần, nếu có nhu cầu phúc tra thì HV làm đơn phúc tra và nộp cho khoa quản lý học phần [H5.05.04.02], [H5.05.05.04]. Trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận đơn phúc tra, khoa quản lý học phần tổ chức rút bài thi của học viên, kiểm tra, phô tô bài thi và phân công GV chấm phúc tra sau đó khoa quản lý học phần lập biên bản phúc tra bài thi và thông báo cho HV [H5.05.04.02].

Sau mỗi học kỳ, Phòng Thanh tra – Pháp chế đều thực hiện kiểm tra bài thi, khâu lên điểm, nhập điểm vào phần mềm và lập biên bản kiểm tra có xác nhận của Phòng Đào tạo SDH và Phòng Thanh tra – Pháp chế [H5.05.05.05].

Nhờ quy trình chấm thi chặt chẽ, đảm bảo tính khách quan, tin cậy và công tác kiểm tra kết quả thi trước và sau khi thông báo đến HV được thực hiện tốt nên trong 2 năm gần đây, không có HV nào của ngành KHDL nộp đơn đề nghị được phúc tra bài thi, cũng như không xảy ra trường hợp sai sót nào về kết quả đánh giá NH nói chung.

2. Điểm mạnh

Quy trình khiếu nại được công khai để giúp NH dễ dàng tiếp cận.

Nhờ việc thực hiện tốt quy trình chấm thi nên không có trường hợp phúc khảo nào trong 2 năm gần đây.

3. Điểm tồn tại

Các quy định khiếu nại về kết quả học tập vẫn còn chưa được công bố bằng nhiều hình thức khác nhau để giúp NH có thể dễ dàng tiếp cận.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung thêm các hình thức công khai quy định khiếu nại về kết quả học tập như: công bố trên Website, sổ tay HV. Phòng Đào tạo SDH và Khoa T&TK cần nhắc nhở HV chú ý về thời gian khiếu nại sau khi có kết quả thi.	Trường ĐHQN; Phòng Đào tạo SDH; Khoa T&TK.	Từ năm học 2023 – 2024	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục thực hiện việc tiếp nhận các đơn khiếu nại của HV và phân công người	Phòng Đào tạo SDH; Khoa T&TK; GV	Từ năm học 2023 – 2024	

		giải quyết.	Khoa T&TK.		
3	Phát huy điểm mạnh 2	GV cần tiếp tục thực hiện nghiêm túc quy trình kiểm tra đánh giá để hạn chế các trường hợp phải phúc khảo.	GV Khoa T&TK.	Từ năm học 2023 – 2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả học tập NH ngành KHDL trình độ ThS được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHQN, phù hợp với CDR được ban hành và được thông báo rõ ràng, công khai tới NH với các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và hướng đến sự công bằng cho NH. Nội dung đánh giá đảm bảo được yêu cầu đánh giá đúng năng lực, trình độ kiến thức, kỹ năng thực hành và khả năng vận dụng kiến thức của NH trong phạm vi CTĐT. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để giúp cho NH cải thiện việc học tập và nâng cao thành tích của mình.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành KHDL đã đạt được 5/5 tiêu chí và có 4 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm và 1 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.

Mở đầu

Xây dựng và phát triển đội ngũ GV và viên chức quản lý đạt chuẩn tương đương các trường đại học tiên tiến trong nước và quốc tế vừa là mục tiêu, vừa là động lực quan trọng để xây dựng và phát triển các Khoa, phát triển Trường ĐHQN ngang tầm với các đại học uy tín trong nước và quốc tế.

Trường ĐHQN có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ -

Tây Nguyên góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội. Điều này cũng có nghĩa là Nhà trường cần có một lực lượng GV có trình độ và đủ năng lực để tham gia công tác giảng dạy và NCKH. Nhà trường luôn xác định công tác chuẩn hóa và nâng cao chất lượng, trình độ cho GV là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường. Đội ngũ GV của Khoa T&TK khá mạnh, vừa có phẩm chất đạo đức tốt, chuyên môn sâu, phương pháp giảng dạy tốt, nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, có năng lực quản lý và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đặc biệt đội ngũ để thực hiện CTĐT ThS ngành Khoa học dữ liệu có trình độ và năng lực phù hợp với yêu cầu công việc được giao, đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo, có trình độ ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ sư phạm đáp ứng tốt yêu cầu của CTĐT và nhiệm vụ NCKH. Đội ngũ GV của Khoa T&TK được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm, kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Hiện nay, đội ngũ viên chức của Khoa gồm 24 người trong đó 22 GV cơ hữu được chia làm 03 bộ môn (Đại số-Hình học, Giải tích, Toán ứng dụng-Thống kê), bao gồm 01 PGS-TSKH, 2 PGS và 18 TS. Số cán bộ đang làm NCS trong và ngoài nước là 01. Phân hạng giảng viên, bao gồm giảng viên cao cấp: 03, giảng viên chính: 06, giảng viên: 13, chuyên viên: 02. Tham gia trực tiếp giảng dạy chương trình ThS có 01 PGS và 10 TS của Khoa T&TK và 09 TS của khoa Công nghệ thông tin, khoa Kỹ thuật & Công nghệ trong trường. Ngoài ra, để đáp ứng yêu cầu về chuẩn GV giảng dạy trình

độ ThS, Khoa đã mời GV thỉnh giảng ngoài trường là các GS, PGS, TS từ các trường ĐH lớn trong nước tham gia giảng dạy. Việc quy hoạch đội ngũ GV của Khoa T&TK được Nhà trường và Khoa xác định là nhiệm vụ vô cùng quan trọng và cần phải làm thường xuyên để có thể luôn đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của từng năm học.

Thực hiện sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030. Điều cốt lõi trong việc thực hiện sứ mệnh đào tạo, phát triển nói trên là xây dựng và phát triển lực lượng GV có trình độ chuyên môn cao, đủ năng lực để tham gia công tác giảng dạy và NCKH để thực hiện thành công sứ mệnh của Nhà trường [H6.06.01.01]. Nhằm nâng cao năng lực đội ngũ GV đáp ứng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, Nhà trường đã có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng GV trong và ngoài nước, Hiệu trưởng đã đề nghị Trưởng khoa xây dựng kế hoạch và gửi danh sách các GV đi đào tạo trình độ TS theo Đề án 89 [H6.06.01.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn chú trọng công tác quy hoạch viên chức quản lý thông qua kế hoạch bổ nhiệm viên chức quản lý giai đoạn từ năm 2016 đến nay [H6.06.01.01], [H6.06.01.02].

Với vai trò là đơn vị chuyên môn, đào tạo ThS Khoa học dữ liệu cho đất nước, căn cứ nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, Khoa T&TK nói riêng và Trường ĐHQN nói chung luôn chủ động xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV và tạo điều kiện cho GV tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H6.06.01.03]. Hàng năm, Khoa vạch ra phương hướng hoạt động rõ ràng, định hướng phát triển, phát huy những mặt tích cực và những thành tựu đạt được trong năm qua đồng thời rà soát lại những mặt còn hạn chế để tiếp tục xây dựng kế hoạch chiến lược của Khoa, kế hoạch, quy hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV [H6.06.01.03], [H6.06.01.04]. Để xây dựng được đội ngũ GV có chất lượng, Khoa đã thực hiện việc quy hoạch, tuyển dụng GV đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên, năng

lực giảng dạy, năng lực NCKH, ...[H6.06.01.05]. Việc đề bạt, bổ nhiệm CB quản lý có trình độ chuyên môn và năng lực NCKH cao, kinh nghiệm giảng dạy, năng lực quản lý cùng với lòng tận tụy, yêu nghề, ... cũng được Khoa chú trọng, đề nghị Nhà trường tiến hành kịp thời. Việc bổ nhiệm CB lãnh đạo Khoa được thực hiện công khai, đúng quy trình, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng và được thực hiện đúng quy định của Nhà trường [H6.06.01.06].

Bảng 6.1.1. Bảng thống kê về số lượng GV Khoa T&TK được luân chuyển, bổ nhiệm giai đoạn 2017-2023

	Năm học					
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Bổ nhiệm	0	0	1	4	0	0
Bổ nhiệm lại	0	0	0	0	0	0
Luân chuyển	0	0	0	1	0	0

Bảng 6.1.2. Bảng thống kê về số lượng GV Khoa T&TK giai đoạn 2017-2023

Học hàm/Học vị	Năm học					
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
PGS.TS	5	5	4	6	5	4
TS	18	18	19	20	20	19
NCS	2	0	0	0	0	0
ThS	16	13	8	5	1	1
Tổng	41	36	31	31	26	24

(Nguồn: Tổng hợp và tính dựa trên số liệu của Phòng TC-NS)

Trên cơ sở bảng thống kê về số lượng GV, bảng thống kê về cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn của GV, NCV [H6.06.01.07], bảng mô tả vị trí việc

làm của GV, NCV [H06.06.01.08] của Khoa cho thấy việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV của Khoa đã đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Căn cứ nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, Nhà trường và Khoa T&TK đã có kế hoạch phát triển đội ngũ GV cả về số lượng chất lượng, đảm bảo tính kế thừa, liên tục trong thực hiện CTĐT.

100% GV của Khoa có trình độ tiến sĩ đáp ứng yêu cầu giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Việc thu hút nhân lực có trình độ cao phục vụ đào tạo ngành KHDL còn nhiều khó khăn do chính sách đãi ngộ thu hút nhân lực của Nhà trường chưa đủ mạnh.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng và ban hành chính sách đãi ngộ hợp lí, hấp dẫn nhằm thu hút được nhân lực có trình độ cao phục vụ đào tạo ngành KHDL.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023 – 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt việc phân tích nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng của đội ngũ GV; Có kế hoạch và kinh phí phát triển đội ngũ GV; Có các chính sách tốt về công tác nhân sự.	Trường ĐHQN, Khoa T&TK	Từ năm học 2023 – 2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Số lượng HV được tuyển sinh trình độ đào tạo ThS ngành Khoa học dữ liệu không cao. Số lượng HV trong năm đầu tuyển sinh khá thấp và có tăng dần trong những năm về sau. Cùng với việc lựa chọn GV của Khoa và Trường có phẩm chất, đạo đức tốt, trình độ chuyên môn đạt chuẩn tham gia giảng dạy CTĐT ngành Khoa học dữ liệu trình độ ThS, Nhà trường còn chú trọng mời các GV thỉnh giảng có trình độ cao của các trường đại học lớn tham gia giảng dạy CTĐT này.

**Bảng 6.2.1. Số lượng GV thực hiện CTĐT ThS Khoa học dữ liệu
giai đoạn 2020-2023**

Năm học	TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là CB quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
		Hệ số quy đổi		1	1	0,3	0,2	0,2	
2020-2021	1	GS	5,0	0	0	0	2	0	2
	2	PGS	3,0	1	0	1	0	0	3,9
	3	TS	2,0	19	0	5	2	0	41,8
		Tổng		20	0	6	4	0	47,7
1- 202	1	GS	5,0	0	0	0	1	0	1

	2	PGS	3,0	1	0	1	1	0	4,5
	3	TS	2,0	19	0	5	2	0	41,8
		Tổng		20	0	6	4	0	47,3
2022-2023	1	GS	5,0	0	0	0	1	0	1
	2	PGS	3,0	1	0	1	0	0	3,9
	3	TS	2,0	19	0	5	2	0	41,8
		Tổng		20	0	6	3	0	46,7

Cách tính: Cột 10 = cột 4*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

Bảng 6.2.2. Bảng thống kê số lượng NH-GV giai đoạn 2020-2023

TT	Năm học	Số lượng GV	Số lượng GV quy đổi	Số lượng HV	Tỉ lệ NH/GV quy đổi
1	2020 - 2021	24	47,7	13	27,25 %
2	2021 - 2022	24	47,3	29	61,31 %
3	2022 - 2023	23	46,7	28	59,96 %

(Nguồn: Tổng hợp và tính dựa trên số liệu của Phòng Đào tạo SDH)

Theo các bảng số liệu được tổng hợp ở trên thì tỷ lệ NH/GV trong năm năm học vừa qua hoàn toàn đáp ứng quy định hiện hành [H6.06.02.01].

Hàng năm, căn cứ vào Quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV Trường ĐHQN và bản mô tả vị trí việc làm của GV, Trưởng Khoa và các Trưởng bộ môn phân công giờ giảng cho mỗi GV đủ chuẩn theo quy định, phân bổ công việc liên quan đến NCKH đồng đều, hợp lý, phù hợp với năng lực chuyên môn của từng GV theo chuyên ngành phụ trách, đảm bảo khối lượng cũng như chất lượng giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.01.08], [H6.06.02.02].

Trong 5 năm qua, các GV của Khoa đã thực hiện đúng quy định về định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH [H6.06.02.03], [H6.06.02.04]. Ngoài ra, có nhiều GV trong Khoa rất tích cực tham gia hoạt động NCKH, được thể hiện rõ qua số công trình được công bố hàng năm trên các tạp chí uy tín cùng với số đề tài cấp trường, cấp tỉnh, cấp Bộ và cấp Nhà nước do GV của Khoa làm chủ nhiệm, biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo phục vụ cho công tác giảng dạy [H6.06.02.05].

Quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu được triển khai đến từng đơn vị, mỗi GV đều nhận thức được trách nhiệm và nghĩa vụ phải thực hiện của mình. GV thực hiện không đủ khối lượng giờ dạy bị trừ phụ cấp ưu đãi, không hoàn thành nhiệm vụ NCKH trong năm sẽ không được xét chiến sĩ thi đua cơ sở, phải bù giờ NCKH còn thiếu bởi giờ giảng dạy và bị trừ thu nhập tăng thêm theo quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Trường [H6.06.01.01].

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ giảng viên/người học của Khoa T&TK đáp ứng tốt yêu cầu về chất lượng.

Khoa T&TK tổ chức thường xuyên các hoạt động phục vụ cộng đồng trong nhiều năm qua.

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH.

Khối lượng công việc của từng GV được xác định rõ ràng và được giám sát bởi các đơn vị chức năng trong Nhà trường, góp phần để đảm bảo và nâng cao CLĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV chưa được đo lường, đánh giá và giám sát một cách đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường ban hành các quy định hướng dẫn đo lường và đánh giá các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV. Lập bảng thống kê các hoạt động phục vụ cộng đồng hàng năm của GV. Trên cơ sở đó, tổ chức đánh giá mức độ thực hiện các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV.	Trường ĐHQN, Khoa T&TK	Từ năm học 2023 – 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Cập nhật/chỉnh sửa quy định về khối lượng công việc và cơ chế giám sát đối với hoạt động đào tạo, NCKH của đội ngũ GV phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023 – 2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ vào các quy định được ban hành trong Luật GDDH bởi Bộ GD&ĐT [H1.01.01.01], các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV bao gồm cả đạo đức và năng

lực học thuật để bổ nhiệm được thể hiện rõ ràng, chi tiết, đầy đủ trong Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN [H6.06.03.01], chẳng hạn như có phẩm chất đạo đức tốt, có địa chỉ thường trú tại Việt Nam, đảm bảo điều kiện về sức khỏe và trình độ học vấn. Trình độ ngoại ngữ đạt tối thiểu bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ GD&ĐT; tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Ứng viên thể hiện được năng lực NCKH thông qua các công trình NCKH như đề tài, bài báo, báo cáo khoa học đăng trên Kỷ yếu hội thảo khoa học.

Ngoài ra, đối với công tác bổ nhiệm chức danh và bổ nhiệm cán bộ quản lý, Trường và Khoa phổ biến công khai trong các cuộc họp các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm các chức vụ quản lý Trường khoa, Phó Trường khoa, Trưởng bộ môn và luôn tuân thủ chặt chẽ những quy định này, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy và NCKH [H6.06.02.02], [H6.06.02.05].

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm được xác định rõ ràng bằng văn bản và được phổ biến công khai rộng rãi đến toàn thể viên chức trong Trường.

3. Điểm tồn tại

Chính sách đãi ngộ của Nhà trường tuy đã có nhưng vẫn chưa đủ hấp dẫn để có thể thu hút GV có trình độ chuyên môn cao ngành KHDL.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát, bổ sung các chính sách đãi ngộ nhằm thu hút/tuyển dụng các GV có	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023 – 2024	

		trình độ chuyên môn cao về Trường công tác.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện văn bản quy định về việc tuyển dụng, phát triển đội ngũ GV và các văn bản này được công khai trên website của Nhà trường.	Trường ĐHQN, Khoa T&TK	Từ năm học 2023 – 2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Các tiêu chuẩn về năng lực của GV, bao gồm trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng giảng dạy, năng lực NCKH,... được xác định rõ trong Quyết định về việc ban hành quy chế tổ chức & hoạt động của Trường ĐHQN, Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Bản mô tả vị trí việc làm của GV, Quyết định về việc ban hành quy định thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV [H6.06.04.01], [H6.06.03.01], [H6.06.01.08], [H6.06.02.02]. Việc xác định rõ ràng tiêu chuẩn về năng lực của đội ngũ GV theo quy định hiện hành là cơ sở giúp Khoa cũng như Nhà trường đánh giá chính xác năng lực của GV.

GV tham gia đào tạo trình độ ThS bao gồm GV cơ hữu và GV thỉnh giảng. Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản quy định rõ về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn của đội ngũ GV tham gia đào tạo trình độ ThS, trong đó GV tham gia giảng dạy các học phần lý thuyết CTĐT ThS phải có học vị TS hoặc có chức danh GS, PGS; GV giảng dạy học phần ngoại ngữ cho các chuyên ngành không chuyên ngôn ngữ nước ngoài, GV giảng dạy học phần triết học hoặc người hướng dẫn thực hành, thực tập phải có học vị ThS trở lên [H1.01.01.04], [H1.01.01.05]. Trên thực tế, qua các khóa đào tạo, Khoa đều phân công cho những GV cơ hữu có đủ các tiêu chuẩn về chuyên môn để giảng dạy, hướng dẫn luận văn và tham gia hội đồng. Bên cạnh đó, Khoa cũng

mời thêm các GV thỉnh giảng là các nhà giáo có học vị, học hàm cao đến từ các trường đại học uy tín trên cả nước.

Bảng 6.4.1: Bảng thống kê số lượng GV đào tạo trình độ ThS ngành Khoa học dữ liệu

Khóa học	Số lượng GV	GV cơ hữu	GV thỉnh giảng	Học hàm, học vị		
				GS	PGS	TS
Khóa 23 (2020-2022)	25	20	5	02	02	21
Khóa 24 (2021-2023)	23	20	3	01	01	21

(Nguồn: Thống kê từ Phòng Đào tạo SDH)

Bên cạnh năng lực chuyên môn, năng lực NCKH của GV cũng được xác định rõ thông qua quy định về số giờ NCKH tối thiểu của mỗi GV [H6.06.02.02] và các bảng thống kê về NCKH hàng năm của Nhà trường [H6.06.02.05]. Tất cả các GV cơ hữu tham gia giảng dạy đều tích cực NCKH, thể hiện qua số lượng bài báo được công bố trên các tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước và quốc tế ngày càng tăng, trong đó, có các bài báo thuộc danh mục ISI và danh mục Scopus; nhiều GV chủ trì hoặc tham gia đề tài KH&CN các cấp [H6.06.02.05], [H6.06.04.02].

Hàng năm, năng lực của GV được giám sát và đánh giá thông qua Quyết định về việc ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng Trường ĐHQN, Quyết định về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và các đơn vị trực thuộc Trường ĐHQN [H6.06.02.07]. GV làm báo cáo tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao, trình bày tại cuộc họp Khoa để mọi người tham dự đóng góp ý kiến. Chi ủy Chi bộ Khoa có ý kiến bằng văn bản về viên chức lãnh đạo được đánh giá, phân loại. Sau khi tham khảo ý kiến góp ý của mọi người và Chi ủy Chi bộ trong cuộc họp Khoa, Trưởng khoa đánh giá, phân loại viên chức và người lao động của Khoa, Hiệu trưởng quyết định đánh giá, xếp loại đối với Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa [H6.06.04.03]. Trên cơ sở hồ sơ đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động, Nhà trường ban hành công văn thông báo đến các đơn vị kết quả đánh giá,

phân loại viên chức và người lao động hàng năm [H6.06.02.07]. Kết quả đánh giá hàng năm cho thấy hầu hết các GV tham gia giảng dạy ThS của Khoa đều hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và NCKH. Trong đó, một số GV còn đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở, được nhận Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT [H6.06.02.07].

Bảng 6.4.2. Bảng thống kê kết quả đánh giá GV cơ hữu tham gia giảng dạy ThS ngành Khoa học dữ liệu của Khoa T&TK giai đoạn 2020-2023

STT	Năm	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Không hoàn thành nhiệm vụ	Không xếp loại	Tổng
1	2020-2021	16	4	0	0	0	20
2	2021-2022	16	4	0	0	0	20

(Nguồn: Thống kê từ các quyết định thi đua, khen thưởng hàng năm)

Bảng 6.4.3. Bảng thống kê khen thưởng GV cơ hữu tham gia giảng dạy ThS ngành Khoa học dữ liệu của Khoa T&TK giai đoạn 2020-2023

STT	Năm	Lao động tiên tiến	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Giấy khen của Hiệu trưởng	Bằng khen của Bộ Trưởng Bộ GD&ĐT
1	2020-2021	13	5	2	0
2	2021-2022	15	4	0	1

(Nguồn: Thống kê từ các quyết định thi đua, khen thưởng hàng năm)

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ GV tham gia giảng dạy ThS ngành Khoa học dữ liệu được xác định, công khai và đáp ứng đầy đủ các quy định hiện hành. Khoa T&TK có tỷ lệ lớn giảng viên có học hàm và học vị cao (PGS, TSKH, TS).

Công tác đánh giá, phân loại viên chức và người lao động hàng năm được Nhà trường thực hiện nghiêm túc, chính xác. ,

Các GV tham gia giảng dạy ThS của Khoa có kết quả đánh giá, phân loại viên chức hàng năm ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó đa số hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Điểm tồn tại

Năng lực đóng góp phục vụ cộng đồng của GV chưa được xác định và đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Ban hành tiêu chí đánh giá mức độ đóng góp cho cộng đồng của GV.	Trường ĐHQN	Năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá năng lực của GV theo các quy định của Nhà trường.	Trường ĐHQN, Khoa T&TK	Năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV được xây dựng dựa trên yêu cầu của CTĐT, cụ thể là Nhà trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 [H1.01.01.02]. Dựa trên kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường, Khoa T&TK đã xây dựng chiến lược phát triển Khoa T&TK đến năm 2020 và tầm nhìn đến

năm 2030 trên cơ sở đánh giá nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV **[H6.06.05.01]**.

Nhà trường đã thực hiện những nội dung có trong kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV. Để triển khai công việc một cách hiệu quả, nhà trường đã thông báo công khai thông tin về đội ngũ GV cơ hữu của Trường ĐHQN **[H6.06.05.02]**; Danh sách các khóa học đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho GV hàng năm **[H6.06.05.03]**. Hàng năm, các chương trình tuyển sinh đào tạo trong nước và nước ngoài do Bộ GD&ĐT thông báo đều được Nhà trường triển khai đến tất cả các đơn vị trong Trường và Khoa phổ biến đến toàn thể GV của Khoa. Nhà trường và Khoa luôn tạo điều kiện thuận lợi cho các GV có nhu cầu học tập, nghiên cứu **[H6.06.01.04]**. **[H6.06.05.03]**. Nhà trường đã triển khai thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Trên cơ sở đó, Khoa T&TK đã lập bảng đăng ký nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của GV trong Khoa, đề xuất lên Nhà trường **[H6.06.05.04]**. Nhà trường đã phê duyệt, công bố rộng rãi và công khai danh sách các GV được tham gia học các lớp Bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ và phương pháp giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh, các lớp Bồi dưỡng GV chính **[H6.06.05.04]**, **[H6.06.05.05]**. Các GV đã được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Khoa và Trường **[H6.06.01.04]**.

Nhiều GV trong Khoa T&TK được tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn và dài hạn trong nước và tại các nước phát triển (Pháp, Đức, Úc, Mỹ, Ý, ...) **[H6.06.01.04]**. Những GV sau khi được đào tạo ở nước ngoài về đã tiếp tục phát huy năng lực nghiên cứu, góp phần vào việc nâng cao uy tín của Nhà trường trong nước và quốc tế, trong đó một số GV đã tham gia vào Tổ xây dựng dự án Quốc tế IUC và Erasmus+ **[H6.06.05.06]**.

Căn cứ vào nội dung được ban hành trong kế hoạch cũng như các công việc được triển khai tương ứng, Nhà trường cũng đã giám sát và có đánh giá kết quả hàng năm thông qua Hội nghị viên chức **[H6.06.05.07]**; thực hiện công tác lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy được Nhà trường chú trọng nhằm giúp GV trau dồi

kiến thức chuyên môn và các kỹ năng mềm trong quá trình đào tạo HV [H4.04.02.06], [H6.06.05.08].

2. Điểm mạnh

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV được Nhà trường và Khoa xác định rõ, có kế hoạch triển khai kịp thời và phù hợp.

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Nhà trường và Khoa giám sát, đánh giá hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Việc tổng kết, đánh giá hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng cho GV chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Triển khai định kỳ hàng năm việc tổng kết, đánh giá hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho GV.	Trường ĐHQN, Khoa T&TK	Từ năm học 2023 – 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục lập báo cáo tổng kết đánh giá hàng năm về việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023 – 2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Quản trị theo kết quả công việc của GV là việc mà Trường ĐHQN đã triển khai sâu rộng nhằm tạo động lực và hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng **[H6.06.02.07]**.

Trường ĐHQN đã ban hành hệ thống văn bản cụ thể về công tác thi đua khen thưởng, đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức trong Trường trong những năm qua **[H6.06.02.07]**. Hàng năm GV luôn có các kế hoạch công tác cụ thể, bao gồm: kế hoạch giảng dạy từng đợt được phân công trước mỗi đợt hoặc học kỳ với số lượng môn học mỗi GV đảm nhận và thời gian thực hiện theo kế hoạch đào tạo SDH của Trường, danh sách đăng kí các chủ đề hội thảo khoa học hoặc seminar với tên các báo cáo và thời gian thực hiện mà Khoa có sự đánh giá, xếp loại viên chức đúng theo các tiêu chuẩn của Nhà trường **[H6.06.02.03]**, **[H6.06.06.01]**.

Hàng năm, căn cứ vào kết quả đạt được từ việc GV tham gia hội đồng biên tập tạp chí, tham gia biên soạn sách, tham gia các đề tài, dự án và là tác giả hoặc đồng tác giả của các bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí, hội thảo, hội nghị hàng năm kết hợp với mức độ hoàn thành công việc và các đóng góp của GV cho hoạt động chung của Khoa mà Khoa tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV theo hướng dẫn và các quy chế về khen thưởng, kỷ luật của Nhà trường đồng thời theo bảng tiêu chí chấm điểm thực hiện nhiệm vụ năm học của viên chức **[H6.06.02.05]**, **[H6.06.06.02]**, **[H6.06.04.02]**. Trên cơ sở tổng kết, đánh giá của tập thể, Khoa sẽ đề nghị Nhà trường đánh giá, phân loại viên chức, đồng thời xét công nhận thi đua, khen thưởng viên chức hàng năm **[H6.06.06.03]**, **[H6.06.02.07]**.

GV hài lòng về kết quả đánh giá viên chức của Khoa và Nhà trường **[H6.06.06.03]**. Trong những năm qua 100% GV giảng dạy chương trình ThS ngành Khoa học dữ liệu của Khoa đều được xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; trong đó có nhiều GV đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở,

Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của Bộ trưởng [H6.06.02.07], [H6.06.06.04].
Đồng thời với thành tích đạt được GV sẽ được thưởng theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H6.06.01.01].

2. Điểm mạnh

GV có kế hoạch công tác hàng năm cụ thể, rõ ràng.

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được Trường ĐHQN và Khoa T&TK triển khai giúp tạo động lực, hỗ trợ mạnh mẽ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

GV hài lòng về kết quả đánh giá, khen thưởng.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường đã có kế hoạch triển khai quản trị theo kết quả công việc của GV bằng KPI, nhưng tiến độ còn chậm.

Nhà trường chưa có mức khen thưởng cho những GV có nhiều giờ NCKH vượt định mức chuẩn mà chỉ mới dừng lại ở việc tính giờ chuẩn NCKH hàng năm và bảo lưu số giờ NCKH cho một năm tiếp theo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Triển khai thực hiện nhanh hơn các kế hoạch quản trị theo kết quả công việc của GV bằng KPI trong thời gian tới.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	
2	Khắc phục tồn tại 2	Nghiên cứu đưa ra quy định định lượng mức khen thưởng cho những GV có nhiều giờ NCKH vượt định mức chuẩn.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	

		Cân đối nguồn tài chính để có thể tăng dần mức thưởng công trình được công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín nhằm tạo động lực lớn cho GV tham gia NCKH ở trình độ quốc tế.			
3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chính sách khen thưởng kịp thời, đúng đối tượng, khách quan và công bằng, có hình thức khen thưởng xứng đáng với các danh hiệu.	Trường ĐHQN và các đơn vị thuộc Trường	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ được Nhà trường coi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện mục tiêu và sứ mạng xây dựng Trường ĐHQN trở thành trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội. Nhà trường xác định các loại hình NCKH của GV trong Quy định quản lý hoạt động KH & CN của trường ĐHQN [H6.06.07.01]. Trường cũng quy định rõ giờ chuẩn NCKH cho từng chức danh GV, do đó GV cần đảm bảo đủ giờ NCKH để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Các loại hình nghiên cứu mà GV thực hiện bao gồm: thực hiện các đề tài NCKH và công nghệ, tham gia các nhóm nghiên cứu tiên tiến của Trường, xây dựng đề cương, giáo trình, sách và tài liệu giảng dạy, đăng các bài báo trên tạp chí khoa học, tham gia hội thảo và hướng dẫn học viên NCKH. Nhà trường quy định rõ giờ chuẩn NCKH của GV cần đảm bảo tương ứng với các loại hình và số

lượng hoạt động NCKH trong Quy định về định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV Trường ĐHQN [H6.06.07.01], [H6.06.02.02]. Ngoài ra, Trường còn thực hiện chính sách khen thưởng của Bộ GD&ĐT cho các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI [H6.06.07.02].

NCKH đã trở thành hoạt động vô cùng quan trọng đối với đội ngũ GV trong Khoa T&TK, GV có thể dễ dàng tiếp cận các văn bản, biểu mẫu hướng dẫn chi tiết các hoạt động NCKH các cấp [H6.06.07.03]. Trong bảng kế hoạch hàng năm, các GV luôn đề ra những mục tiêu NCKH cụ thể (tham gia thực hiện đề tài/dự án các cấp; hướng dẫn HV làm NCKH, chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp; hướng dẫn luận văn ThS) đảm bảo số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định, tương ứng với bản mô tả vị trí công việc của GV, NCV. Nhà trường và khoa giám sát hoạt động NCKH của GV: Phòng KHCN & HTQT là đơn vị có chức năng quản lý, giám sát các hoạt động NCKH; Khoa phân công 1 lãnh đạo phụ trách trực tiếp hoạt động này [H6.06.01.08].

Kết thúc năm học, Khoa và Nhà trường luôn có hoạt động đánh giá nhằm đảm bảo về chất lượng và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV. Điều này thể hiện qua kết quả thống kê các công trình NCKH của đội ngũ GV của Khoa, thống kê giờ NCKH; đồng thời các công trình nghiên cứu này được đăng trên những tạp chí uy tín trong nước và quốc tế có hội đồng phản biện chặt chẽ nhằm đảm bảo về chất lượng [H6.06.02.05], [H6.06.06.02], [H6.06.07.04], [H6.06.07.05]. Để từ đó, Khoa tiến hành đánh giá, phân loại công chức, viên chức định kỳ hằng năm và báo cáo để Nhà trường kết luận về việc đánh giá, phân loại [H6.06.07.06]. Bên cạnh đó, các GV của Khoa cũng đã đưa ra các ý kiến phản hồi về chế độ chính sách, giải pháp phát huy hoạt động NCKH của Khoa và Nhà trường.

Các công trình nghiên cứu của đội ngũ GV luôn được theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện và nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện thông qua các Báo cáo thống kê về hoạt động KH&CN [H6.06.07.07]. Khoa T&TK và Nhà trường luôn khuyến khích GV phối hợp, liên kết thực hiện NCKH với các tổ chức và cá nhân từ các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước để nâng cao trình độ NCKH và giảng dạy nhằm

phục vụ cho công tác đào tạo tại Khoa [H6.06.07.08]. Khoa T&TK đã phối hợp hoặc đăng cai tổ chức các hội thảo khoa học cấp quốc gia và cấp trường [H6.06.07.09]. Các GV trong Khoa luôn được đánh giá cao trong NCKH, GV tham gia nhiều hoạt động NCKH trong và ngoài trường như tham gia hướng dẫn NCKH, tham gia hội đồng biên tập tạp chí, tham gia biên soạn sách, tham gia các đề tài, dự án, tham gia vào Tổ xây dựng dự án Quốc tế IUC và Erasmus+ [H6.06.06.02], [H6.06.07.10], [H6.06.05.06]. Thông qua thống kê lý lịch khoa học của các GV cho thấy, năng lực NCKH của GV được cải thiện rõ rệt, chất lượng các kết quả nghiên cứu ngày càng tăng cao. GV luôn cố gắng học tập, trau dồi kiến thức, kỹ năng, tích cực tham gia các đề tài, dự án, công bố các công trình nghiên cứu ở các tạp chí có uy tín trong và ngoài nước [H6.06.04.02]. Một số GV đã được các khen thưởng liên quan đến các kết quả NCKH [H6.06.07.11].

2. Điểm mạnh

Trường có văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV phải thực hiện. Việc đánh giá được thực hiện chặt chẽ. Kết quả đánh giá cho thấy tất cả GV của khoa luôn đảm bảo, thậm chí vượt định mức số giờ NCKH hàng năm theo quy định. Hoạt động NCKH được giám sát đối sánh hàng năm góp phần nâng cao chất lượng NCKH trong GV.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các công trình mang tính liên ngành với các đơn vị trong và ngoài Trường chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục tạo điều kiện tốt nhất cho GV NCKH; đề nghị khen thưởng	Trường ĐHQN Khoa	Năm học 2023 - 2024	

		xứng đáng với GV thành tích NCKH xuất sắc. Tiếp tục xây dựng các nhóm NCKH trong GV, đặc biệt là các nhóm NCKH mang tính liên ngành.	T&TK		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, đề xuất điều chỉnh chính sách khen thưởng, đãi ngộ nhằm khuyến khích GV nỗ lực NCKH	Khoa T&TK	Năm học 2023 - 2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Trường ĐHQN đã hoàn thành tốt việc quy hoạch đội ngũ GV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) qua đó đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát thường xuyên làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. Năng lực của đội ngũ GV được đánh giá một cách chính xác, khách quan. Thêm nữa, những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV được Trường ĐHQN xác định rõ bằng các chiến lược, văn bản và có nhiều hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai sâu rộng, nghiêm túc để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV đã được trường xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Tiêu chuẩn 6 có 7/7 tiêu chí đạt, trong đó có 07 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Chất lượng đào tạo là vấn đề cốt lõi trong các CSGD đại học nói chung và Trường ĐHQN nói riêng. Vấn đề này phần lớn phụ thuộc vào mối quan hệ, tương tác giữa GV và người học. Tuy nhiên, nếu thiếu chất lượng dịch vụ hỗ trợ của đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, phòng máy tính hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ NH khác thì đội ngũ GV sẽ không thể thực hiện tốt nhiệm vụ và NH sẽ khó có kết quả học tập tốt. Vì vậy, trong những năm qua, Trường ĐHQN và Khoa T&TK rất chú trọng công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm được xác định và phổ biến công khai nhằm tuyển dụng và sử dụng đội ngũ nhân viên một cách có hiệu quả. Bên cạnh đó, nhà trường còn tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, xây dựng cơ chế đánh giá năng lực, khen thưởng và công nhận đối với đội ngũ này để tạo động lực hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng nhằm đáp ứng mục tiêu chiến lược của Nhà trường đã đề ra.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030, Nhà trường phân tích dự báo nhu cầu và đánh giá về thực trạng nhân sự nói chung và đội ngũ viên chức hành chính nói riêng, từ đó xác định mục tiêu và chiến lược phát triển đội ngũ này đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.01]. Đội ngũ viên chức làm công tác hỗ trợ, phục vụ được quy hoạch theo vị trí việc làm, chiếm tỷ lệ không quá 25% trên tổng số công chức, viên chức toàn đơn vị [H7.07.01.02]. Thông qua *Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN* [H7.07.01.03], Nhà trường có chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên

môn, nghiệp vụ [H7.07.01.04]. Đồng thời, các chế độ đãi ngộ, thu hút đội ngũ nhân viên như: thu nhập tăng thêm; tiền hỗ trợ phục vụ đào tạo; chế độ tham quan, du lịch trong và ngoài nước; học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; ... được Nhà trường quy định chi tiết trong Quy chế chi tiêu nội bộ Trường ĐHQN [H7.07.01.05].

Trên cơ sở Đề án đổi mới hoạt động Trung tâm Thông tin tư liệu theo hướng hiện đại, đội ngũ nhân viên của Trung tâm Thông tin tư liệu (thư viện) hiện có **15 viên** chức có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt nhu cầu khai thác tài liệu, sách, báo, giáo trình của CB, GV và sinh viên trong toàn trường nói chung và Khoa T&TK nói riêng [H7.07.01.06], [H7.07.01.07], [H7.07.01.08]. Bên cạnh đó, các hoạt động phục vụ bạn đọc như: tổ chức triển lãm sách, Hướng dẫn tra cứu cơ sở dữ liệu ProQuest,... được đội ngũ nhân viên Thư viện tổ chức hằng năm [H7.07.01.09], [H7.07.01.01]. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ trực tiếp tại Phòng Đào tạo SDH, bao gồm 04 chuyên viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm trong công tác, có trách nhiệm giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ liên quan đến các hoạt động SDH. Trong những năm qua, đội ngũ chuyên viên của Phòng Đào tạo SDH đã thực hiện tốt các công việc được phân công, đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập, NCKH của GV và NCV của Khoa T&TK [H7.07.01.10].

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ làm việc tại văn phòng khoa, theo cơ cấu chung của Nhà trường, Khoa T&TK có 01 thư ký và 01 trợ lý giáo vụ. Các nhân viên này có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm trong công tác, có trách nhiệm giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Khoa như: quản lý điểm thi; quản lý đăng ký học học kỳ phụ, xét học bổng, ngừng học, thôi học, cảnh cáo học vụ, xét tốt nghiệp, phát giấy chứng nhận kết quả học tập; quản lý công tác NCKH sinh viên; đánh giá điểm rèn luyện, giải đáp thắc mắc của sinh viên,... Trong những năm qua, đội ngũ này thực hiện tốt các công việc được phân công, đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu và triển khai ứng dụng của giảng viên, HV cao học và nghiên cứu sinh của Khoa T&TK [H7.07.01.11].

Ngoài ra, đội ngũ nhân viên của Trường đang làm việc tại các đơn vị như: Trung tâm CNTT và Truyền thông, phòng máy tính, phòng thực hành, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ khác đều đủ về số lượng,

đảm bảo về phẩm chất, năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ, đáp ứng các yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí công tác [H7.07.01.12], [H7.07.01.13]. Kết quả khảo sát của Nhà trường cho thấy phần lớn sinh viên hài lòng với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên [H7.07.01.14], [H7.07.01.15].

2. Điểm mạnh

Trên thực tế, đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường và của Khoa T&TK có đủ số lượng, có kinh nghiệm công tác và đảm bảo về phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ hỗ trợ, phục vụ tốt cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu của đề án vị trí việc làm. Chưa thu hút được nhân sự cho một số vị trí việc làm chuyên biệt (như thư viện viên, kỹ thuật phần mềm, ...).

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục rà soát đề án vị trí việc làm và thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm và trên cơ sở đó thực hiện công tác quy hoạch, bố trí đội ngũ nhân viên hỗ trợ một cách hợp lý hơn.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	

2	Phát huy điểm mạnh	-Tiếp tục hoàn thiện và có các chính sách đãi ngộ, khen thưởng và bồi dưỡng chuyên môn phù hợp và xứng đáng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ. -Thường xuyên lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên để luôn đảm bảo phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ phục vụ cho công việc.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	
---	--------------------	--	-------------	----------------------	--

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trong những năm qua, Nhà trường và Khoa T&TK rất chú trọng công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên nhằm đạt được sự hỗ trợ tốt nhất cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Công tác khảo sát phân tích nhu cầu nhân lực để có cơ sở cho việc xác định chỉ tiêu và tiêu chí tuyển dụng nhân viên luôn được Khoa và Nhà trường luôn quan tâm. Nhà trường xác định rõ ràng, minh bạch các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên thông qua *Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức Trường ĐHQN [H7.07.02.01]* và *Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý các đơn vị trực thuộc Trường ĐHQN [H7.07.02.02]*. Theo đó, các ứng viên khi ứng tuyển vào vị trí viên chức hành chính cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ như: phải có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại khá trở lên; có trình độ ngoại ngữ tối thiểu đạt bậc 3 (B1) và có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin... Việc lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm vào vị trí viên chức quản lý cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể về trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm công tác,... Bên cạnh đó, trước khi chính thức ban hành và phổ biến công khai, các văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm,

điều chuyển nhân viên đều được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý từ các đơn vị, cá nhân trong Trường [H7.07.02.03].

Hàng năm, căn cứ chiến lược phát triển nhân sự của Nhà trường, kết quả khảo sát phân tích nhu cầu tuyển dụng nhân sự của các đơn vị [H7.07.02.04], nhà trường đã có các văn bản đưa về các đơn vị để lấy ý kiến góp ý xây dựng, bổ sung và hoàn thiện Đề án vị trí việc làm của từng đơn vị khoa, phòng, viện, trung tâm thuộc Trường. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã phê duyệt Đề án vị trí việc làm và ban hành danh mục vị trí việc làm của Trường nhằm làm căn cứ xác định số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức và người lao động của từng đơn vị khoa, phòng, viện, trung tâm thuộc Trường; từ đó thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ viên chức, thực hiện công tác tuyển dụng, bố trí, sắp xếp và đánh giá viên chức hàng năm được hiệu quả hơn [H7.07.02.05].

Nhà trường xây dựng và thông báo công khai kế hoạch tuyển dụng nhân viên với các chỉ tiêu và tiêu chí cụ thể trên các phương tiện thông tin đại chúng, website hay bảng tin của Nhà trường, Khoa... [H7.07.02.06]. Bên cạnh đó, để đảm bảo tính chính xác và khách quan trong quá trình tuyển dụng nhân sự, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức có sự tham gia của đại diện lãnh đạo, viên chức các đơn vị có chuyên ngành hoặc chuyên môn liên quan đến vị trí tuyển dụng. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số [H7.07.02.07]. Kết quả thi tuyển, xét tuyển viên chức được Nhà trường công bố công khai, rõ ràng và minh bạch [H7.07.02.08]. Nhà trường phổ biến, công khai bằng văn bản tất cả các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên hàng năm đều được đến các đơn vị trong trường [H7.07.02.09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có văn bản quy định các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng, cụ thể và được công bố công khai. Các kế hoạch, thông báo, kết quả và quyết định tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, công khai và minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Chưa có tiêu chí cụ thể về việc điều chuyển nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát và bổ sung các tiêu chí cụ thể về việc điều chuyển nhân viên; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc cụ thể của từng vị trí việc làm để từ đó có chính sách tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ nhân viên một cách hiệu quả	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục công khai, minh bạch các văn quy định mới cũng như các kế hoạch, thông báo, kết quả và quyết định tuyển dụng đến các đối tượng liên quan.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chuẩn đối với mỗi nhân viên phục vụ cho đào tạo ThS của Trường là phải có đủ năng lực và kỹ năng để phục vụ tốt nhu cầu của người học (NH) cũng như cung cấp các dịch vụ đào tạo khác. Ứng viên phải đáp ứng tất cả các yêu cầu tuyển dụng và tiêu chuẩn lựa chọn của Nhà trường mới được tuyển dụng. Việc đánh giá năng lực và phân loại viên chức được Nhà trường tổ chức định kỳ vào cuối mỗi năm học trên cơ sở *Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức Trường ĐHQN [H7.07.03.01]*. Hằng năm, theo các văn bản hướng dẫn của phòng chức năng về việc phân loại đánh giá viên chức các đơn vị tổ chức phân loại, đánh giá năng lực của đội

ngũ nhân viên dựa trên kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao theo các tiêu chí cụ thể ở các mức độ từ không hoàn thành nhiệm vụ đến hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. [H7.07.03.02].

Việc đánh giá, phân loại năng lực của nhân viên được thực hiện theo trình tự: nhân viên tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao và trình bày báo cáo tại cuộc họp đơn vị để toàn thể đồng nghiệp đóng góp ý kiến. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát ý sự hài lòng của HV về thái độ phục vụ và hoạt động hỗ trợ của đội ngũ này cũng được đưa ra xem xét [H7.07.03.03]. Sau khi tiếp nhận các ý kiến của các bên, Trưởng đơn vị quyết định mức đánh giá và phân loại nhân viên trước tập thể và gửi cho Nhà trường. Kết quả đánh giá viên chức được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận [H7.07.03.04].

Trong những năm gần đây, hầu hết đội ngũ chuyên viên của Trường và Khoa đều được đánh giá hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao [H7.07.03.05]. Một số nhân viên có các sáng kiến kinh nghiệm được áp dụng hiệu quả trong công việc hoặc lập thành tích xuất sắc được Hiệu trưởng khen thưởng và công nhận các danh hiệu thi đua [H7.07.03.06], [H7.07.03.07].

2. Điểm mạnh

Quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên cũng đã được xây dựng và ngày càng hoàn thiện hơn. Việc đánh giá, xếp loại đội ngũ nhân viên hàng năm của Trường nói chung và của Khoa T&TK nói riêng được thực hiện nghiêm túc theo các tiêu chuẩn đánh giá đã được quy định cụ thể.

3. Điểm tồn tại

Các tiêu chí đánh giá năng lực của nhân viên chưa thật cụ thể. Chưa sử dụng kết quả khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan đối với việc phục vụ của đội ngũ nhân viên để đánh giá năng lực của nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên rà soát, điều chỉnh bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên một cách chính xác hơn, hợp lý hơn, phù hợp với từng đối tượng, đồng thời có tác dụng động viên, khuyến khích đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	Trường ĐHQN, Khoa T &TK	Năm học 2023 - 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, đề xuất hoàn thiện các chính sách quản lý nguồn nhân lực để phát triển đội ngũ nhân viên một cách toàn diện.	Khoa T&TK	Năm học 2023 - 2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Trong những năm qua, nhằm duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ CB, GV và nhân viên đáp ứng mục tiêu chung của Nhà trường đã đề ra, Trường ĐHQN luôn chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Trong *Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN*, việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được Nhà trường xác định rõ ràng, cụ thể với các hình thức và yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng: Đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Bồi dưỡng kiến thức quản trị học, chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý nhà nước, ngoại ngữ, tin học, lý luận chính trị và kiến thức hỗ trợ khác. Đồng thời, Quy chế cũng xác định rõ về các điều kiện, yêu cầu, quyền lợi và nghĩa vụ đối với viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng cũng như các quy định khác có liên quan [H7.07.04.01]. Căn cứ trên các báo cáo tổng kết hằng năm về kết quả đào tạo, bồi dưỡng và phát triển

chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên, Nhà Trường đã xác định rõ nhu cầu cho năm tiếp theo, từ đó xây dựng và triển khai kế hoạch, phân bổ kinh phí.

Hàng năm, Trường đều có kế hoạch và triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng viên chức nói chung và đội ngũ nhân viên nói riêng dựa trên các tiêu chuẩn, yêu cầu của chức danh nghề nghiệp mà viên chức đảm nhận và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường [H7.07.04.02]. Trong 5 năm qua, đội ngũ nhân viên của Nhà trường nói chung và Khoa T&TK nói riêng được Nhà trường và Khoa tạo điều kiện và cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tại Trường hoặc tại các tỉnh, thành trên cả nước [H7.07.04.03], [H7.07.04.04], [H7.07.04.05].

Bên cạnh đó, Nhà trường thường xuyên phân bổ ngân sách dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên theo *Quy chế chi tiêu nội bộ Trường ĐHQN*. Qua đó, Trường hỗ trợ, khuyến khích và tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho đội ngũ nhân viên được đi học nghiên cứu sinh, cao học, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, tham dự hội thảo, hội nghị khoa học ... Điều này góp phần tạo động lực cho nhân viên phấn đấu học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đáp ứng tốt các yêu cầu hỗ trợ về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H7.07.04.06], [H7.07.04.07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên thông qua việc đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên.

Nhà trường có chính sách hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

Nhà trường có triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và ngoại ngữ cho đội ngũ nhân viên chưa được Nhà trường thực hiện thường xuyên, liên tục.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ nhân viên nhằm phục vụ tốt nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng trong bối cảnh hiện nay.	Trường ĐHQN	Năm học 2023 - 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với đội ngũ nhân viên của từng đơn vị.	Trường ĐHQN, Khoa T&TK	Năm học 2023 - 2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm đảm bảo và góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác của đội ngũ viên chức, Nhà trường đã ban hành các văn bản: *Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức* và *Quy định về công tác thi đua, khen thưởng Trường ĐHQN* làm cơ sở cho việc đánh giá, phân loại viên chức và bình xét thi đua, khen thưởng cho viên chức theo từng năm học. Quy trình theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên được thể hiện rõ trong *Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức* [H7.07.05.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm của Trường trên cơ sở Đề án vị trí việc làm của đơn vị, các Khoa/Phòng đã xây dựng bao gồm thống kê công việc theo chức năng nhiệm vụ, phân nhóm công việc,

danh mục vị trí việc làm và mô tả công việc của từng vị trí việc làm, trong đó mô tả cụ thể rõ ràng công việc chính phải làm và sản phẩm đầu ra của từng nhân viên hỗ trợ phục vụ cho đào tạo **[H7.07.05.02]**.

Hàng năm, căn cứ vào mức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhân viên, Nhà trường có các hình thức khen thưởng và công nhận danh hiệu thi đua đối với các cá nhân như: Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; Chiến sĩ thi đua toàn quốc,... dựa trên các tiêu chuẩn cụ thể. Ngoài ra, Nhà trường còn có Quy định về việc xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ được giao đối với các viên chức đạt được các danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp, được nhận bằng khen cấp Bộ, cấp Tỉnh,... nhằm khuyến khích, động viên và tạo động lực cho đội ngũ viên chức phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao **[H7.07.05.01]**, **[H7.07.05.03]**.

Cụ thể, dựa trên khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công cho nhân viên theo kế hoạch công tác hàng năm, Trưởng đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của từng nhân viên **[H7.07.05.04]**. Mỗi nhân viên có trách nhiệm tự xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đảm bảo tiến độ, thời gian hoàn thành công việc được giao. Kết thúc mỗi năm học, dựa trên bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng viên chức, nhân viên, đơn vị tổ chức họp lấy ý kiến đánh giá của đồng nghiệp và của cấp trên đối với viên chức và thống nhất kết quả đánh giá và bình xét các danh hiệu thi đua khen thưởng đối với cá nhân. Kết quả phân loại đánh giá viên chức được Hiệu trưởng phê duyệt làm cơ sở cho việc bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với từng cá nhân được Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Trường họp xét duyệt và thông qua **[H7.07.05.04]**, **[H7.07.05.05]**, **[H7.07.05.06]**, **[H7.07.05.07]**.

Các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá viên chức, thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn đều được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý rộng rãi bằng văn bản hoặc thông qua các Hội nghị Công chức-Viên chức hàng năm trước khi chính thức ban hành hoặc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung. Việc đánh giá hiệu quả công việc của viên chức được Nhà trường thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo khách quan, công bằng và chính xác. **[H7.07.05.08]**.

Quy trình trên đã giúp Nhà trường đạt được sự đồng thuận và thống nhất của đội ngũ viên chức về các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc. Tỷ lệ nhất trí cao trong các cuộc họp đánh giá, xếp loại viên chức và thi đua khen thưởng cho thấy sự hài lòng về việc đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên cũng như việc thi đua khen thưởng và công nhận của Khoa, Trường đối với nhân viên. Nhà trường còn ban hành Quy định về hoạt động so sánh, đối sánh để nâng cao chất lượng các hoạt động trong trường. Ngoài ra, thông qua các kỳ hội nghị đại biểu công chức, viên chức cấp Khoa, Trường, viên chức và người lao động được tham gia phát biểu ý kiến và được giải đáp đầy đủ các thắc mắc về các chế độ, chính sách của Nhà trường [H7.07.05.09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có quy định về nhiệm vụ cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận.

Công tác đánh giá, xếp loại viên chức và công tác thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên được thực hiện công khai, minh bạch, góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Đội ngũ nhân viên Nhà trường được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng các quy định đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên.

Nhân viên của Trường hài lòng về công tác theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền

3. Điểm tồn tại

Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên chưa dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với từng vị trí việc làm nên việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên chưa thực sự hiệu quả. Nhà trường đã có kế hoạch triển khai quản trị kết quả công việc của nhân viên bằng KPIs, nhưng tiến độ thực hiện còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhanh chóng hoàn thiện quy trình đánh giá kết quả công việc của nhân viên bằng KPIs để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên khoa học và hiệu quả hơn.	Trường ĐHQN	Năm học 2023 - 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chính sách khen thưởng kịp thời, đúng đối tượng, khách quan và công bằng, có hình thức khen thưởng xứng đáng với các danh hiệu.	Trường ĐHQN và các đơn vị thuộc Trường	Năm học 2023 - 2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên của Trường ĐHQN và của Khoa T&TK đảm bảo về số lượng và chất lượng, được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định của Nhà trường, được công bố công khai, minh bạch. Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, tạo điều kiện, khuyến khích đội ngũ nhân viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đội ngũ CB hỗ trợ của Nhà trường nói chung và của Khoa T&TK nói riêng hàng năm được đánh giá, khen thưởng và công nhận theo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Trường và của Khoa. Trong những năm học vừa qua nhà trường xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc theo từng vị trí việc làm và đang tiếp tục cải tiến để có cơ sở theo dõi, giám sát và

đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên khoa học và hiệu quả hơn.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, CTĐT trình độ ThS ngành KHDL đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí trong đó 03 tiêu chí đạt mức 5/7 và 02 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học.

Mở đầu

Ngành KHDL trình độ ThS được Trường ĐHQN tuyển sinh lần đầu tiên vào đợt 2 năm 2020. Tuy vậy, Trường ĐHQN và Khoa T&TK luôn chú trọng đến chất lượng đào tạo cũng như triển khai thực hiện nhiều hoạt động hỗ trợ cho HV cao học ngành KHDL nhằm nâng cao chất lượng đầu ra, đáp ứng các yêu cầu của ngành nghề và xã hội. Nhà trường xây dựng và hoàn thiện chính sách tuyển sinh theo hướng phù hợp, rõ ràng và có các tiêu chí, phương thức tuyển sinh đa dạng, công khai, minh bạch nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các thí sinh mà vẫn đảm bảo đúng quy chế và chất lượng. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng xây dựng hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của HV một cách hợp lý. Hơn nữa, các hoạt động tư vấn và hỗ trợ HV được thực hiện một cách kịp thời và thường xuyên. Các hoạt động khuyến khích NCKH đối với HV cũng được thực hiện. Song song với các hoạt động trên, Nhà trường đặc biệt quan tâm đến việc cải thiện môi trường tâm lý xã hội, sức khỏe, làm cho cảnh quan trong và xung quanh Trường ngày càng đẹp và tiện ích hơn cho NH.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Chính sách tuyển sinh của Trường ĐHQN luôn được xác định rõ ràng, được cập nhật hàng năm và đúng các quy định hiện hành. Chính sách tuyển sinh về thời gian đào tạo, đối tượng tuyển sinh, các môn thi/xét tuyển, quy mô tuyển sinh... đã được làm rõ trong Phương hướng tuyển sinh do HĐT ban hành từ năm 2021 đến nay và trong Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ ThS từ năm 2020 đến nay, và được tổ chức lấy ý kiến thông qua các chương trình hội thảo liên quan. Đồng thời, trong các

năm có thay đổi về phương pháp tuyển sinh, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường luôn có các cuộc họp các bên liên quan để xây dựng và thông qua chính sách tuyển sinh **[H8.08.01.01], [H8.08.01.02]**.

Từ năm 2018, Trường ĐHQN đã thực hiện tuyển sinh trình độ ThS 02 đợt/năm. Hình thức, chỉ tiêu, quy trình xét tuyển và các thông tin liên quan đến tuyển sinh được xác định trong kế hoạch, thông báo tuyển sinh và được công bố trên website, fanpage tuyển sinh, niêm yết tại bảng tin Trường **[H8.08.01.03]**. Kết quả trúng tuyển từ kì thi tuyển sinh ThS đều được công bố rộng rãi, kịp thời và chính xác đến thí sinh. Bên cạnh đó, Nhà trường thu thập cơ sở dữ liệu về số lượng NH thực tế, thực hiện thống kê kết quả tuyển sinh để tổng kết, đánh giá công tác tuyển sinh nhằm phục vụ cho công tác tuyển sinh vào năm sau **[H8.08.01.04]**.

Chính sách tuyển sinh ThS ngành KHDL được xây dựng theo đúng các quy định hiện hành, kết hợp cùng sự góp ý của các bên liên quan như Khoa T&TK và các phòng chức năng, Ban giám hiệu Nhà trường. Bên cạnh đó, chính sách tuyển sinh ThS được ban hành kèm theo Phương hướng tuyển sinh hàng năm do HĐT ban hành đã nhận được ý kiến đóng góp của đại diện các nhà khoa học, nhà quản lý, đại diện BGD&ĐT, đại diện các sở, ban, ngành của tỉnh Bình Định, đại diện SV. Đồng thời, có sự nghiên cứu, xem xét dựa trên báo cáo phân tích dự báo nhu cầu nhân lực của ngành KHDL thông qua các ý kiến của các chuyên gia trong các hội thảo liên quan **[H8.08.01.01], [H8.08.01.02]**.

2. Điểm mạnh

Chính sách và quy định về tuyển sinh trình độ ThS ngành KHDL rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm.

Chính sách và quy định tuyển sinh (đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên, ...) được công bố công khai rộng rãi trên các kênh truyền thông của Trường.

Chính sách tuyển sinh có sự góp ý của các bên liên quan và phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực; được cập nhật hằng năm.

3. Điểm tồn tại

Chính sách tuyển sinh ThS ngành KHDL chưa được lan tỏa rộng rãi đến NH có nhu cầu.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Công bố công khai, chi tiết chính sách tuyển sinh ThS ngành Khoa học dữ liệu hàng năm qua nhiều kênh thông tin khác nhau. - Chủ động kết nối với doanh nghiệp, đặt hàng đào tạo cho các doanh nghiệp có nhu cầu về sử dụng nhân lực ngành KHDL. 	Khoa T&TK, TT TVTS & QHDN	Từ năm học 2023 – 2024	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan trong Trường như Khoa, Phòng Đào tạo SDH cũng như Ban giám hiệu Nhà trường về chính sách tuyển sinh hàng năm	Trường ĐHQN, Khoa T&TK, Phòng Đào tạo SDH	Từ năm học 2023 – 2024	
	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục cải tiến chính sách và quy định tuyển sinh (đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên,	Khoa T&TK, Phòng Đào tạo SDH	Từ năm học 2023 – 2024	

		...) được công bố công khai trên website, niêm yết tại bảng tin Trường.			
	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục cải tiến Chính sách tuyển sinh có sự góp ý của các bên liên quan và phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực; được cập nhật hằng năm.	Khoa T&TK, Phòng Đào tạo SDH	Từ năm học 2023 – 2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Quá trình tuyển sinh trình độ đào tạo ThS ngành KHDL Trường ĐHQN có tiêu chí và phương pháp tuyển sinh rõ ràng được quy định trong Phương hướng tuyển sinh, Đề án tuyển sinh và Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ đào tạo ThS hàng năm, cụ thể: Đối với thủ tục tuyển sinh, thí sinh có thể gửi hồ sơ qua bưu điện, hoặc nộp trực tiếp tại Trường ĐHQN. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được Nhà trường xác định và ghi rõ trong CTĐT, chính sách tuyển sinh. Việc tuyển sinh ThS ngành KHDL hàng năm được thực hiện thông qua hình thức thi tuyển, thi tuyển kết hợp với xét tuyển. Việc xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc đại học của thí sinh. Hàng năm, trường tổ chức 2 đợt thi/xét tuyển vào tháng 06 và tháng 10. Công tác ra đề, coi thi được tổ chức nghiêm ngặt theo quy định của Bộ GD&ĐT [**H8.08.01.02**], [**H8.08.02.01**].

CTĐT trình độ ThS ngành KHDL nhận được sự tài trợ của VinIF, do đó chính sách thu hút đối với thí sinh có trình độ cao được quan tâm, cụ thể: sinh viên năm thứ 4 các ngành Toán, CNTT, Kỹ thuật viễn thông có kết quả học tập tốt được nhận học

bổng thu hút đầu vào với các tiêu chí xét chọn rõ ràng; HV trúng tuyển có nhiều thành tích trong học tập và nghiên cứu được xem xét đề nghị cấp học bổng với giá trị 120 triệu đồng/năm [H8.08.02.02], [H8.08.02.03].

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh/tuyển chọn NH được rà soát, đánh giá hàng năm, cụ thể: Nhà trường đã ban hành quy trình xây dựng tiêu chí, phương pháp tuyển chọn NH dựa trên ý kiến các bên liên quan. Tiêu chí và phương thức tuyển chọn được Hội đồng tuyển sinh trình độ đào tạo ThS của Trường ĐHQN đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh, bổ sung kịp thời theo từng năm. Bên cạnh đó, hàng năm Khoa T&TK cũng luôn có những ý kiến đóng góp về chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đào tạo ThS cho ngành KHDL, về phương pháp lựa chọn NH, cách thức tư vấn tuyển sinh hiệu quả cho đề án tuyển sinh của Trường [H8.08.01.01].

Hàng năm, Nhà trường tiến hành thu thập, phân tích dữ liệu tuyển sinh của năm trước, thống kê và phân loại thông tin của thí sinh nộp hồ sơ vào Trường và các thí sinh trúng tuyển như thuộc địa phương, đối tượng ưu tiên, khối ngành học nào,... để rà soát, đánh giá và có sự điều chỉnh hàng năm về tiêu chí, phương pháp tuyển chọn NH [H8.08.02.02], [H8.08.01.04].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH của ngành KHDL trình độ ThS được xác định rõ ràng, được công khai, cập nhật, được đánh giá khách quan và chính xác.

Tiêu chí và phương pháp của ngành KHDL trình độ ThS luôn được rà soát, góp ý hàng năm nhằm nâng cao số lượng và chất lượng tuyển sinh.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến các bên liên quan trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH chưa được thực hiện rộng rãi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	Trong quá trình xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH thực hiện việc lấy ý kiến rộng rãi đến các bên liên quan.	Khoa T&TK, Phòng Đào tạo SDH	Từ năm học 2023 – 2024	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Mở rộng thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan như HV, doanh nghiệp, các công ty phần mềm FPT, TMA, ... nhằm hoàn thiện tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH đáp ứng yêu cầu thực tiễn.	Khoa T&TK, Phòng Đào tạo SDH	Từ năm học 2023 – 2024	
	Phát huy điểm mạnh 2	Thực hiện rà soát, góp ý hàng năm đối với các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH của ngành KHDL trình độ ThS.	Khoa T&TK, Phòng Đào tạo SDH	Từ năm học 2023 – 2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 2020 đến tháng 7 năm 2022, Nhà trường phân công Phòng ĐTSĐH cùng với các khoa: T&TK, CNTT, Kỹ thuật và Công nghệ phụ trách quản lý, đào tạo ngành KHDL ứng dụng. Theo đó, việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH ngành KHDL do Phòng ĐTSĐH và 3 khoa đề cập trên phụ trách [H8.08.03.01], [H8.08.03.02]. Từ ngày 8/8/2022 Nhà trường có quyết định phân công Phòng ĐTSĐH cùng với Khoa T&TK tổ chức quản lý và đào tạo ThS ngành KHDL. Do đó, việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn

luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH ngành KHDL do Phòng ĐTSĐH và Khoa T&TK phụ trách **[H8.08.03.03]**.

Việc học tập của NH được đánh giá dựa trên các quy chế của Bộ GD&ĐT, quy định của Trường ĐHQN **[H8.08.03.04]**, **[H8.08.03.02]**, **[H8.08.03.05]**, **[H8.08.03.06]**. Tiến độ học tập của HV được theo dõi và giám sát dựa trên chương trình và kế hoạch đào tạo trình độ ThS do Nhà trường ban hành **[H8.08.03.08]**, **[H8.08.03.09]**, **[H8.08.03.10]**. Hệ thống quản lý theo học chế tín chỉ được Nhà trường áp dụng từ năm 2015. Theo đó, việc giám sát tiến độ và kết quả học tập của NH được xem xét trên cơ sở tiến độ hoàn thành của NH với CTĐT trình độ ThS ngành KHDL **[H8.08.03.09]**. Điểm tổng hợp đánh giá học phần gồm điểm đánh giá quá trình học tập, kiểm tra giữa kỳ có trọng số 30 - 50%, và điểm thi kết thúc học phần với các trọng số 50 - 70% **[H1.01.01.08]**.

Hệ thống giám sát còn được thực hiện thông qua phần mềm quản lý đào tạo mà Nhà trường đã đầu tư trang bị từ năm 2021. Từ đó, tạo điều kiện thuận tiện hơn cho NH trong việc tra cứu, cập nhật thông tin kịp thời. Nếu như trước đây, việc nhập liệu chỉ sử dụng tích hợp bằng phần mềm Excel và A – Tools (Phòng Đào tạo SDH lập, lưu trữ file mềm kết quả đánh giá theo từng học phần và thông báo cho HV) thì phần mềm quản lý này phục vụ hiệu quả hơn cho nhu cầu nhập liệu. Bên cạnh đó, phần mềm này cũng giúp cho NH tiếp cận công nghệ và theo dõi tiến độ học tập một cách dễ dàng, cũng như kết nối tương tác với CB hỗ trợ học tập một cách nhanh chóng và đạt hiệu quả cao **[H8.08.03.11]**.

Hàng năm, kết quả học tập của NH được Nhà trường ra quyết định công nhận và cấp bằng thạc sĩ cho các học viên đã hoàn thành khóa học và bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ **[H8.08.03.12]**. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng rà soát tiến độ học tập của HV và xử lý những trường hợp chậm trễ. Nếu trường hợp bất khả kháng, HV có thể làm đơn xin bảo lưu kết quả học tập. Sau đó, Nhà trường sẽ xem xét và có quyết định cho HV được bảo lưu kết quả và gia hạn tiến độ học tập hoặc cho thôi học **[H8.08.03.13]**.

Kết quả đánh giá NH còn được thể hiện một cách khách quan thông qua việc sau khi nhận được thông báo công khai kết quả, tiến độ học tập, NH có thể theo dõi và phản hồi nếu có thắc mắc cho Phòng Đào tạo SDH. Phòng Đào tạo SDH có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn và tháo gỡ khó khăn cho HV trong suốt quá trình học tập. Ngoài ra, hàng năm Nhà trường thường xuyên triển khai kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của HV cao học về hoạt động giảng dạy của GV và chương trình đào tạo trình độ ThS để trên cơ sở đó ngày càng đáp ứng tốt các nhu cầu cần thiết của người học, đồng thời cải tiến chương trình đào tạo ngày càng hoàn thiện hơn [H8.08.03.14], [H8.08.03.15].

2. Điểm mạnh

Có quy trình/quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.

Có cơ sở dữ liệu (công cụ) theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học.

3. Điểm tồn tại

Khoa T&TK chưa thực hiện việc phân công viên chức chuyên trách giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập cho HV ngành KHDL.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Hàng năm, cử viên chức chuyên trách giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập cho HV ngành KHDL	Khoa T&TK	Từ năm học 2023 – 2024	
2	Phát huy điểm	Tiếp tục cải tiến quy	Phòng	Từ năm	

	mạnh 1	trình/quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.	Đào tạo SĐH	học 2023 – 2024	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học.	Khoa T&TK, Phòng Đào tạo SĐH	Từ năm học 2023 – 2024	

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. *Mô tả hiện trạng*

Từ năm 2020 đến tháng 7 năm 2022, Nhà trường phân công Phòng ĐTSĐH cùng với các khoa: T&TK, CNTT, Kỹ thuật và Công nghệ phụ trách quản lý, đào tạo ngành Khoa học dữ liệu ứng dụng. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác của NH ngành Khoa học dữ liệu do Phòng ĐTSĐH và 3 khoa đề cập trên phụ trách [H8.08.03.01], [H8.08.03.02]. Từ ngày 8/8/2022 Nhà trường có quyết định phân công Phòng ĐTSĐH cùng với Khoa T&TK tổ chức quản lý và đào tạo ThS ngành Khoa học dữ liệu, vì vậy các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác của NH ngành Khoa học dữ liệu do Phòng ĐTSĐH và Khoa T&TK phụ trách [H8.08.03.03]. Công tác đón tiếp NH ngay từ khi nhập học được Nhà trường phân công cho các phòng chức năng và các khoa liên quan thực hiện. NH nhập học được hướng dẫn chu đáo và cụ thể các thủ tục nhập học. CB hỗ trợ HV là những chuyên viên có kinh nghiệm hỗ trợ, tư vấn cho HV các vấn đề cần thiết liên quan đến học tập như việc lựa chọn đăng ký học phần, đổi học phần, tạm dừng học tập, bảo lưu kết quả học tập, ... và các hoạt động khác thông qua kế hoạch cụ thể [H8.08.04.01].

Nhà trường đã thành lập Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, sau đó bổ sung thêm nhiệm vụ và đổi tên thành Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp, làm cầu nối giữa NH và doanh nghiệp, tạo cơ hội tiếp cận việc làm, trao đổi cho NH sau tốt nghiệp **[H8.08.04.02]**. Hàng năm, Nhà trường tổ chức ngày hội việc làm không chỉ cho sinh viên mà cho cả học viên cao học.

Để NH hiểu sâu sắc hơn các nội dung đã được học áp dụng trong thực tiễn, CTĐT theo định hướng ứng dụng đã thiết kế các học phần thực tập doanh nghiệp. Khoa T&TK phối hợp cùng Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp, Phòng ĐTSDH xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn hỗ trợ NH lựa chọn các cơ sở thực tập doanh nghiệp (chẳng hạn, TMA Solutions, FPT Software, các công ty công nghệ...). Trong quá trình thực tập, NH được GV hướng dẫn tại Trường và cán bộ hướng dẫn tại doanh nghiệp hướng dẫn một cách cụ thể, chi tiết cách giải quyết các dự án thực tế liên quan đến phân tích dữ liệu nhằm nâng cao sự hiểu biết và gắn kết giữa lý thuyết và thực hành **[H1.01.01.02]**.

Nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho HV tiếp cận với thực tế trên cơ sở những kiến thức đã được trang bị, Khoa T&TK phối hợp cùng Nhà trường đã kí kết hợp tác với nhiều cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp. Khoa T&TK cũng đã xây dựng các mối quan hệ chặt chẽ với các công ty công nghệ hàng đầu của cả nước, đặc biệt là các công ty có cựu SV ngành Toán đang làm việc (TMA Solutions, FPT Software,...) để tạo ra mối quan hệ tương hỗ giữa Nhà trường, Khoa, doanh nghiệp và HV **[H8.08.04.03]**. Bên cạnh đó, thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp liên kết luôn được cập nhật và thông báo kịp thời đến NH thông qua các kênh trực tiếp và trực tuyến. Các hoạt động này đã nâng cao cơ hội tiếp xúc, định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp cho NH. Nhà trường thường xuyên tổ chức các hội thảo về KHDL nhằm tạo ra các mối quan hệ kết nối để HV tham gia các hoạt động cùng với các chuyên gia để tăng cơ hội tìm kiếm việc làm **[H8.08.04.04]**.

Việc đánh giá chất lượng đào tạo được thể hiện thông qua sự phản hồi của NH về chất lượng, hiệu quả các hoạt động sau khi kết thúc chương trình học tập ThS hai năm tại Trường ĐHQN. Kết quả khảo sát cho thấy NH tốt nghiệp ThS ngành Khoa

học dữ liệu được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, [H8.08.04.05], [H8.08.04.06]. Tỷ lệ % NH và NH đã tốt nghiệp được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập tại Trường ĐHQN cao. Kết quả khảo sát cũng giúp cho Trường và Khoa từng bước cải tiến, hoàn thiện CTĐT, đáp ứng nhu cầu thực tiễn ngành nghề mà NH lựa chọn. Bảng thống kê thông tin NH đầu năm cho thấy hầu hết HV học ThS ngành Khoa học dữ liệu đều đã có việc làm [H8.08.04.07].

2. Điểm mạnh

Có đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH.

Có Trung tâm TVTS&QHDN chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho NH.

Tổ chức nhiều hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện khả năng có việc làm của NH.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi, đánh giá của NH về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập chưa được thực hiện rộng rãi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi, đánh giá của NH về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập chưa được thực hiện rộng rãi hơn.	Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Phòng Đào tạo SDH,	Từ năm học 2023 – 2024	

			Khoa T&TK		
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục tổ chức các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH.	Khoa T&TK, TT TVTS & QHDN, Phòng Đào tạo SDH	Từ năm học 2023 – 2024	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục tổ chức các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện khả năng có việc làm của NH.	Khoa T&TK, TT TVTS & QHDN, Phòng Đào tạo SDH	Từ năm học 2023 – 2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 4/7.

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHQN được xem là một trong những ngôi trường có vị trí đẹp nhất Việt Nam, có khuôn viên rộng rãi, kiến trúc đẹp và khá hiện đại. Trường có hệ thống giảng đường, phòng máy tính, phòng lab học ngoại ngữ, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện và nhà luyện tập thể dục thể thao với các trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, đủ đáp ứng cho hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH; có hệ thống phòng làm việc đáp ứng cho các đơn vị chức năng, khoa, bộ môn [H8.08.05.01].

Trong tiến trình xây dựng Trường ĐHQN trở thành trường đại học định hướng ứng dụng, Đảng ủy và Ban Giám hiệu đã xác định triết lý khai phóng trong giáo dục là

kim chỉ nam cho mọi hoạt động của nhà trường **[H1.01.01.06]**. Trường ĐHQN đã ban hành các quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động; quan hệ ứng xử của NH nhằm tạo môi trường làm việc, học tập thân thiện, cởi mở, trung thực, văn minh trong Nhà trường. Trường cũng đã ban hành các nội quy nhà trường, nội quy giảng đường, nội quy thư viện và nội quy ký túc xá nhằm tạo ra trật tự, kỉ cương, môi trường văn hóa lành mạnh, thân thiện và thoải mái trong khuôn viên Trường. Các quy định, nội quy phòng thí nghiệm, thực hành cũng được ban hành nhằm đảm bảo an toàn cho NH và tạo môi trường làm việc nghiêm túc, tăng hiệu quả của những giờ thực hành thí nghiệm và NCKH **H8.08.05.02]**.

Nhà trường có bộ phận y tế thuộc phòng CTCT-SV quản lý, có đầy đủ nhân viên y tế, CSVC đầy đủ, thường xuyên trực và sẵn sàng hỗ trợ NH trong việc khám, sơ cứu, điều trị **[H8.08.03.01]**.

Căn tin Trường ĐHQN được đấu thầu và chọn những nhà thầu uy tín, các món ăn phục vụ đa dạng, giá cả hợp lý và đảm bảo công tác vệ sinh an toàn thực phẩm. Công tác kiểm tra phòng cháy chữa cháy được kiểm tra định kỳ thường xuyên. Công tác bảo đảm an ninh trong Trường luôn được đánh giá cao bởi các cơ quan chức năng thể hiện qua các Quyết định công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” hàng năm. Nhà trường cũng rất tích cực trong việc phối hợp với các Cơ quan an ninh của khu vực nhằm đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn **[H8.08.05.03]**.

Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của GV và HV về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Nhà trường hàng năm, đa số GV và HV phản hồi tích cực và hài lòng về môi trường học tập, cảnh quan của Trường **[H8.08.05.04]**.

2. Điểm mạnh

Có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường.

Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan làm cơ sở để đáp ứng nhu cầu và đầu tư hợp lý phục vụ NH một cách tốt nhất.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa bố trí nơi ở tập trung riêng trong KTX cho HV SDH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Sắp xếp, bố trí nơi ở riêng trong KTX nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho HV cao học. Lên kế hoạch xây dựng các khu nghiên cứu phục vụ HV cao học.	TT TVTS&QHĐN	Từ năm học 2023 – 2024	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định, nội quy trong Nhà trường. Tiếp tục thực hiện các biện pháp đẩy mạnh xây dựng môi trường học tập, làm việc an toàn, thân thiện.	Khoa T&TK, Phòng Đào tạo SDH, Phòng Thanh tra- Pháp chế	Từ năm học 2023 – 2024	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan	Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng	Từ năm học 2023 – 2024	

		làm cơ sở để đáp ứng nhu cầu và đầu tư hợp lý phục vụ NH một cách tốt nhất.			
--	--	---	--	--	--

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Trong những năm qua, NH và các hoạt động hỗ trợ NH đã được Khoa T&TK xác định là một trong những khâu then chốt trong hoạt động đào tạo trình độ ThS ngành KHDL nói riêng và các ngành học khác của Khoa nói chung. Chính sách và quy định về tuyển sinh trình độ ThS ngành KHDL rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm. Chính sách và quy định tuyển sinh (đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên, ...) được công bố công khai trên website, niêm yết tại bảng tin Trường. Chính sách tuyển sinh có sự góp ý của các bên liên quan và phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực; được cập nhật hằng năm. Tuy nhiên, chính sách tuyển sinh ThS ngành KHDL chưa được lan tỏa rộng rãi đến NH có nhu cầu.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH của ngành KHDL trình độ ThS được xác định rõ ràng, được công khai, cập nhật, được đánh giá khách quan và chính xác. Tiêu chí và phương pháp của ngành KHDL trình độ ThS luôn được rà soát, góp ý hàng năm nhằm nâng cao số lượng và chất lượng tuyển sinh. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến các bên liên quan trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH chưa được thực hiện rộng rãi.

Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH trình độ ThS ngành KHDL phù hợp. Có quy trình/quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH. Có cơ sở dữ liệu (công cụ) theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học. Nhưng mà Khoa T&TK chưa thực hiện việc phân công viên chức chuyên trách giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập cho HV ngành KHDL.

Các hoạt động hỗ trợ NH được Khoa và Nhà trường thực hiện linh hoạt, đa dạng, chất lượng và hợp lý nhằm cải thiện việc học tập và khả năng nghiên cứu của NH. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện khả năng có việc làm của NH. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến phản hồi, đánh giá của NH về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập chưa được thực hiện rộng rãi.

Nhà trường có môi trường học tập, làm việc thân thiện, không khí thoải mái góp phần thực hiện tốt các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu cho GV, HV. Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan làm cơ sở để đáp ứng nhu cầu và đầu tư hợp lý phục vụ NH một cách tốt nhất. Bên cạnh đó, vẫn còn điểm tồn tại là Nhà trường chưa bố trí nơi ở tập trung riêng trong KTX cho HV SĐH.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành KHDL đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí, trong đó 1 tiêu chí đạt mức 4/7 và 4 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.

Mở đầu

Trường ĐHQN có tổng diện tích đất là 24 ha, bao gồm 01 trụ sở chính với diện tích gần 13,2 ha tọa lạc tại địa chỉ 170 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn và 01 Khu thực nghiệm với diện tích gần 11 ha nằm ở xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị được Trường ĐHQN nói chung và Phòng Đào tạo SĐH, Khoa Toán & Thống Kê nói riêng đảm bảo để thực hiện các hoạt động đào tạo và NCKH của GV và HV. Hệ thống phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy chiếu, hệ thống loa, quạt đảm bảo điều kiện tốt nhất cho NH. Phòng làm việc, phòng chức năng, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện được xây dựng thoáng mát, có nhiều phòng đọc và làm việc, được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy tính, máy in, máy photocopy, máy chiếu và các thiết bị đảm bảo nhiệt độ, âm thanh và ánh sáng. Hệ thống công nghệ thông tin luôn được nâng cấp đầu tư để đáp ứng tốt nhất nhu cầu đào tạo và nghiên cứu. Thư viện của Trường có hệ thống sách giáo trình,

sách tham khảo, đề cương bài giảng và các loại tạp chí và các nguồn học liệu khác đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu và đào tạo ThS ngành KHDL.

Hàng năm, Nhà trường đầu tư, cải tạo, tu bổ, nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị, đặc biệt là hệ thống công nghệ thông tin; thường xuyên cập nhật giáo trình, tài liệu, nguồn học liệu để đảm bảo cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu tại Trường.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHQN có 05 khu giảng đường (A1, A2, A3, A4, A8), 01 trung tâm khảo thí, 04 phòng hội thảo, 03 hội trường lớn, 02 khu thực hành (A6, A7) với đa số là phòng học hiện đại (có bảng thông minh, các công cụ hỗ trợ giảng dạy), đồng thời có 01 Thư viện có 700 chỗ ngồi với hệ thống máy tính được kết nối internet, kết nối hệ thống học liệu quốc gia, quốc tế, đáp ứng được nhu cầu khai thác dữ liệu của CB, GV và NH, **[H9.09.01.01]**.

Văn phòng Khoa Toán & Thống kê được Nhà trường bố trí tại tầng 10 của Nhà 15 tầng với 01 văn phòng, 01 phòng seminar. Văn phòng khoa và phòng họp được trang bị đầy đủ hệ thống bàn ghế, tủ đựng tài liệu, máy tính với các phần mềm quản lý, máy in, máy chiếu, internet để phục vụ các hoạt động quản lý đào tạo, nghiên cứu và trao đổi khoa học với các nhà khoa học trong nước và quốc tế. Các phòng chức năng hỗ trợ NH thì đều nằm ở khu nhà 15 tầng, thuận tiện cho NH liên hệ các vấn đề cần hỗ trợ **[H8.08.05.01]**.

Hệ thống cơ sở vật chất của Khoa Khoa Toán & Thống Kê và các phòng chức năng luôn được Nhà trường quan tâm, lên kế hoạch mua mới và nâng cấp **[H9.09.01.02]**. Nhà trường luôn dành một phần lớn kinh phí để đầu tư cho trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH **[H9.09.01.03]**.

Hàng năm, Nhà trường đều thống kê diện tích phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng, ... làm căn cứ xác định tỉ lệ diện tích/NH sao cho đáp ứng yêu

cầu của Bộ GD&ĐT và các yêu cầu này đều được Nhà trường đáp ứng đầy đủ [H9.09.01.04].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHQN có các phòng chức năng có hệ thống phòng làm việc, phòng học, được trang bị đầy đủ trang thiết bị phù hợp.

Trường ĐHQN luôn đảm bảo diện tích/NH theo quy định để phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của GV, HV ngành ThS KHDL một cách tốt nhất.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù các thiết bị tại các phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng được trang bị đầy đủ, tuy nhiên vẫn còn nhiều thiết bị hoạt động không hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường cần có kế hoạch cụ thể để kịp thời thay thế hay sửa chữa các trang thiết bị hoạt động không hiệu quả, bị hỏng hóc, đảm bảo quá trình làm việc, học tập của GV và HV.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	

2	Phát huy điểm mạnh 1	Tăng cường kinh phí để đầu tư cho trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục thực hiện thống kê diện tích phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng... để đảm bảo yêu cầu của Bộ GD & ĐT cũng như nhu cầu trong thực tế.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện Trường Đại học Quy Nhơn nằm trên khuôn viên phía Đông Nam của Trường, có tổng diện tích xây dựng gần 4.500 m², bao gồm tòa nhà Thư viện trung tâm 03 tầng và 01 dãy nhà trệt nằm liền kề. Thư viện có 01 phòng giáo trình, 02 phòng đọc mở, 01 phòng mượn, 01 phòng đọc thân thiện, 02 phòng truy cập internet với 60 máy tính được nối mạng tốc độ cao, và 07 phòng tự học với tổng cộng khoảng 700 chỗ ngồi **[H9.09.02.01]**.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho GV và HV khai thác tài liệu phục vụ việc học tập và nghiên cứu, Thư viện nhà trường mở cửa từ 7h00 sáng đến 17h00 chiều. Hơn nữa, để định hướng cho bạn đọc, Thư viện đã gắn các bảng hướng dẫn tra cứu tài liệu tại lối đi hành lang, bên trong các phòng đọc, phòng truy cập internet, trên website của đơn vị, cập nhật nội quy sử dụng Thư viện. Bên cạnh đó, Thư viện cũng tổ chức các hoạt động nhằm xây dựng phong trào đọc sách và

không gian văn hóa đọc bổ ích, thiết thực cho nhiều đối tượng bạn đọc thông qua việc tổ chức Ngày hội Sách hàng năm [H9.09.02.02], [H9.09.02.03], [H9.09.02.04].

Từ năm 2016, Thư viện đã hợp tác với Trung tâm học liệu Trường Đại học Cần Thơ về quyền khai thác các cơ sở dữ liệu điện tử, tham gia hệ thống Liên hiệp thư viện Việt Nam, mua quyền khai thác tài liệu tại Thư viện pháp luật trực tuyến, mua dùng chung 3 cơ sở dữ liệu kèm theo hướng dẫn khai thác cơ sở dữ liệu. Thư viện số cũng đã đưa vào sử dụng với số lượng đầu sách phong phú. Phần mềm thư viện đã được trang bị giúp quản lý bạn đọc, mượn trả qua hệ thống phần mềm quản lý thư viện, số hóa được tài liệu, NH được cấp tài khoản truy cập [H9.09.02.03]. Trong những năm gần đây, nguồn học liệu của Thư viện không ngừng được bổ sung và đa dạng hóa. Hiện tại, Thư viện đang phục vụ gần 40.000 đầu sách (gồm sách Việt văn và Ngoại văn), gần 3.000 luận văn, luận án, đồ án các loại, hơn 70 đầu báo và tạp chí trong nước và nước ngoài,... Hàng năm, danh mục sách giáo trình, sách tiếng Anh, sách tham khảo, tập bài giảng được Thư viện gửi về cho Khoa T&TK để rà soát và cập nhật nhằm bổ sung đầy đủ tài liệu để hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và học tập của HV ngành KHDL trình độ ThS [H9.09.02.05], [H9.09.02.06].

GV khoa Toán và Thống Kê cũng thường xuyên cập nhật bài giảng, tích cực đăng ký biên soạn các giáo trình mới phục vụ cho học phần, đồng thời hàng năm Khoa cũng rà soát các tài liệu tại Thư viện để đăng ký bổ sung nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo của ngành KHDL trình độ ThS [H9.09.02.06], [H1.01.02.01], [H1.01.02.02]. Nhờ đó, nguồn học liệu của Thư viện luôn được đổi mới đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của GV và HV các ngành Toán học và Toán ứng dụng.

Bên cạnh đó, Thư viện cũng đề xuất các văn bản kế hoạch và dự án đầu tư, đề án cải tiến hàng năm nhằm đổi mới hoạt động, nâng cao hiệu suất phục vụ của Thư viện. Nhiều hạng mục đã sửa chữa nâng cấp khang trang hơn. Một số đầu sách cũ đã thanh lý và thay thế bổ sung thêm sách mới, hiện nay đang triển khai

sửa chữa phòng đọc tạo ra không gian mở [H9.09.02.07].

Hàng năm, Thư viện tiến hành đánh giá mức độ đáp ứng của Thư viện về tài liệu và cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu đào tạo thông qua việc khảo sát ý kiến nhằm đánh giá mức độ hài lòng của bạn đọc [H9.09.02.08]. Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy GV, HV đều đồng ý rằng các đầu sách, báo và các tài liệu đáp ứng về cơ bản nhu cầu học tập, tham khảo của người học, quy trình mượn, trả sách và tài liệu khá rõ ràng, hợp lý, 90% bạn đọc đánh giá Thư viện có đủ không gian cho học tập và tra cứu tài liệu, đáp ứng đủ tài liệu.

2. Điểm mạnh

Thư viện của Trường ĐHQN có diện tích rộng rãi, thoáng mát, phòng ốc đầy đủ và được trang bị các thiết bị cần thiết phục vụ cho NH; nguồn tài liệu phong phú, được bổ sung, cập nhật hàng năm, có nội dung, quy định, hướng dẫn được trang bị các thiết bị để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường và Khoa Toán & Thống Kê.

Hàng năm, Thư viện cũng tiến hành lấy ý kiến đánh giá của GV, HV và các bên liên quan về mức độ phù hợp của Thư viện nhằm xây dựng dữ liệu theo dõi về hoạt động của Thư viện.

3. Điểm tồn tại

Có sự hợp tác liên kết với các thư viện khác, nhưng chưa nhiều.

Học viên, cán bộ chưa được cung cấp các tài khoản để truy cập các nguồn tài liệu liên kết.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	Cần có sự phối hợp, liên hệ, ký kết hợp tác với các thư viện khác một cách đa dạng nhằm bổ sung hệ thống tài liệu. Xây dựng và triển khai kế hoạch mua sắm nguồn tài liệu, học liệu nước ngoài bổ sung hằng năm	Thư viện	Từ năm học 2023 – 2024	
2	Khắc phục tồn tại 2	Cần cung cấp các tài khoản cho NH và CB để truy cập các nguồn tài liệu liên kết.	Thư viện	Từ năm học 2023 – 2024	
3	Phát huy điểm mạnh 1	Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định, nội quy trong Thư viện. Xây dựng văn hóa Thư viện nhằm nâng cao hình ảnh thư viện.	Thư viện	Từ năm học 2023 – 2024	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Tập huấn cho NH sử dụng các phần mềm, nguồn học liệu của Thư viện.	Thư viện	Từ năm học 2023 – 2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 4/7.

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có các trung tâm thí nghiệm, thực hành được thiết kế hiện đại, đầu tư đầy đủ, hiệu quả đã đáp ứng được yêu cầu đào tạo và nghiên cứu cho viên

chức, sinh viên, HV, nghiên cứu sinh của Trường, cụ thể:

Nhà trường xây dựng một khu thí nghiệm, thực hành A6 và A7 cho NH của các khoa thuộc khối hóa, sinh học, vật lý... Bên cạnh đó, khu thí nghiệm này còn phục vụ công tác nghiên cứu cho GV, HV và nghiên cứu sinh với 3 phòng nghiên cứu riêng được trang bị hiện đại, có hệ thống máy lạnh, đảm bảo điện, nước và wifi miễn phí. Các phòng thí nghiệm, thực hành Khu A6, A7 tạo ra một khu khép kín đảm bảo điều kiện tốt cho việc dạy học và nghiên cứu **[H9.09.03.01]**. Hiện nay, với sự tài trợ của Quỹ VINIF, tại khu A7, Nhà Trường đã xây dựng một phòng thí nghiệm thực hành được trang bị các phương tiện kỹ thuật hiện đại, cần thiết để phục vụ cho việc học tập, đào tạo của học viên và giảng viên ngành KHDL trình độ ThS **[H9.09.03.08]**.

Nhà Trường cũng xây dựng Khu nhà Trung tâm Khảo thí với 16 phòng dành cho thi trắc nghiệm, 01 phòng giám sát, 01 phòng hội đồng được trang bị máy móc hiện đại, thoáng rộng, hệ thống máy lạnh, tivi, máy tính, wifi tốc độ cao phục vụ cho dạy học. Hệ thống camera hiện đại hỗ trợ giám sát quá trình dạy và học, giúp nâng cao tương tác trên lớp và chất lượng dạy học. Ngoài ra, phòng thực hành Giảng đường A4 được trang bị 50 dàn máy vi tính với các phần mềm tin học và các thiết bị bao gồm bàn, ghế, máy chiếu, đồ dùng dạy học và hệ thống quạt, điện, điều hòa đảm bảo cung cấp ánh sáng và nhiệt độ phù hợp đáp ứng tốt nhu cầu thực hành của sinh viên, HV **[H9.09.03.01]**. Tuy nhiên, phòng thực hành này chỉ phục vụ đối với học viên ngành KHDL trình độ ThS cho các học phần sử dụng phần mềm ThS KHDL của CTĐT đại học. Riêng đặc thù của trình độ đào tạo ThS ngành KHDL theo định hướng ứng dụng chủ yếu là nghiên cứu tìm hiểu nên chưa sử dụng phòng thực hành này. Bên cạnh đó, Nhà trường đã đầu tư một hệ thống mạng truyền dẫn với tốc độ cao để phục vụ việc kết nối internet của NH và GV trong học tập và nghiên cứu **[H9.09.03.02]**. Thông qua đó, GV có thể trực tiếp giảng dạy cho HV dưới nhiều định dạng khác nhau thông qua hình thức kết nối internet. HV thì có thể dễ dàng tiếp cận, tra cứu và chia sẻ thông tin trong qua trình học tập, nghiên cứu và thảo luận tại lớp, tại Trường.

Hàng năm, Trường ĐHQN đều tổ chức thống kê và kiểm tra đối với các trang thiết bị phòng thí nghiệm, thực hành để tiến hành bảo trì, sửa chữa và nâng cấp [H9.09.03.03], [H9.09.01.01]. Mỗi phòng đều có nhân viên chuyên trách để theo dõi và quản lý việc sử dụng thiết bị. Có tài liệu hướng dẫn cũng như quy định của phòng thí nghiệm thực hành [H9.09.03.04]. Riêng đối với việc quản lý thiết bị tại các phòng học, Nhà trường đã cử các nhân viên phụ trách quản lý và cung cấp đầy đủ các trang thiết bị phòng học (sau khi có thời khóa biểu và phân công phòng học ở mỗi kỳ) [H9.09.03.05].

Đặc biệt, Nhà trường cùng bộ phận quản lý Phòng Cơ sở vật chất định kỳ tổng hợp về việc sử dụng trang thiết bị, Phòng thí nghiệm, thực hành. Có kế hoạch bảo trì cũng như đầu tư mua sắm, sửa chữa, cập nhật trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.03.06], [H9.09.01.02], [H9.09.01.03], [H9.09.01.04].

Ngoài ra, Nhà trường cũng luôn quan tâm đến công tác tổ chức kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng, triển khai khảo sát mức độ đáp ứng nhu cầu của HV, GV về trang thiết bị và chất lượng phục vụ của phòng thí nghiệm, thực hành. Từ đó, đưa ra các giải pháp kịp thời và phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài sản [H9.09.03.07].

2. Điểm mạnh

Các phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị hiện đại, đầy đủ, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập của CB và NH. Các phòng này luôn có người phụ trách, quá trình quản lý và đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị được cập nhật hàng năm để hỗ trợ hoạt động giáo dục và nghiên cứu.

Với ngành thạc sỹ KHDL, dưới sự tài trợ của Quỹ VINIF, Nhà Trường đã trang bị một phòng thí nghiệm, thực hành đầy đủ hiện đại đáp ứng nhu cầu học tập và giảng dạy cho ngành KHDL trình độ ThS.

3. Điểm tồn tại

Công tác bảo dưỡng, bảo trì trang thiết bị được Nhà trường quan tâm và thực hiện, tuy

nhien ở một số thời điểm chưa được kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường công tác bảo trì-bảo dưỡng, kịp thời phát hiện và sửa chữa các trang thiết bị bị hỏng.	Phòng Cơ sở vật chất	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Duy trì công tác đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất, bao gồm các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thực hành.	Phòng Cơ sở vật chất	Từ năm học 2023-2024	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tăng cường đầu tư các phòng thí nghiệm, thực hành hiện đại, đầy đủ đáp ứng nhu cầu cho từng ngành học	Phòng Cơ sở vật chất	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 4/7.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHQN đã trang bị hệ thống máy tính đầy đủ để phục vụ hoạt động đào tạo NH chủ yếu để thực hành việc xử lý dữ liệu, khai thác tư liệu tại Thư viện và hoạt động của các phòng ban. Hệ thống mạng truyền dẫn, các phần cứng, phần mềm và các đường truyền Internet được đầu tư hiện đại, phù hợp và ổn định. GV, chuyên viên trong Nhà trường đều trang bị email công vụ riêng để đảm bảo tính bảo mật. Ngoài ra, Nhà trường sử dụng các phần mềm có bản quyền; các phòng

học đều có bảng tương tác, micro, loa để phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy, NCKH và học tập. Toàn bộ các công thông tin, hệ thống email, các phần mềm ứng dụng đều được bộ phận chuyên trách kiểm tra, bảo dưỡng, gia hạn sử dụng thường xuyên, đồng thời có hệ thống an ninh mạng đảm bảo. Năm 2022, Nhà trường đã đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, Nhà trường đã nâng cấp, trang bị mới hàng loạt các phần mềm: quản lý đào tạo SĐH, E-Learning, chống đạo văn, phần mềm thi trắc nghiệm, phòng studio,... [H9.09.04.01].

Nhà trường đã thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông có trách nhiệm đảm bảo sự hoạt động website của Nhà trường, là đầu mối tiếp nhận và xử lý các vấn đề kỹ thuật về đường truyền, mạng máy tính. Các nhân viên của Trung tâm được giao chức năng và nhiệm vụ rõ ràng để phụ trách hệ thống mạng, hệ thống máy tính, phần mềm,... với trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt giúp hệ thống hoạt động ngày càng hiệu quả. Việc phụ trách hệ thống thông tin được phân công, phân nhiệm rõ ràng để đảm bảo sự cố được xử lý ngay nếu xảy ra [H9.09.04.02]. Các vấn đề về hệ thống mạng Internet, wifi và các phần mềm cài đặt trên hệ thống máy chủ tại trường được theo dõi thường, liên tục và ghi chép cẩn thận [H9.09.04.03].

Hàng năm, Khoa và Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hệ thống công nghệ thông tin của Trường. Nội dung khảo sát này được lồng ghép trong các khảo sát như khảo sát về chất lượng ngành học, mức độ hài lòng về hoạt động hỗ trợ đào tạo, ý kiến về CTĐT,... Kết quả cho thấy về cơ bản GV, chuyên viên và NH hài lòng với hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường và đánh giá hệ thống công nghệ thông tin về cơ bản đáp ứng tốt các hoạt động học tập và nghiên cứu cũng như các hoạt động khác trong Trường [H9.09.04.04]. Ngay khi xảy ra đại dịch COVID-19, Trường ĐHQN đã nhanh chóng chuyển sang hình thức dạy và thi trực tuyến nhờ vào năng lực hệ thống thông tin tốt tại Trường.

2. Điểm mạnh

Hệ thống công nghệ thông tin mạnh, ổn định về cơ bản đáp ứng được yêu cầu

cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các ngành đào tạo nói chung và ngành KHDL trình độ ThS nói riêng; được hỗ trợ và khắc phục kịp thời khi có sự cố. Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động kiểm kê, định kỳ sửa chữa, bảo dưỡng; đồng thời thường xuyên đầu tư mới, hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin.

Nhà trường đã thực hiện hoạt động thu thập và tổng hợp kết quả về ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin.

3. Điểm tồn tại

Toàn Trường đã được phủ sóng wifi, tuy nhiên chất lượng wifi ở một số khu vực trong trường và trong một số thời điểm còn chưa tốt.

Hệ thống máy tính còn cũ kĩ, các phần mềm, dữ liệu hỗ trợ việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu cho sinh viên, và giáo viên chưa được cập nhật và đổi mới.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Nâng cấp chất lượng truy cập wifi ở một số khu vực còn yếu.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	
2	Khắc phục tồn tại 2	Nâng cấp hệ thống máy tính, phần mềm và dữ liệu hỗ trợ người học và giáo viên giảng dạy	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	
3	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục thực hiện các hoạt động kiểm kê, định kỳ sửa chữa, bảo dưỡng, đồng thời chú trọng hoạt động đầu tư mới hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	

4	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục thực hiện hoạt động thu thập và tổng hợp kết quả về ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2023-2024	
---	----------------------	---	-------------	----------------------	--

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. *Mô tả hiện trạng*

Trường ĐHQN đã ban hành các quy định về môi trường, sức khỏe, an toàn Trường ĐHQN đã ban hành các quy định về môi trường, sức khỏe, an toàn bên cạnh các quy định chung của Chính phủ, Bộ GD&ĐT, Bộ Tài nguyên và Môi trường, **[H9.09.05.01]**.

Nhà trường cũng đặc biệt quan tâm đến công tác an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ như tổ chức các hoạt động tuyên truyền, thành lập ban chỉ đạo và đội phòng cháy chữa cháy của Trường. Nhà trường đã phối hợp với Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Bình Định tổ chức tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ. Các thiết bị phòng cháy chữa cháy được Nhà trường trang bị đầy đủ và chất lượng. Nhà trường thường xuyên kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm của các căn tin, nhà ăn theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế **[H9.09.05.01]**, **[H9.09.05.02]**. Tổ y tế đáp ứng yêu cầu về y tế cơ bản trong Trường. Từ năm học 2018-2019, Nhà trường đã đầu tư hệ thống nước lọc phục vụ nước uống tinh khiết cho HV tại khu vực giảng đường, thư viện và kí túc xá. Nhà trường cũng có các văn bản hướng dẫn để xử lý các trường hợp dịch bệnh bất thường xảy ra hàng năm để bảo đảm sức khỏe, an toàn cho NH, viên chức và GV **[H9.09.05.02]**. Các văn bản triển khai công tác phòng chống dịch Covid 19 được triển khai nhanh chóng và kịp thời đến HV và CB, công nhân viên. Nhà trường cũng chủ động trong việc sản xuất nước sát khuẩn, máy đo thân nhiệt và sát khuẩn tự động. Các sản phẩm

này không chỉ sử dụng trong Nhà trường mà còn cung cấp, hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị bên ngoài **[H9.09.05.02]**. Môi trường, cảnh quan của Trường ĐHQN luôn xanh, sạch, đẹp, và an toàn. Cây xanh, vườn hoa, thảm cỏ được trồng và chăm sóc chu đáo nhằm tạo không gian thoáng mát, trong lành. Nhà trường hợp đồng với doanh nghiệp để thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường, đặc biệt là chất thải nguy hại ở các khu thí nghiệm, thực hành; tiến hành quan trắc môi trường trong khu vực Trường, viết báo cáo giám sát và báo cáo quản lý chất thải nguy hại. Hàng năm, Nhà trường đều hợp đồng với Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn tổ chức phun hóa chất diệt côn trùng, diệt muỗi trong phạm vi toàn Trường **[H9.09.05.03]**. An ninh, an toàn giao thông trật tự luôn được Nhà trường chú trọng. Lực lượng bảo vệ có nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tài sản và con người trong Trường, trực bảo vệ 24/24 giờ trong tất cả các ngày, kể cả ngày lễ, Tết. Hàng năm, lực lượng này đều được tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ. Nhà trường đã phối hợp tốt với Công an phường Nguyễn Văn Cừ và các phường lân cận trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự tại khu vực Trường. Nhà trường đã nhận được khen thưởng của Công An tỉnh Bình Định về đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn trong Nhà trường **[H9.09.05.03]**.

Hàng năm, Nhà trường luôn tổ chức các buổi tổng kết, báo cáo tổng kết, sơ kết việc thực hiện các hoạt động liên quan đến môi trường, sức khỏe, an toàn trên các khía cạnh như an ninh trật tự ký túc xá, an toàn giao thông, công tác sức khỏe và an toàn cho NH, viên chức và GV **[H9.09.05.03]**. Định kỳ, Trường ĐHQN tiến hành khảo sát, thu thập các thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng môi trường, sức khỏe, an toàn định kỳ để có các giải pháp hoàn thiện ngày càng tốt hơn **[H9.09.05.04]**.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHQN ban hành Quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn một cách phù hợp, rõ ràng và đầy đủ.

Nhà trường luôn quan tâm đến các vấn đề sức khỏe, môi trường, và

an toàn; đồng thời xử lý kịp thời các tình huống khẩn cấp.

3. Điểm tồn tại

Một số công trình trong trường chưa đáp ứng các yêu cầu an toàn và nhu cầu sinh hoạt của người khuyết tật.

Việc tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với tai nạn lao động, phòng cháy chữa cháy, ngộ độc thực phẩm cho đội phòng chống cháy nổ thường xuyên được thực hiện, tuy nhiên Nhà trường vẫn chưa được triển khai đối với toàn thể viên chức.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng và triển khai kế hoạch tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ, phòng cháy chữa cháy, ngộ độc thực phẩm cho viên chức toàn Trường hằng năm.	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Từ năm học 2023– 2024	
2	Khắc phục tồn tại	Cần xây dựng và nâng cấp các công trình chưa đáp ứng các yêu cầu an toàn và nhu cầu của người khuyết tật	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Từ năm học 2023 – 2024	

3	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng và triển khai kế hoạch giám sát, đánh giá việc thực hiện các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn.	Phòng Hành Chính – Tổng hợp	Từ năm học 2023-2024	
---	--------------------	--	-----------------------------	----------------------	--

1. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Khoa Khoa Toán & Thống Kê, Phòng Đào tạo SDH đã được Nhà trường quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của ngành KHDL. Hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của Nhà trường hoàn toàn phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành KHDL; Thư viện của Nhà trường có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, đặc biệt là nguồn tài liệu tiếng nước ngoài; Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH; Các phòng thực hành tin học với các trang thiết bị phù hợp đã hỗ trợ tốt cho công tác đào tạo và nghiên cứu; Nhà trường có nhà luyện tập thể dục, thể thao và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, thuận lợi cho viên chức, GV và HV rèn luyện sức khỏe; Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai tạo môi trường tốt nhất cho viên chức, GV và HV làm việc, học tập và nghiên cứu.

Tuy nhiên, bên cạnh đó Nhà trường cần khắc phục một số hạn chế về cách quản lý của Thư viện chưa được hiện đại hóa. Thư viện chưa có hệ thống mượn - trả tài liệu tự động; nguồn tài liệu nước ngoài chưa được cập nhật nhanh. Một số máy tính, thiết bị, phần mềm hỗ trợ hoạt động dạy và học đã cũ cần được bảo dưỡng, nâng cấp, thay mới kịp thời để phục vụ tốt hơn. Ngoài ra, đề án dạy học trực tuyến đã được Nhà trường triển khai nhưng vẫn chưa hoàn thành. Công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về môi trường, sức khỏe, cảnh quan, an toàn còn chưa đầy đủ. Cho đến nay,

trong thực tế đào tạo trình độ ThS, Nhà trường cũng chưa lưu ý để đáp ứng kịp thời nhu cầu đặc thù của người khuyết tật nếu có.

Trong thời gian tới, Khoa Khoa Toán & Thống Kê phối hợp với các phòng chức năng của Nhà trường tiếp tục rà soát, bổ sung, nâng cấp và thay thế số máy tính cấu hình thấp và sửa chữa thiết bị kịp thời phục vụ tốt cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu. Vận dụng các biện pháp nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin trong công tác đào tạo và nghiên cứu. Đề nghị Nhà trường triển khai xây dựng dự án thư viện điện tử, phát triển kho tài nguyên số, kết hợp với thường xuyên bổ sung nguồn sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, báo, tạp chí để đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH của Nhà trường nói chung và ngành KHDL nói riêng. Ngoài ra, Nhà trường cần nâng cấp hệ thống máy tính, phần mềm và dữ liệu hỗ trợ người học và giáo viên trong quá trình học tập và giảng dạy; đảm bảo chất lượng wifi ổn định tại một số khu vực nhất định để tránh ảnh hưởng đến công tác dạy và học; chú ý hơn đến lấy phản hồi các bên liên quan về môi trường, an toàn, sức khỏe và các chính sách liên quan đến người khuyết tật.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành KHDL đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí trong đó 2 tiêu chí đạt 4/7 điểm, 03 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.

Mở đầu

Chất lượng giáo dục là yếu tố quan trọng quyết định đến sự phát triển của một trường đại học. Do đó, việc nâng cao CLGD và CLĐT là một đòi hỏi cấp thiết của bất kỳ một cơ sở giáo dục nào. Trường ĐH Quy Nhơn nói chung rất chú trọng và thực hiện chặt chẽ, có hệ thống việc nâng cao CLĐT. Căn cứ vào các quy định của Bộ GD&ĐT, Trường ĐH Quy Nhơn và Khoa đã ban hành, kết hợp với việc tiếp nhận thông tin phản hồi từ các bên liên quan (GV, HV, cựu HV, nhà tuyển dụng, ...), thường xuyên rà soát, cập nhật, cải tiến, phát triển CTĐT nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa cũng áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học, các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của NH

và xã hội.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Mô tả hiện trạng

Việc mở ngành đào tạo và xây dựng CTDH ngành Khoa học dữ liệu trình độ thạc sĩ (*KHDL ThS*) tại Trường Đại học Quy Nhơn căn cứ vào các văn bản của Bộ Giáo dục và đào tạo về các quy định liên quan đến đào tạo thạc sĩ nói chung và ngành khoa học dữ liệu nói riêng [H10.10.01.01], [H10.10.01.02]. Để quá trình thiết kế và phát triển CTDH ngành KHDL ThS diễn ra thuận lợi, Nhà trường đã ban hành các quy định và các kế hoạch, thông báo về việc thu thập, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để đảm bảo chất lượng giáo dục cũng như cải tiến chất lượng CTDH [H10.10.01.03]. Trong đó, Nhà trường và Khoa đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTĐT, CTDH và phản hồi từ các bên liên quan (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, NCV, nhân viên, NH, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và NH đã tốt nghiệp) [H10.10.01.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa cũng tổ chức các Hội thảo chuyên đề về đào tạo ngành Khoa học dữ liệu tại Trường Đại học Quy Nhơn, cũng như công tác quảng bá tuyển sinh về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (nhà khoa học, cựu học viên, đơn vị sử dụng lao động) về CTĐT trình độ thạc sĩ KHDL, qua đó Nhà Trường và Khoa nắm bắt được các ý kiến của các bên liên quan để cải tiến CTĐT KHDL ThS [H10.10.01.05]. Cụ thể hơn, Khoa đã chủ động kết hợp với Nhà trường thu thập ý kiến phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan gồm các chuyên gia, nhà tuyển dụng và cựu NH về nhu cầu tuyển dụng, CTĐT, ... thông qua khảo sát trực tiếp qua hội thảo và khảo sát online bằng phần mềm khảo sát Esurvey [H10.10.01.05], [H10.10.01.06]. Trong quá trình dạy học, Nhà trường và Khoa tiếp thường xuyên khảo sát sự hài lòng của HV về hoạt động giảng dạy của GV. Kết quả phản hồi được phòng chức năng xử lý, tổng hợp báo cáo Nhà trường và gửi về các khoa, các đơn vị liên quan. Kết quả khảo sát việc giảng dạy của từng GV được gửi đến tài khoản cá nhân của từng GV qua hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường.

Các thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan đã được Nhà trường và Khoa xử lý, tổng kết báo cáo một cách cụ thể [H10.10.01.07], [H10.10.01.08]. Các kết quả báo cáo này được sử dụng làm căn cứ để Nhà trường và Khoa có cơ sở xác

định các mặt được và chưa được để điều chỉnh, cập nhật và cải tiến các mặt chưa được. Việc sử dụng các thông tin phản hồi của các bên liên quan chủ yếu thể hiện qua các hoạt động sau đây. Trước tiên, thông qua việc gửi kết quả khảo sát về sự hài lòng của HV sắp tốt nghiệp, cũng như các HV đối với mỗi GV lên tài khoản riêng của các nhân GV đó, Nhà trường và Khoa cũng gửi kèm các khuyến nghị và đề nghị thích hợp cho GV về việc cải tiến CLĐT, CTDH các ngành đào tạo của Khoa. Từ đó, Hội đồng khoa tổ chức các buổi họp, các buổi hội thảo chuyên đề về đào tạo ngành KHDL, nhằm rà soát và cập nhật CTĐT cũng như CTDH cho các khóa học tiếp sau [H10.10.01.09], [H10.10.01.10], [H10.10.01.11]. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa cũng thường xuyên cử CB, GV tham gia các khóa học bồi dưỡng, tham dự các chương trình tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn cho GV góp phần nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy và đảm bảo chất lượng [H10.10.01.12]. Hơn nữa, Khoa cũng đã xây dựng được mạng lưới liên kết cựu HV thông qua nhiều hình thức khác nhau như: internet (website, facebook,...), các buổi lễ kỷ niệm thành lập Khoa và Trường, hay các mối quan hệ xã hội khác như ký kết các biên bản thỏa thuận hợp tác với các tổ chức khác nhằm nắm bắt thông tin và nhu cầu của các bên liên quan về CTDH [H10.10.01.13]. Vào cuối mỗi năm học, Khoa cũng tổ chức các cuộc họp tổng kết hoạt động và xây dựng phương hướng hoạt động trong năm học kế tiếp, từ đó làm cơ sở cho việc tìm kiếm, xác định những giải pháp phát triển CTDH đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện nay [H10.10.01.14].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa đã xây dựng và sử dụng được nhiều hình thức thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan nên việc thu thập thông tin khảo sát liên quan đến ngành KHDL ThS có phần thuận lợi.

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được Nhà trường và Khoa thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế/phát triển CTDH ngành KHDL ThS.

3. Điểm tồn tại

Ngành KHDL ThS là ngành đào tạo mới của Khoa (từ 2019) nên số lượng các khóa và số HV tốt nghiệp còn ít, số lượng nhà tuyển dụng biết đến ngành KHDL ThS của Trường chưa rộng rãi, dẫn số lượng ý kiến thu thập được chưa nhiều. Điều này phần nào làm cho kết quả khảo sát chưa có sức thuyết phục cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Định kỳ thực hiện thu thập thêm thông tin phản hồi và nhu cầu các bên liên quan khác như các cơ quan ban hành chính sách ở địa phương và trung ương, giúp cho Khoa thiết kế và phát triển CTDH phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn.	Phòng Đào tạo SDH, Khoa Toán và TK	Từ năm học 2023 – 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ thu thập đa dạng nguồn thông tin phản hồi và nhu cầu các bên liên quan. Đồng thời, tiếp tục sử dụng những thông tin này để thiết kế và phát triển CTDH phù hợp hơn.	Phòng Đào tạo SDH, Khoa Toán và TK	Từ năm học 2023 – 2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Với sự tài trợ của Viện Nghiên cứu Dữ liệu lớn (BigData) - Tập đoàn VinGroup, việc thiết kế và phát triển CTDH ngành KHDL ThS tại Trường ĐHQN được triển khai thuận lợi. CTDH ngành KHDL ThS tại Trường ĐHQN được thiết lập đảm bảo đúng theo quy trình, quy định của Bộ GD&ĐT và các quy định của Nhà trường ĐHQN [H10.10.01.01], [H10.10.01.02]. Dạy học theo cách tiếp cận phát triển năng lực đầu ra là hướng vào hình thành ở NH hệ thống năng lực đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí việc làm và xã hội thông qua CDR. Đây là một giải pháp nâng cao CLĐT đáp ứng yêu cầu xã hội trên cơ sở xác định CDR để thiết kế chương trình và phương pháp đào tạo theo một quy trình khoa học. Trên cơ sở các văn

bản hướng dẫn về quy trình thiết kế và phát triển CTĐT của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHQN, đồng thời tiếp thu ý kiến các bên liên quan, Khoa xác định CĐR của CTĐT ngành KHDL ThS, thiết kế CTĐT dựa trên CĐR, từ đó, thiết kế CTDH phù hợp với mục tiêu đào tạo **[H10.10.02.01]**.

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH ngành KHDL ThS tại Trường ĐHQN được rà soát, đánh giá định kỳ theo kế hoạch với sự tham gia của nhiều bên liên quan, bao gồm HV, cựu HV, nhà sử dụng lao động, GV, chuyên gia tham gia vào thảo luận, góp ý nhằm đảm bảo CLĐT, đáp ứng tốt kết quả học tập mong đợi của HV và đáp ứng yêu cầu của xã hội **[H10.10.01.03]**, **[H10.10.01.04]**, **[H10.10.01.05]**. *Cho đến năm 2023, Nhà trường đã 3 lần tiến hành rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH, gắn liền với rà soát và đánh giá CTĐT các ngành thạc sĩ của trường các năm 2019, 2021 và 2023, trong đó ngành thạc sĩ KHDL đã tiến hành 2 lần năm 2021 và 2023* **[H10.10.01.04 (4)]**. Kết quả khảo sát HV về CTDH, về hoạt động giảng dạy của GV thực hiện CTDH cho thấy phần lớn HV của Khoa đều hài lòng về CTDH; sự đổi mới CTDH đã phần nào đáp ứng kịp thời với nhu cầu của người học và xã hội **[H10.10.01.06]**, **[H10.10.01.07]**.

Căn cứ vào kế hoạch cải tiến CLĐT của Nhà trường, kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan, báo cáo tự đánh giá của Trường ĐHQN, dựa trên CLĐT thực tế, Hội đồng khoa học Khoa tiến hành họp và thảo luận để thống nhất điều chỉnh, cập nhật và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn **[H10.10.02.02]**, **[H10.10.01.09]**. Việc điều chỉnh, cập nhật và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH còn thể hiện qua các quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành; rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT trình độ ĐH, ThS, TS tại Trường ĐHQN **[H10.10.01.04 (4)]**. Cụ thể hơn, các văn bản, quy định ban hành sau là sự cải tiến của quy trình nêu trong văn bản ban hành trước đó. Ngoài ra, theo văn bản hướng dẫn/quy định mới của Nhà trường, Khoa tiến hành biên soạn các đề cương chi tiết các học phần, yêu cầu các GV tham gia giảng dạy biên soạn bài giảng, sách tham khảo hoặc giáo trình đáp ứng yêu cầu mới về CĐR của CTĐT ngành KHDL ThS **[H10.10.01.10]**, **[H10.10.01.11]**. Theo quy định chung và thông báo về biên soạn giáo trình phục vụ đào tạo của Nhà trường, Khoa tiến hành thông báo đến các GV. Sau khi GV đăng ký viết sách tham khảo hoặc giáo trình phù hợp với CĐR vừa cập nhật để phục vụ việc học tập của HV, Khoa lập danh sách đề nghị gửi phòng chức năng **[H10.10.02.03]**. Quy trình điều chỉnh, cập nhật và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH cũng rất kịp thời trong những tình hình cụ thể: trong giai đoạn 2019 -

2022, dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp nên Nhà trường cũng linh hoạt thay đổi hình thức giảng dạy, thi kết thúc học phần và bảo vệ luận văn từ trực tiếp sang trực tuyến theo kiến nghị của HV và GV [H10.10.02.04]. Đồng thời, với mong muốn ngày càng gia tăng chất lượng, uy tín đào tạo, Nhà trường đã ban hành quy định về kiểm soát đạo văn để nâng cao CLĐT hệ cao học của Nhà trường [H10.10.02.05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có ban hành văn bản xây dựng, bổ sung quy trình xây dựng, rà soát và phát triển CTĐT, CTDH các ngành thạc sĩ nói chung và ngành KHDL nói riêng; đồng thời, quy trình này cũng đã được rà soát và cải tiến.

3. Điểm tồn tại

Quá trình khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế, phát triển CTDH chưa được đa dạng về đối tượng cũng như phương pháp khảo sát.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Định kỳ thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các cơ quan ban hành chính sách về quy trình thiết kế, phát triển CTDH.	Phòng Đào tạo SDH, Khoa Toán & TK	Từ năm học 2023 – 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ thực hiện việc rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH.	Trường ĐHQN	Từ năm học 2022 – 2023	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành các quy định, hướng dẫn rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HV thông qua các quy định về đào tạo ThS [H10.10.01.02], [H10.10.01.04(4)], [H10.10.03.01].

Dựa vào các quy định trên, Nhà trường và Khoa tiến hành triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường ban hành kế hoạch đào tạo bậc cao học và gửi kế hoạch đào tạo chung đến các Khoa và các HV. Trên cơ sở đó, Phòng Đào tạo Sau đại học xây dựng kế hoạch học tập cho từng lớp và gửi cho Khoa cũng như cho GV và HV [H10.10.03.02]. Phương pháp đánh giá kết quả học tập được quy định rất cụ thể trong từng đề cương học phần phù hợp với CDR và được cập nhật 2 năm 1 lần [H10.10.01.10], [H10.10.01.11]. Để đánh giá kết quả học tập của người học, Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức thi học kỳ vào cuối mỗi kỳ học. Đánh giá kết quả học tập được tiến hành nghiêm túc từ khâu ra đề, tổ chức thi, chấm thi theo biểu mẫu quy định của Trường [H10.10.03.01]. Nhà trường luôn thành lập ban tổ chức kỳ thi cuối kỳ [H10.10.03.03]. Kết thúc mỗi kỳ thi, Khoa tiến hành tổng kết kết quả thi của học viên, phân tích, đánh giá đề thi để điều chỉnh đề thi *nhằm cải tiến chất lượng công tác đánh giá kết quả học tập phù hợp hơn với HV và tương thích với CDR của học phần và CTĐT* [H10.10.03.04]. Bên cạnh đó, vào đầu mỗi năm học Nhà trường cũng lên kế hoạch thanh tra năm học nêu rõ trách nhiệm giữa các phòng chức năng và Khoa. Kế hoạch thanh tra sẽ được thực hiện trong năm học nhằm kiểm tra đảm bảo sự tương thích giữa quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập. Cuối mỗi năm học, Nhà trường thực hiện báo cáo thanh tra năm học nhằm phát hiện các vấn đề còn tồn tại, từ đó hoàn thiện các biện pháp cải tiến trong năm học tiếp theo [H10.10.03.05]. Bên cạnh đó, dữ liệu phản hồi của các bên liên quan về quá trình dạy - học và kết quả học tập cũng được sử dụng làm căn cứ đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT có tương thích và phù hợp với CDR hay không [H10.10.01.07 (2)].

2. Điểm mạnh

Nhà Trường có quy định, thông báo hướng dẫn về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; và có hệ thống đánh giá kết quả hoạt động của NH, đánh giá các phương pháp dạy và học, phương pháp GV đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT đảm bảo sự tương thích với CDR.

Từ đó, Nhà trường chỉ đạo Khoa tiến hành triển khai rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá được thể hiện cụ thể trong đề cương các học phần và phù hợp với CDR được quy định trong từng học phần.

3. Điểm tồn tại

Số lượng ý kiến phản hồi của HV không nhiều dẫn đến việc sử dụng ý kiến của HV để cải tiến, rà soát phương pháp giảng dạy, đánh giá của GV chưa mang lại hiệu quả cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Hiện nay, Phòng Đào tạo Sau đại học đã triển khai lấy ý kiến phản hồi của HV qua hệ thống online, tuy nhiên, cần triển khai lấy ý kiến phản hồi của HV về hoạt động dạy và học qua nhiều kênh hơn, đa dạng hơn và có hệ thống hơn.	Phòng Đào tạo SDH, Khoa, Phòng Khảo thí & Bảo đảm chất lượng	Từ năm học 2023 – 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát, cải tiến phương pháp giảng dạy, đánh giá. Thường xuyên cập nhật phương pháp giảng dạy,	Trường ĐHQN, Khoa	Từ năm học 2023 – 2024	

		đánh giá trong đề cương các học phần đảm bảo phù hợp với CĐR.			
--	--	---	--	--	--

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả hiện trạng

NCKH luôn là một phần gắn liền với công tác đào tạo của một trường đại học nói chung, và của mỗi GV gắn với công tác giảng dạy. NCKH tạo tiền đề để nâng cao năng lực chuyên môn của GV, từ đó góp phần nâng hiệu quả của hoạt động dạy và học. Nhận thức được tầm quan trọng đó, Nhà Trường đã xây dựng Đề án nâng cao CLĐT và NCKH đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo 2015 - 2020, xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn 2030 và đã ban hành văn bản Quy định “Thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV Trường ĐHQN” [H10.10.04.01], [H10.10.04.02]. Nhà trường đã khuyến khích và tạo điều kiện cho GV tham gia, chủ trì đề tài các cấp và tham gia hợp tác NCKH trong nước và quốc tế [H10.10.04.03]. Nghiên cứu khoa học là một thế mạnh của Khoa, được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận là một trong ba khoa Toán mạnh của cả nước. Phần lớn các đề tài NCKH các cấp đều gắn liền với sản phẩm đào tạo, mỗi đề tài hỗ trợ đào tạo ít nhất 01 ThS hoặc 01 nghiên cứu sinh. Nội dung phần lớn đề tài NCKH bám sát với CTĐT với các ngành đào tạo của Khoa, trong đó một số đề tài bám sát việc phục vụ phát triển ngành KHDL, chúng được sử dụng làm tài liệu học tập, giảng dạy, tài liệu tham khảo học tập, NCKH cho GV và HV trong Khoa [H10.10.04.04].

Các kết quả của các đề tài khoa học và công nghệ các cấp (do SV, HVCH hoặc GV của Khoa thực hiện) thường gắn liền với các bài báo khoa học. GV của Khoa còn thường xuyên công bố bài báo khoa học trên các tạp chí trong nước và quốc tế, đặc biệt nhiều GV có công bố trong các tạp chí thuộc danh mục ISI và Scopus có uy tín. Từ năm học 2017 đến năm học 2022, Khoa đã thực hiện 5 đề tài KH&CN cấp

Trường, 05 đề tài KH&CN cấp Bộ, 05 đề tài Nafosted và 01 đề tài được tập đoàn VinGroup tài trợ. Đồng thời, CBGV của Khoa đã công bố khoảng 100 bài báo quốc tế thuộc hệ thống Scopus và ISI, chưa kể các bài báo trong nước và các hội nghị [H10.10.04.04]. Tuy ngành ThS KHDL là ngành mới của Khoa, nhưng Khoa đã ý thức và định hướng cho các GV của Khoa tham gia các đề tài có xu hướng dẫn tiếp cận và phục vụ cho ngành đào tạo KHDL. Chẳng hạn, đề tài **VINIF.2019.DA09**, do tập đoàn VinGroup tài trợ vừa được nghiệm thu tháng 3 năm 2023, cung cấp những kiến thức khoa học mới (nâng cao và chuyên sâu) của Toán học liên quan đến Lý thuyết tối ưu cỡ lớn và Lý thuyết điều khiển số, đặc biệt là Khoa học dữ liệu. Về mặt ứng dụng, các kết quả của đề tài có thể sử dụng để giải quyết các bài toán xuất hiện trong công nghiệp, các khoa học ứng dụng liên quan đến phân tích dữ liệu, điều khiển và tự động hóa mà ngành KHDL muốn tập trung nghiên cứu. Đề tài tham gia đào tạo 10 thạc sĩ của Khoa *thực hiện đề án tốt nghiệp*, trong đó có một số HV ngành KHDL đạt loại xuất sắc. Điều này chứng tỏ đề tài đã đóng góp vào việc nâng cao chất lượng đào tạo. So với quy định chung về NCKH của Trường và của Bộ GD&ĐT, số lượng và chất lượng công bố khoa học của GV trong Khoa khá cao. Đồng thời, các hoạt động NCKH như seminar Khoa, tham gia các hội nghị chuyên ngành, còn hỗ trợ đắc lực cho các GV trong Khoa nâng cao kiến thức, tăng cường bổ sung biên soạn bài giảng, giáo trình, sách chuyên khảo,... phục vụ cải tiến hoạt động dạy và học [H10.10.04.05].

Như trên đã nói, ngành ThS KHDL là ngành mới của Khoa, với nhân lực GV của Khoa có chuyên môn không phải ngành đúng với KHDL, do đó Khoa cũng thực hiện ký kết các biên bản hợp tác với các đơn vị, công ty tuyển dụng nhân lực liên quan đến Toán và KHDL về tăng cường trao đổi nâng cao năng lực giảng dạy cho đội ngũ GV và năng lực học, kỹ năng cho HV [H10.10.04.06]. Sự hợp tác này tập trung vào các môn học thực tập nhận thức, thực tập đề án, đề án tốt nghiệp, trong đó, HV sẽ được tập thể hướng dẫn bởi GV của Khoa và nhân viên của đơn vị đối tác trong việc thực hiện các đề tài, dự án nhỏ từ các công ty. Việc GV và HV của Khoa được cọ sát với các dự án thực tế từ các đơn vị đối tác sẽ giúp nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu liên quan đến KHDL.

2. Điểm mạnh

Khoa có phong trào NCKH rất mạnh, huy động được sự tham gia của hầu hết GV trong Khoa và một số HV. Một số kết quả NCKH của GV đều gắn kết chặt chẽ với công việc giảng dạy của Khoa và phục vụ cộng đồng.

Một số kết quả NCKH được áp dụng và chuyển tải thành nội dung, chuyên đề giảng dạy trong CTDH.

Qua một số kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù các NCKH của GV nhiều nhưng mới chỉ dừng lại ở phục vụ cho đào tạo, số công trình NCKH có kết quả được sử dụng, hoặc có kết quả về cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của người học còn ít do ngành KHDL ThS mới thực hiện được 3 năm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	+ Chú trọng thực hiện các nghiên cứu liên quan đến phục vụ cải tiến chất lượng giảng dạy và học tập ngành KHDL ThS. + Mở rộng sự hợp tác với nhiều hơn nữa các đơn vị đối tác nhằm tận dụng sự góp ý.	Khoa Toán và TK	Từ năm học 2023 – 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường thực hiện đề tài NCKH các cấp, duy trì số lượng và chất lượng bài báo khoa học trên các tạp chí uy tín. Tập trung phát triển một số bài giảng thành giáo trình để	Khoa Toán và TK	Từ năm học 2023 – 2024	

		phục vụ nhu cầu của NH. Đặc biệt, tiến hành chọn lọc và biên dịch tài liệu nước ngoài sang tiếng Việt nhằm tăng thêm nguồn học liệu cho NH.			
--	--	--	--	--	--

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. *Mô tả hiện trạng*

Nhà trường có ban hành các văn bản hướng dẫn công tác đảm bảo chất lượng đến các khoa, trong đó có nội dung về nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho GV và HV [H10.10.01.04].

Hơn nữa, Nhà trường cũng ban hành quy định để các đơn vị chức năng *triển khai đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ* bằng nhiều hình thức lấy ý kiến qua các kênh khảo sát [H10.10.01.04], [H10.10.05.01]. Thông qua đó, Nhà trường thu thập được các đề xuất, phản ánh xác đáng từ các bên liên quan về chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. Kết quả lấy ý kiến từ 2020 đến nay cho thấy điều kiện cơ sở vật chất cũng như các hoạt động, dịch vụ tiện ích hỗ trợ học tập và NCKH đáp ứng được yêu cầu của NH và GV [H10.10.05.02], [H10.10.05.03]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức kiểm kê tài sản nhằm thống kê lại cơ sở vật chất của năm học trước và có định hướng sửa chữa, cải tiến cho năm học tiếp theo. Khoa có một tủ viện sách với hơn 500 đầu sách bằng tiếng Anh và có mua tài khoản tra cứu thông tin khoa học của MathScinet [H10.10.05.05], [H10.10.05.06].

Qua kết quả khảo sát ý kiến từ các bên liên quan, Nhà trường và các phòng chức năng đã *tiến hành cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ* của Thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Nhà trường thường xuyên triển khai mua các phần mềm, bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo, cải tiến chất lượng dịch vụ, trong đó có các phần mềm, tài liệu liên quan đến ngành KHDL ThS. Thư viện trường cũng thường xuyên khảo sát lấy ý kiến bạn đọc, tổ chức ngày sách để liên tục thu hút

người đọc và qua đó lấy ý kiến phục vụ cải tiến chất lượng. Để nâng cao chất lượng giảng dạy, Khoa thường xuyên rà soát và kiến nghị Nhà trường bổ sung giáo trình, tài liệu đáp ứng CTĐT của Khoa. Nhà trường tích cực triển khai lắp đặt hệ thống wifi cho ký túc xá, ký hợp đồng với Công ty PSC nâng cấp và hoàn thiện phần mềm Cổng thông tin điện tử, phần mềm đồng bộ dữ liệu E-Learning, phần mềm Tạp chí Khoa học online, phần mềm quản trị nhân sự và quản lý đào tạo, thù lao giảng dạy; triển khai việc lắp đặt thêm máy lọc nước sạch tại các giảng đường, Nhà luyện tập thể dục thể thao, Trạm y tế, Thư viện, camera an ninh [H10.10.05.07], [H10.10.05.08], [H10.10.05.09], [H10.10.05.10]. Nhà trường nâng cấp hệ thống giảng đường, phòng máy tính, phòng lab học ngoại ngữ, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện và nhà luyện tập thể dục thể thao với trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, đủ đáp ứng cho hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH; có hệ thống phòng làm việc đáp ứng cho các đơn vị chức năng, Khoa và Bộ môn [H10.10.05.11]. Ngoài ra, Nhà trường quan tâm chăm sóc sức khỏe của HV với phòng y tế luôn có nhân viên túc trực để hỗ trợ trong giờ hành chính và cả cuối tuần. Các văn bản triển khai công tác phòng chống dịch COVID-19 được triển khai nhanh chóng và kịp thời đến toàn bộ GV, HV, cán bộ và nhân viên [H10.10.05.12]. Nhà trường còn tổ chức đấu thầu bộ phận giữ xe có ứng dụng công nghệ thông tin trong việc theo dõi xe ra, vào nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ cho GV và HV [H10.10.05.13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa có văn bản hướng dẫn thực hiện, thực hiện đánh giá và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại Thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, đặc biệt là phòng máy thực hành KHDL) đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo và nghiên cứu cho GV và HV.

3. Điểm tồn tại

Việc sửa chữa các thiết bị trong phòng học (như quạt, điều hòa, máy chiếu) đôi lúc chưa kịp thời. Một số vật dụng vẫn còn dùng phiên bản cũ (máy chiếu công VAG, ...). Việc cấp thẻ thư viện cho HV còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nâng cấp phòng lab	Trường	Từ năm	

		KHDL đáp ứng nhu cầu thực hành của HV; duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên cơ sở vật chất đáp ứng các nhu cầu để nâng cao CLĐT.	ĐHQN và các đơn vị thuộc Trường	học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích như: Phát triển thư viện điện tử để HV và GV có thể tiếp cận nguồn tài liệu nước ngoài, có hệ thống e-learning giúp người học có thể học tập mọi lúc, mọi nơi	Phòng CSVC, Phòng HC- TH	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Tại Trường ĐHQN, cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện mang tính hệ thống. Trong đó, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Phòng Đào tạo SDH và Khoa quản lý chuyên ngành đào tạo là những đơn vị chịu trách nhiệm chính về việc tổ chức, triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.01]. Dựa vào các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã ban hành và bổ sung các quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan tại Trường ĐHQN nhằm đảm bảo việc thu thập thông tin phản hồi mang tính hệ thống, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của đào tạo [H10.10.06.02]. Quy trình lấy ý kiến phản hồi trong các văn bản được quy định rất chặt chẽ, có hệ thống bao gồm lập kế hoạch khảo sát; phê duyệt kế hoạch khảo sát; tổ chức khảo sát; thu thập, xử lý thông tin phản hồi; báo cáo kết quả khảo sát đến các bên liên quan; lập kế hoạch và thực hiện cải tiến chất lượng; lưu trữ các văn bản và dữ liệu khảo sát. Hiện nay, việc khảo sát HV thường được thực hiện

thông qua việc phát các phiếu hỏi, khảo sát qua phần mềm [H10.10.06.03]. Hình thức khảo sát này giúp việc tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan dễ dàng và có độ tin cậy cao.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan luôn được Nhà trường quan tâm, *đánh giá, xem xét để đánh giá và cải tiến*. Hằng năm, Nhà trường và Khoa đều đưa ra các thông báo, kế hoạch về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Sau khi khảo sát, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Phòng Đào tạo SDH và Khoa đều có văn bản báo cáo, đánh giá về kết quả phản hồi của các bên liên quan cùng với các đề xuất, kiến nghị đối với Nhà trường nhằm cải tiến chất lượng CTĐT trong thời gian tới. Các nội dung khảo sát mà Nhà trường và Khoa thực hiện thường tập trung vào vấn đề quan trọng là CĐR và CTĐT, bao gồm: khảo sát ý kiến phản hồi của HV về hoạt động giảng dạy của GV; khảo sát ý kiến phản hồi của HV sắp tốt nghiệp về CTĐT; khảo sát ý kiến cựu HV và nhà sử dụng lao động về CĐR và CTĐT [H10.10.01.04], [H10.10.01.05], [H10.10.01.07]. Ngoài ra, liên quan đến CTĐT, định kỳ Khoa còn tổ chức các cuộc họp lấy ý kiến của các bên liên quan như chuyên gia, nhà tuyển dụng, cựu HV, GV, HV,... về CTĐT ngành KHDL ThS theo định hướng ứng dụng để có cơ sở xây dựng, đổi mới CTĐT ngành KHDL ThS theo hướng ứng dụng, đáp ứng được nhu cầu nhân lực cho xã hội [H10.10.01.05]. Bên cạnh CĐR và CTĐT, Nhà trường và Khoa còn quan tâm khảo sát các khía cạnh khác như sự hài lòng của HV về cơ sở vật chất, trang thiết bị, các hoạt động hỗ trợ, môi trường, cảnh quan được lồng ghép trong khảo sát ý kiến phản hồi của HV sắp tốt nghiệp; khảo sát sự hài lòng của GV về cơ sở vật chất, các thiết bị phục vụ giảng dạy và NCKH cũng như hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên các phòng, ban, khoa, viện, trung tâm [H10.10.01.04], [H10.10.01.07], [H10.10.06.04]. Bên cạnh đó, Khoa cũng quan tâm thu thập thông tin phản hồi của HV thông qua việc trao đổi với đại diện các lớp qua các kênh như điện thoại, mạng xã hội (facebook, zalo,...) để kịp thời nắm bắt tình hình cũng như các khó khăn, vướng mắc của HV trong quá trình học tập, NCKH và thực hiện luận văn [H10.10.01.13].

Sau khi tiếp nhận các ý kiến phản hồi, Nhà trường thường xuyên họp bàn, thảo luận để đưa ra các *cải tiến cơ chế phản hồi*. Mỗi năm, Nhà trường đều đưa ra kế hoạch đảm bảo chất lượng cho năm học đó nhằm nâng cao CLĐT trong Nhà trường [H10.10.02.02]. Đặc biệt, việc điều chỉnh, phát triển CTĐT ThS nhằm cải tiến CLĐT luôn được chú trọng quan tâm. Theo đó, Nhà trường và Khoa định kỳ đã ra các kế hoạch và quyết định rà soát, bổ sung, cập nhật và phát triển CTĐT ThS các ngành

trong trường nói chung và ngành KHDL ThS nói riêng [H10.10.01.07]. Mỗi lần cập nhật CTĐT đều có sự tham gia của các chuyên gia, nhà tuyển dụng, HV, các GV và CB quản lý các cấp nhằm đảm bảo tính sư phạm, chất lượng chuyên môn, mức độ khả thi của CTĐT, đảm bảo CTĐT có sự kết nối lý thuyết với thực tiễn nhằm giúp HV đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Đồng thời, Khoa còn đề nghị Nhà trường bổ sung sách chuyên ngành, kỹ yếu hội thảo khoa học, luận văn ThS,... vào Thư viện cho HV có thêm nguồn tài liệu tham khảo phong phú trong quá trình học tập, NCKH và thực hiện luận văn tốt nghiệp [H10.10.05.06]. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ khác như phần mềm, trang thiết bị, thư viện, điện, internet, nước sạch,... cũng được Nhà trường quan tâm cải tiến nhằm đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu của NH [H10.10.06.05], [H10.10.06.06], [H10.10.06.07].

2. Điểm mạnh

Trường ĐH Quy Nhơn đã ban hành các văn bản quy định về Cơ chế phản hồi các bên liên quan một cách hệ thống.

Cơ chế phản hồi các bên liên quan được Nhà trường đánh giá sau mỗi lần thu thập thông tin. Qua đó, việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ cũng được nâng cao.

Đây cũng là cơ sở giúp Nhà trường cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan, giúp Nhà trường và Khoa làm tốt hơn công tác lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan trong các lần tiếp theo, giúp cho việc nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của NH và các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan để cải tiến cơ chế phản hồi chưa được triển khai rộng rãi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	Định kỳ tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về cơ chế phản hồi một cách rộng rãi để không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan	Phòng KT&BDC L	Từ năm học 2023 – 2024	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục thực hiện tốt hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan.	Phòng Đào tạo SDH và Khoa	Từ năm học 2023 – 2024	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục cải tiến CTĐT và các dịch vụ tiện ích đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của NH và xã hội.	Trường ĐHQN; Phòng Đào tạo SDH và Khoa	Từ năm học 2023– 2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Trường Đại học Quy Nhơn và Khoa Toán và Thống kê đã thường xuyên thực hiện, rà soát nhiều công việc để đảm bảo và nâng cao CLĐT. Dưới sự hướng dẫn của Nhà trường và dựa trên cơ sở thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan như GV, HV, cựu HV và nhà tuyển dụng thông qua các phiếu điều tra khảo sát và các buổi họp mặt, gặp gỡ, Hội đồng khoa học Khoa đã tiến hành rà soát và cập nhật và phát triển CTDH để đáp ứng nhu cầu thực tế của NH và xã hội. Các đề cương môn học đã được các GV rà soát và cập nhật bám sát mục tiêu của môn học và mục tiêu CTĐT. Quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá NH cũng được đa dạng hóa, đảm bảo tính liên tục, sự nghiêm túc, khách quan theo đúng quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT và Trường ĐH Quy Nhơn; công tác coi thi, chấm thi ở các kỳ thi/kiểm tra được thực hiện nghiêm túc và đúng quy định. Bên cạnh đó, Khoa cũng đã bắt đầu ứng dụng các kết quả NCKH của các viên chức, GV, HV trong Khoa vào nội dung của các học phần trong CTĐT ngành KHDL ThS. Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, nhìn chung bước đầu

đáp ứng được nhu cầu của NH, đảm bảo cho việc học tập và giảng dạy của người dùng. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, thường xuyên được thu thập và làm cơ sở để đánh giá, cải tiến CTĐT và các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập.

Tự đánh giá theo 6 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành KHDL ThS đã đạt yêu cầu 6/6 tiêu chí và cả 6 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Kết quả đầu ra một trong những tiêu chuẩn quan trọng phản ánh chất lượng đào tạo của một cơ sở giáo dục. Do đó để có cơ sở cải tiến chất lượng và nâng cao kết quả đầu ra, Nhà trường, Khoa T&TK cùng các đơn vị khác của Trường đã thực hiện việc giám sát, đối sánh tỉ lệ HV thôi học và tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình của HV, tình trạng việc làm của HV sau tốt nghiệp, các hoạt động NCKH của HV và khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan. Hơn nữa, Trường ĐHQN là một trong năm đơn vị hợp tác đào tạo ThS KHDL với Quỹ Đổi mới sáng tạo Vingroup, với vai trò cung ứng nguồn nhân lực KHDL chất lượng cao cho tỉnh Bình Định. Do đó, kết quả đầu ra luôn được Khoa và Nhà trường chú trọng.

Tiêu chí 11.1 Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Phòng Đào tạo SDH có chức năng quản lý hoạt động đào tạo SDH của Nhà trường [H11.11.01.01]. Việc quản lý dữ liệu về HV được thực hiện bằng phần mềm quản lý đào tạo kể từ năm học 2021-2022 thay cho công cụ A-tool tích hợp Excel trước đó để nâng cao tính hiệu quả [H11.11.01.02].

Trên cơ sở dữ liệu HV, tỉ lệ HV thôi học và tốt nghiệp của Nhà trường được xác lập. Phòng Đào tạo SDH quản lý và giám sát quá trình học tập cũng như kết quả học tập của HV, và các dữ liệu bao gồm số HV bỏ học, gia hạn và đủ điều kiện tốt nghiệp hàng năm để đưa ra Hội đồng xét tốt nghiệp của Nhà trường [H11.11.01.03]. Thông tin chi tiết về tỉ lệ HV thôi học, HV tốt nghiệp theo từng khóa của giai đoạn đào tạo từ

2020-2023 được thống kê trong bảng sau:

Bảng 11.1.1: Thống kê HV thôi học, tốt nghiệp giai đoạn 2020-2024

Khóa	Số HV nhập học (người)	Số HV bỏ học (người)	Tỉ lệ HV bỏ học %	Số HV gia hạn (người)	Tỉ lệ HV gia hạn %	Số HV bảo lưu (người)	Tỉ lệ HV bảo lưu %	Số HV tốt nghiệp (người)	Tỉ lệ HV tốt nghiệp đúng hạn %
K23 (2020-2022)	12	0	0,00	05	41,67	0	0,00	07	58,33
K24 (2021-2023)	18	06	33,33	---	---	0	0,00	---	---
K25 (2022-2024)	11	0	0,00	---	---	0	0,00	---	---

Bảng 11.1.1 cho thấy, đối với khóa đào tạo ThS KHDL đầu tiên 2020-2022, tỉ lệ HV tốt nghiệp đúng hạn là chưa cao, đạt 58,33%. Nguyên nhân là một số HV chưa hoàn thành CDR Ngoại ngữ và chưa hoàn thành luận văn tốt nghiệp đúng hạn do các lý do cá nhân. Đối với khóa 24 (2021-2023), tỉ lệ HV thôi học là khá cao. Nguyên nhân chủ yếu là do đa số HV hiện đang công tác tại các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nên khó thu xếp thời gian để tham gia khóa học.

Quy định về các trường hợp HV có nguyện vọng xin thôi học, nghỉ học tạm thời và muốn bảo lưu kết quả học tập hoặc xin gia hạn được nêu ra trong Quy chế đào tạo ThS [H11.11.01.04]. HV có thể dễ dàng tải các mẫu đơn trên website của Nhà trường và các quyết định về việc kéo dài thời gian đào tạo của HV đều được đưa ra [H11.11.01.05]. Để khuyến khích HV học tập, Nhà trường đã xét khen thưởng cho các

HV có thành tích cao trong học tập và tham gia quản lý lớp [H11.11.01.06]. Nhà trường cũng xét và đề nghị Quỹ Đổi mới sáng tạo Vingroup trao học bổng hỗ trợ học tập cho các HV có kết quả học tập xuất sắc [H11.11.01.07].

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ HV thôi học, HV tốt nghiệp của ngành KHDL trình độ ThS được xác lập và giám sát.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện việc đối sánh tỉ lệ HV ngành KHDL trình độ ThS tốt nghiệp, thôi học với các trường đại học khác trong nước.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện việc đối sánh tỉ lệ HV tốt nghiệp, thôi học với các trường đại học khác trong nước	Trường ĐHQN; Khoa T&TK	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện việc xác lập và giám sát tỉ lệ HV thôi học và tốt nghiệp hằng năm	Phòng Đào tạo SDH; Khoa T&TK	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Cùng với tỉ lệ thôi học và tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình của HV được giám sát bởi Phòng Đào tạo SDH [H11.11.01.01]. Thời gian đào tạo trình độ ThS ngành KHDL được quy định trong Quyết định ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS là từ 02 đến 04 năm, là thời gian được thiết kế để phù hợp với những HV bình thường hoàn thành chương trình đào tạo [H11.11.01.04]. Phòng Đào tạo SDH báo cáo Nhà trường tỉ lệ HV tốt nghiệp, thôi học hàng năm [H11.11.02.01]. Trên cơ sở đó, Khoa T&TK đã thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của HV ngành

KHDL cho khóa đào tạo đầu tiên, thể hiện trong bảng sau:

Bảng 11.2.1. Thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của HV ngành KHDL giai đoạn 2020-2022

Khóa học	Tổng số HV	HV tốt nghiệp đúng hạn (2 năm)		HV chưa tốt nghiệp đúng hạn		Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm)
		Số HV	Tỉ lệ %	Số HV	Tỉ lệ %	
K23 (2020-2022)	12	07	58,33	05	41,67	----

Thống kê trên cho thấy, đối với khóa đào tạo 2020-2022, có 41,67% HV tốt nghiệp muộn. Để có cơ sở cải tiến chất lượng đào tạo ngành ThS KHDL, Khoa T&TK đã thực hiện việc khảo sát để tìm hiểu nguyên nhân chậm tốt nghiệp của HV ngành ThS KHDL. Kết quả khảo sát cho thấy có 02 HV chưa thể sắp xếp thời gian hợp lý để hoàn thành CDR Ngoại ngữ đúng hạn do bận công việc, 02 HV chưa hoàn thành số tín chỉ bắt buộc trong CTĐT, trong đó 01 HV nêu lý do là do thời gian dịch covid cách ly và 01 HV cho rằng các học phần có trọng tâm là các kiến thức Toán trong CTĐT là hơi khó đối với một số ít HV, và 01 HV chưa hoàn thành luận văn ThS đúng hạn do việc chọn đề tài luận văn chưa phù hợp [H11.11.02.01].

HV được phổ biến các thông tin về CTĐT và các quy định liên quan đến quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp ngay khi nhập học [H11.11.02.03]. Các HV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp được thông báo kịp thời để chủ động có kế hoạch học tập. Đối với CDR môn Ngoại ngữ, nhằm tạo điều kiện để HV hoàn thành CDR đúng tiến độ, Trung tâm Ngoại ngữ của Trường tổ chức ôn thi nhiều đợt trong năm [H11.11.02.04].

2. Điểm mạnh

Thời gian tốt nghiệp trung bình của HV được Khoa T&TK xác lập và giám sát để có kế hoạch cải tiến chất lượng. Nhà trường và Khoa tạo điều kiện để HV hoàn thành CTĐT đúng tiến độ.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện việc đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình với các trường đại học khác trong nước.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện việc đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình với các trường đại học khác trong nước	Trường ĐHQN; Khoa T&TK	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đôn đốc, nhắc nhở HV chủ động hoàn thành kế hoạch đào tạo, đảm bảo tốt nghiệp đúng tiến độ	Phòng Đào tạo SDH; Khoa T&TK	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải thiện chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ có việc làm của HV sau khi tốt nghiệp là một trong những tiêu chí quan trọng trong việc khẳng định CLĐT của Khoa và Nhà trường. Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp là đơn vị được Nhà trường giao nhiệm vụ theo dõi thông tin về việc làm của HV tốt nghiệp (vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác) [H11.11.03.01].

Nhà trường đã thực hiện khảo sát tỷ lệ có việc làm của HV trong vòng 12 tháng sau tốt nghiệp, trong đó có khảo sát về thu nhập bình quân của HV tốt nghiệp. Kết quả thống kê thể hiện rằng tỷ lệ HV có việc làm sau tốt nghiệp 85,71% với mức thu nhập tương đối ổn định, trong đó có một HV sau tốt nghiệp đang làm nghiên cứu sinh tiến sĩ ở nước ngoài [H11.11.03.02].

Nhà trường và Khoa đã kết nối và ký các thỏa thuận hợp tác với các tập đoàn, công ty công nghệ, các trung tâm nghiên cứu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các công ty, doanh nghiệp ứng dụng KHDL và công nghệ thông tin để tạo điều kiện cho HV có cơ hội thực tập, thực tế và nâng cao cơ hội tìm kiếm việc làm của HV sau khi ra trường [H11.11.03.03]. Khoa cùng với các đơn vị tuyển dụng lao động chủ động đăng tải các thông tin việc làm qua nhiều kênh như fanpage của Khoa, trên các bảng tin của

Khoa và Trường [H11.11.03.04]. Từ đó HV dễ dàng tiếp cận với các thông tin tuyển dụng, góp phần gia tăng tỉ lệ HV có việc làm sau tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ HV tốt nghiệp có việc làm.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện việc đối sánh tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp với các cơ sở đào tạo khác trong nước do khó khăn trong việc thu thập dữ liệu.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện việc đối sánh tỉ lệ HV có việc làm với các cơ sở đào tạo khác	Trường ĐHQN; Khoa T&TK	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục kết nối chặt chẽ với các tập đoàn, công ty, doanh nghiệp, giới thiệu cơ hội việc làm cho HV	Trường ĐHQN; Khoa T&TK	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Bên cạnh các hoạt động NCKH của GV, hoạt động NCKH của HV cũng là một yếu tố quan trọng trong công tác giảng dạy của Nhà trường. Việc HV tham gia NCKH sẽ góp phần cải tiến CLĐT. Đối với hoạt động NCKH của HV, Khoa và GV hướng dẫn đã khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi để HV tham gia hoạt động NCKH. Nhà trường đã ban hành quy định về việc ưu tiên trong đánh giá luận văn tốt nghiệp đối với những HV có công bố khoa học từ đề tài tốt nghiệp, cụ thể, những học viên có bài báo được công bố trên các tạp chí có phản biện với nội dung liên quan đến đề tài tốt nghiệp có thể được đánh giá trên 9.0 [H11.11.04.01].

Chương trình đào tạo trình độ ThS ngành KHDL được tài trợ bởi Quỹ đổi mới sáng tạo Vingroup (VinIF) trong đó có việc hỗ trợ kinh phí cho HV có các công bố khoa học trong quá trình học tập tại trường với mức hỗ trợ tối đa là 30 triệu đồng/sản phẩm khoa học [H11.11.04.02], [H11.11.04.03].

Được thành lập năm 2019, Câu lạc bộ Python & Data (Khoa T&TK) đã trở thành nơi các học viên thảo luận, chia sẻ thông tin, kiến thức, kỹ năng lập trình, qua đó thúc đẩy phong trào NCKH của HV ngành KHDL [H11.11.04.04]. Tháng 06 năm 2020, Nhà trường chính thức đưa vào sử dụng phòng Lab KHDL và Trí tuệ nhân tạo (Data & AI Lab) phục vụ cho việc đào tạo, nghiên cứu khoa học ngành KHDL tại Trường. Bên cạnh đó, VinIF cũng tài trợ kinh phí để xây dựng Phòng thực hành KHDL tại Trường, làm cơ sở thúc đẩy hoạt động NCKH của GV và HV [H11.11.04.05].

Các loại hình NCKH của HV khá đa dạng, gồm việc thực hiện các bài báo NCKH; việc tham gia đề tài NCKH cùng với GV hướng dẫn và tham gia đề tài NCKH ở cơ quan/doanh nghiệp; việc thực hiện luận văn/đề án tốt nghiệp [H11.11.04.06], [H11.11.04.07], [H11.11.04.08]. Kết quả thống kê cho thấy số lượng công trình NCKH của HV ngành KHDL dù rằng là khá ít nhưng tốt hơn nhiều so với nhiều ngành thạc sĩ khác tại Trường ĐHQN. Một số công trình NCKH của HV có chất lượng tốt, được đăng trên các tạp chí thuộc danh mục SCOPUS, WOS [H11.11.04.06]. Một số đề tài NCKH của HV có tính ứng dụng cao trong thực tiễn [H11.11.04.07].

Quá trình thực hiện và bảo vệ đề tài luận văn/đề án tốt nghiệp của HV ngành KHDL được theo dõi, giám sát bởi Phòng Đào tạo SDH và Khoa T&TK [H11.11.04.01], [H11.11.04.09]. Các kết quả NCKH của HV được tích hợp trong các đề tài luận văn/đề án tốt nghiệp và được trình bày trước các hội đồng bảo vệ luận văn/đề án tốt nghiệp [H11.11.04.09]. Bên cạnh đó, một số HV còn trình bày kết quả NCKH của mình ở các hội nghị/hội thảo chuyên ngành [H11.11.04.10].

Để khuyến khích hoạt động NCKH của NH, trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 (Sửa đổi, bổ sung), Nhà

trường đã đề ra nhiều giải pháp trong Chiến lược phát triển KH-CN và hợp tác đối ngoại nhằm khuyến khích và thúc đẩy hoạt động NCKH của NH, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của HV [H11.11.04.11].

2. Điểm mạnh

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, theo dõi và giám sát.

Nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển KH-CN và hợp tác đối ngoại nhằm khuyến khích và thúc đẩy hoạt động NCKH của NH, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của HV.

3. Điểm tồn tại

Khoa vẫn chưa thực hiện được việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa ngành KHDL của Trường với ngành KHDL của các cơ sở đào tạo khác do khó khăn trong thu thập dữ liệu.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khảo sát để thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa ngành KHDL của Trường với ngành KHDL của các cơ sở đào tạo khác.	Trường ĐHQN; Khoa T&TK	Từ năm học 2023 - 2024	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục thực hiện thống kê các loại hình NCKH của HV.	Phòng Đào tạo ĐDH và Khoa T&TK	Từ năm học 2023 - 2024	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Đưa Chiến lược phát triển KH-CN và hợp tác đối ngoại vào thực tế đào	Trường ĐHQN; Khoa	Từ năm học 2023 - 2024	

		tạo.	T&TK		
--	--	------	------	--	--

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. *Mô tả hiện trạng*

Một trong những nhân tố quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của một trường đại học là chất lượng CTĐT. Để có được một CTĐT chất lượng, nhu cầu tìm hiểu về sự hài lòng của các bên liên quan là rất cần thiết bởi vì đó sẽ là căn cứ quan trọng để duy trì và cải tiến chất lượng CTĐT ngày một tốt hơn. Vì vậy, Trường ĐHQN nói chung, Khoa T&TK nói riêng đặc biệt quan tâm đến việc khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan. Cụ thể, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Phòng Đào tạo SDH và Khoa chuyên môn là những đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ khảo sát, đo lường và đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với CTĐT ThS nói chung và CTĐT ThS ngành KHDL nói riêng [H11.11.05.01]. Việc khảo sát, đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan được thực hiện dựa trên các công văn hướng dẫn của Bộ GD&ĐT cũng như các quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan tại Trường ĐHQN [H11.11.05.02]. Hiện nay, để việc thu thập thông tin, ý kiến phản hồi của các bên liên quan được khách quan và cập nhật, nhiều hình thức khảo sát khác nhau đã được Nhà trường sử dụng như khảo sát online qua PME-survey, Google form, phiếu khảo sát trực tiếp,... [H11.11.05.03].

Trong những năm vừa qua, Nhà trường cùng với Khoa T&TK đã định kỳ tiến hành khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi để đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan, bao gồm: khảo sát sự hài lòng của HV về hoạt động giảng dạy của GV; khảo sát sự hài lòng của HV sắp tốt nghiệp về CTĐT; khảo sát ý kiến cựu HV và nhà sử dụng lao động về CDR và CTĐT [H11.11.05.04], [H11.11.05.05], [H11.11.05.06]. Về CTĐT, Khoa T&TK định kỳ tổ chức các cuộc họp với các nhà tuyển dụng, các chuyên gia để đánh giá CTĐT ThS ngành KHDL, từ đó có cơ sở xây dựng CTĐT hiệu quả [H11.11.05.06]. Bên cạnh đó, Trường và Khoa còn quan tâm tới sự hài lòng của các bên liên quan đến các nội

dung khác thông qua việc khảo sát sự hài lòng của HV về cơ sở vật chất, trang thiết bị, các hoạt động hỗ trợ, môi trường, cảnh quan (được lồng ghép trong khảo sát ý kiến phản hồi của HV sắp tốt nghiệp); khảo sát sự hài lòng của GV về cơ sở vật chất, các thiết bị phục vụ giảng dạy và NCKH cũng như hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên các phòng, ban, Khoa, viện, trung tâm [H11.11.05.04], [H11.11.05.06], [H11.11.05.07].

Sau khi có kết quả khảo sát, Khoa T&TK đã tổng hợp, đánh giá, đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan, từ đó có cái nhìn tổng quát hơn về sự hài lòng của các bên liên quan đến CTĐT ThS ngành KHDL qua các năm [H11.11.05.05], [H11.11.05.06], [H11.11.05.07]. Theo kết quả khảo sát cũng như đối sánh cho thấy, CTĐT ThS ngành KHDL được đánh giá cao, nhận được sự hài lòng của các bên liên quan, ngày càng đáp ứng được nhu cầu của NH, nhà tuyển dụng và cả xã hội.

Dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan, Trường ĐHQN và Khoa T&TK đã định kỳ tiến hành cải tiến chất lượng. Cụ thể, Nhà trường và Khoa đã lập kế hoạch và ra các quyết định rà soát, bổ sung, cập nhật và phát triển CTĐT ThS ngành KHDL [H1.01.03.01], [H1.01.03.01], [H1.01.03.01], [H1.01.01.10], [H1.01.01.01], [H1.01.01.14], [H1.01.01.05]. Việc thường xuyên cập nhật, sửa đổi CTĐT ThS giúp Trường và Khoa đáp ứng được sự hài lòng của HV, đáp ứng được nhu cầu của nhà sử dụng lao động về nguồn nhân lực chất lượng. Ngoài ra, Nhà trường cũng đã tiến hành đầu tư, nâng cấp Thư viện, trang thiết bị, các dịch vụ hỗ trợ,... phục vụ cho các hoạt động dạy, học, NCKH, từ đó đáp ứng các yêu cầu của HV, GV và người lao động trong Nhà trường và nâng cao sự hài lòng cho các bên liên quan [H11.11.05.13], [H11.11.05.14].

2. Điểm mạnh

Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập và giám sát.

3. Điểm tồn tại

Việc thực hiện đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với NH chưa được thực hiện rộng rãi để Trường và Khoa có thêm cơ sở cải tiến chất lượng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Trường và Khoa sẽ mở rộng đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan của CTĐT ThS ngành KHDL với các ngành khác trong trường và các đơn vị bên ngoài Trường.	Phòng Đào tạo SDH và Khoa T&TK	Từ năm học 2023 - 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện khảo sát, lấy ý kiến phản hồi để đánh giá sự hài lòng của các nhà tuyển dụng.	Phòng Đào tạo SDH và Khoa T&TK	Từ năm học 2023 - 2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí là 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Xác định được tầm quan trọng của kết quả đầu ra, Trường ĐHQN đã có hệ thống quản lý quá trình học tập của HV và thông tin HV tốt nghiệp có việc làm. Tỷ lệ HV thôi học, HV tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp trung bình của HV được xác lập và giám sát. Nhà trường và Khoa không những tạo điều kiện để HV hoàn thành CTĐT đúng tiến độ mà còn thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ HV tốt nghiệp có việc làm. Ngoài ra, hoạt động nghiên cứu của NH cũng được quan tâm, chú trọng, các HV nhiệt tình tham gia NCKH. Bên cạnh đó, ý kiến phản hồi của các bên liên quan luôn được xác lập, giám sát và đối sánh nhằm cải tiến chất lượng CTĐT. Dựa theo kết quả khảo sát, HV khá hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV ngành KHDL.

Tuy nhiên, việc đối sánh tỉ lệ HV tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp với các cơ sở đào tạo khác trong nước vẫn chưa được thực hiện do khó khăn trong việc thu thập dữ liệu . Việc khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với NH chưa được thực hiện rộng rãi để Trường và Khoa có thêm cơ sở cải tiến chất lượng. Hơn nữa, cần khuyến khích HV trau dồi khả năng ngoại ngữ để có thể thăng tiến trong công việc và nghiên cứu sau khi tốt nghiệp.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành KHDL đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí và cả 5 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Dựa trên hệ thống tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành, Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách đã tự xem xét, đánh giá và báo cáo những điểm mạnh, những tồn tại của CTĐT ngành KHDL trình độ ThS trên tất cả các phương diện hoạt động đào tạo, đội ngũ GV, NCV, hoạt động NCKH, cơ sở vật chất, thư viện và các vấn đề liên quan khác. Trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT ngành KHDL trình độ ThS bằng cách tiếp tục phát huy những điểm mạnh và khắc phục những tồn tại đã được xác định.

Sau đây là tóm tắt những điểm mạnh, những điểm tồn tại và kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành KHDL trình độ ThS.

3.1. NHỮNG ĐIỂM MẠNH CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của Trường ĐHQN, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH. Mục tiêu của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL đã nhận được góp ý của các bên liên quan trong quá trình xây dựng, cập nhật, phát triển CTĐT.

CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL được xác định rõ ràng và bao quát đầy đủ cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà HV cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan và có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng.

CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL được rà soát, điều chỉnh định kỳ 2 năm một lần theo quy định và theo kế hoạch chung của Nhà trường.

CĐR của CTĐT được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường và của Khoa.

3.1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT trình độ ThS ngành KHDL tại Trường ĐHQN có đầy đủ các thông tin theo quy định.

Bản mô tả CTĐT luôn được cập nhật những vấn đề mới nhất cả về lý thuyết và thực tiễn có liên quan đến ngành KHDL.

Tất cả đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT trình độ ThS ngành KHDL có đầy đủ thông tin theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHQN, và được định kỳ rà soát, bổ sung theo kế hoạch của Trường ĐHQN.

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần ngành KHDL trình độ ThS được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

3.1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH ngành KHDL trình độ ThS được thiết kế dựa trên các yêu cầu CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của CTĐT ngành KHDL trình độ ThS. Các CĐR này tuân theo các quy định của Bộ GD&ĐT và được xây dựng có sự tham khảo ý kiến góp ý của người sử dụng lao động.

Tất cả các học phần trong CTDH đều có sự tương thích về nội dung và thể hiện được đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR.

Tất cả các học phần xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp nhằm đảm bảo đạt được CĐR của CTĐT.

Nội dung của các học phần trong CTDH đã thể hiện việc đạt được CĐR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

CTDH ngành KHDL trình độ ThS của Trường ĐHQN được cấu trúc, trình tự theo hệ thống khối kiến thức gắn kết logic theo hướng từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn của ngành. Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. Các nội dung trong CTDH định kỳ được cập nhật và có sự tham khảo từ các CTDH tiên tiến trong nước và CTĐT nước ngoài nhằm đảm bảo tính linh hoạt và tính tích hợp cao.

3.1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Nhà trường đã ban hành văn bản tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục.

Triết lý giáo dục được phổ biến rộng rãi tới các bên liên quan.

Cổng thông tin điện tử của Nhà trường công bố văn bản về triết lý giáo dục.

Giảng viên của Khoa đã xây dựng được các hoạt động dạy học cũng như phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR.

Khoa và đội ngũ giảng viên hướng dẫn người học các hoạt động học tập phù hợp giúp người học lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR.

Đa số giảng viên, người học tỏ ra hài lòng với các hoạt động dạy và học được sử dụng trong CTĐT.

Đề cương chi tiết các học phần mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm.

Đề cương chi tiết các học phần mô tả các hoạt động tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

Giảng viên đã sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

3.1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định một cách rõ ràng quy trình đánh giá kết quả học tập của NH nhằm đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu và CĐR của CTĐT.

Các phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường mức độ đạt được CĐR.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành các quy định về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi liên quan đến đánh giá kết quả học tập của NH.

Các văn bản quy định, hướng dẫn về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học được Nhà trường và Khoa thông báo công khai tới NH.

NH được phổ biến các quy định, hướng dẫn về kiểm tra/đánh giá các học phần trong CTĐT trình độ ThS ngành KHDL.

Phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH được thực hiện đa dạng, việc thực hiện quy trình đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

Nhà trường đã đưa ra những quy định cụ thể về việc phản hồi, đánh giá kết quả học tập và thông báo công khai cho HV được biết.

Có hệ thống phần mềm để thực hiện việc phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học.

Quy trình khiếu nại được công khai để giúp NH dễ dàng tiếp cận.

Nhờ việc thực hiện tốt quy trình chấm thi nên không có trường hợp phúc khảo nào trong 2 năm gần đây.

3.1.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Căn cứ nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, Nhà trường và Khoa T&TK đã có kế hoạch phát triển đội ngũ GV cả về số lượng chất lượng, đảm bảo tính kế thừa, liên tục trong thực hiện CTĐT.

100% GV của Khoa có trình độ tiến sĩ đáp ứng yêu cầu giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Tỉ lệ giảng viên/người học của Khoa T&TK đáp ứng tốt yêu cầu về chất lượng. Khoa T&TK tổ chức thường xuyên các hoạt động phục vụ cộng đồng trong nhiều năm qua.

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH.

Khối lượng công việc của từng GV được xác định rõ ràng và được giám sát bởi các đơn vị chức năng trong Nhà trường, góp phần để đảm bảo và nâng cao CLĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm được xác định rõ ràng bằng văn bản và được phổ biến công khai rộng rãi đến toàn thể viên chức trong Trường.

Năng lực của đội ngũ GV tham gia giảng dạy ThS ngành Khoa học dữ liệu được xác định, công khai và đáp ứng đầy đủ các quy định hiện hành. Khoa T&TK có tỷ lệ lớn giảng viên có học hàm và học vị cao (PGS, TSKH, TS).

Công tác đánh giá, phân loại viên chức và người lao động hàng năm được Nhà trường thực hiện nghiêm túc, chính xác. ,

Các GV tham gia giảng dạy ThS của Khoa có kết quả đánh giá, phân loại viên chức hàng năm ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó đa số hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV được Nhà trường và Khoa xác định rõ, có kế hoạch triển khai kịp thời và phù hợp.

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Nhà trường và Khoa giám sát, đánh giá hàng năm.

GV có kế hoạch công tác hàng năm cụ thể, rõ ràng.

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được Trường ĐHQN và Khoa T&TK triển khai giúp tạo động lực, hỗ trợ mạnh mẽ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

GV hài lòng về kết quả đánh giá, khen thưởng.

Trường có văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV phải thực hiện. Việc đánh giá được thực hiện chặt chẽ. Kết quả đánh giá cho thấy tất cả GV của khoa luôn đảm bảo, thậm chí vượt định mức số giờ NCKH hàng năm theo quy định. Hoạt động NCKH được giám sát đối sánh hàng năm góp phần nâng cao chất lượng NCKH trong GV.

3.1.7. Đội ngũ nhân viên

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường và của Khoa T&TK có đủ số lượng, có kinh nghiệm công tác và đảm bảo về phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ hỗ trợ, phục vụ tốt cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhà trường có văn bản quy định các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng, cụ thể và được công bố công khai. Các kế hoạch, thông báo, kết quả và quyết định tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, công khai và minh bạch.

Quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên cũng đã được xây dựng và ngày càng hoàn thiện hơn. Việc đánh giá, xếp loại đội ngũ nhân viên hằng năm của Trường nói chung và của Khoa T&TK nói riêng được thực hiện nghiêm túc theo các tiêu chuẩn đánh giá đã được quy định cụ thể.

Nhà trường đã thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên thông qua việc đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên.

Nhà trường có chính sách hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

Nhà trường có triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên.

Nhà trường đã có quy định về nhiệm vụ cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận.

Công tác đánh giá, xếp loại viên chức và công tác thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên được thực hiện công khai, minh bạch, góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Đội ngũ nhân viên Nhà trường được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng các quy định đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên.

Nhân viên của Trường hài lòng về công tác theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền.

3.1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách và quy định về tuyển sinh trình độ ThS ngành KHDL rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm.

Chính sách và quy định tuyển sinh (đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên, ...) được công bố công khai rộng rãi trên các kênh truyền thông của Trường.

Chính sách tuyển sinh có sự góp ý của các bên liên quan và phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực; được cập nhật hằng năm.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH của ngành KHDL trình độ ThS được xác định rõ ràng, được công khai, cập nhật, được đánh giá khách quan và chính xác.

Tiêu chí và phương pháp của ngành KHDL trình độ ThS luôn được rà soát, góp ý hàng năm nhằm nâng cao số lượng và chất lượng tuyển sinh.

Có quy trình/quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.

Có cơ sở dữ liệu (công cụ) theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học.

Có đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH.

Có Trung tâm TVTS&QHĐN chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho NH.

Tổ chức nhiều hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện khả năng có việc làm của NH.

Có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường.

Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan làm cơ sở để đáp ứng nhu cầu và đầu tư hợp lý phục vụ NH một cách tốt nhất.

3.1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Trường ĐHQN có các phòng chức năng có hệ thống phòng làm việc, phòng học, được trang bị đầy đủ trang thiết bị phù hợp.

Trường ĐHQN luôn đảm bảo diện tích/NH theo quy định để phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của GV, HV ngành KHDL một cách tốt nhất.

Thư viện của Trường ĐHQN có diện tích rộng rãi, thoáng mát, phòng ốc đầy đủ và được trang bị các thiết bị cần thiết phục vụ cho NH; nguồn tài liệu phong phú, được bổ sung, cập nhật hàng năm, có nội dung, quy định, hướng dẫn được trang bị các thiết bị để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường và Khoa T&TK.

Hàng năm, Thư viện cũng tiến hành lấy ý kiến đánh giá của GV, HV và các bên liên quan về mức độ phù hợp của Thư viện nhằm xây dựng dữ liệu theo dõi về hoạt động của Thư viện.

Các phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị hiện đại, đầy đủ, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập của CB và NH. Các phòng này luôn có người phụ trách, quá trình quản lý và đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị được cập nhật hàng năm để hỗ trợ hoạt động giáo dục và nghiên cứu.

Với ngành thạc sỹ KHDL, dưới sự tài trợ của Quỹ VINIF, Nhà Trường đã trang bị một phòng thí nghiệm, thực hành đầy đủ hiện đại đáp ứng nhu cầu học tập và giảng dạy cho ngành KHDL trình độ ThS.

Hệ thống công nghệ thông tin mạnh, ổn định về cơ bản đáp ứng được yêu cầu cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các ngành đào tạo nói chung và ngành KHDL trình độ ThS nói riêng; được hỗ trợ và khắc phục kịp thời khi có sự cố. Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động kiểm kê, định kỳ sửa chữa, bảo dưỡng; đồng thời thường xuyên đầu tư mới, hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin.

Nhà trường đã thực hiện hoạt động thu thập và tổng hợp kết quả về ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin.

Trường ĐHQN ban hành Quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn một cách phù hợp, rõ ràng và đầy đủ.

Nhà trường luôn quan tâm đến các vấn đề sức khỏe, môi trường, và an toàn; đồng thời xử lý kịp thời các tình huống khẩn cấp.

3.1.10. Nâng cao chất lượng

Nhà trường và Khoa đã xây dựng và sử dụng được nhiều hình thức thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan nên việc thu thập thông tin khảo sát liên quan đến ngành KHDL ThS có phần thuận lợi.

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được Nhà trường và Khoa thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế/phát triển CTDH ngành KHDL ThS.

Nhà trường có ban hành văn bản xây dựng, bổ sung quy trình xây dựng, rà soát và phát triển CTĐT, CTDH các ngành thạc sĩ nói chung và ngành KHDL nói riêng; đồng thời, quy trình này cũng đã được rà soát và cải tiến.

Nhà Trường có quy định, thông báo hướng dẫn về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; và có hệ thống đánh giá kết quả hoạt động của NH, đánh giá các phương pháp dạy và học, phương pháp GV đánh giá kết quả học tập của NH trong đảm bảo sự tương thích với CĐR. Từ đó, dưới sự hướng dẫn của Nhà trường, Khoa đã tiến hành triển khai rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá được thể hiện cụ thể trong đề cương các học phần và phù hợp với CĐR được quy định trong từng học phần.

Khoa có phong trào NCKH rất mạnh, huy động được sự tham gia của hầu hết GV trong Khoa và một số HV. Một số kết quả NCKH của GV đều gắn kết chặt chẽ với công việc giảng dạy của Khoa và phục vụ cộng đồng.

Một số kết quả NCKH được áp dụng và chuyển tải thành nội dung, chuyên đề giảng dạy trong CTDH.

Qua một số kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH.

Nhà trường và Khoa có văn bản hướng dẫn thực hiện, thực hiện đánh giá và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại Thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, đặc biệt là phòng máy thực hành KHDL) đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo và nghiên cứu cho GV và HV.

Trường ĐH Quy Nhơn đã ban hành các văn bản quy định về Cơ chế phản hồi các bên liên quan một cách hệ thống.

Cơ chế phản hồi các bên liên quan được Nhà trường đánh giá sau mỗi lần thu thập thông tin. Qua đó, việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ cũng được nâng cao.

Đây cũng là cơ sở giúp Nhà trường cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan, giúp Nhà trường và Khoa làm tốt hơn công tác lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan trong các lần tiếp theo, giúp cho việc nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của NH và các bên liên quan.

3.1.11. Kết quả đầu ra

Tỉ lệ HV thôi học, HV tốt nghiệp của ngành KHDL trình độ ThS được xác lập và giám sát.

Thời gian tốt nghiệp trung bình của HV được Khoa T&TK xác lập và giám sát để có kế hoạch cải tiến chất lượng. Nhà trường và Khoa tạo điều kiện để HV hoàn thành CTĐT đúng tiến độ.

Nhà trường thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ HV tốt nghiệp có việc làm.

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, theo dõi và giám sát.

Nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển KHHCN và hợp tác đối ngoại nhằm khuyến khích và thúc đẩy hoạt động NCKH của NH, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của HV.

Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập và giám sát.

3.2. NHỮNG ĐIỂM TỒN TẠI CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL chưa được truyền thông rộng rãi đến các bên liên quan.

Việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về CDR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL chưa được thực hiện rộng rãi.

Việc lấy ý kiến của một số bên liên quan khi xây dựng và rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL còn chưa được thực hiện đa dạng.

3.2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Việc lấy ý kiến các bên liên quan về bản mô tả CTĐT trình độ ThS ngành KHDL chưa được thực hiện rộng rãi và đa dạng.

Tài liệu tham khảo trong đề cương chi tiết của một số học phần chưa được cập nhật kịp thời.

Việc tiếp cận bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT của các bên liên quan chưa thực sự thuận tiện.

3.2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTDH trình độ ThS ngành KHDL còn chưa được đa dạng.

Mức độ hỗ trợ của phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá ở một số học phần còn chưa thực sự hiệu quả để góp phần đạt được CĐR của CTĐT.

Thời lượng các học phần thực tập trong CTDH được thiết kế chưa nhiều.

3.2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Một số ít viên chức, người học chưa hoàn toàn hiểu rõ toàn bộ nội hàm của triết lí giáo dục.

Các hoạt động liên quan đến thực tập, đồ án còn chưa đa dạng về hình thức, ít phong phú về nội dung.

Thời lượng của các nội dung thực hành ở một số ít học phần còn chưa đáp ứng nhu cầu người học.

Một bộ phận người học có ý thức tự học chưa tốt gây ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động dạy và học.

Cơ sở vật chất còn những hạn chế nhất định, nguồn học liệu trực tuyến vẫn còn chưa hoàn thiện.

3.2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Chưa thực hiện được việc phân tích định lượng đề thi theo các cấp độ dễ, trung bình, khó, quá khó để phân loại và đánh giá kết quả học tập cũng như đánh giá mức độ đạt được CĐR của HV.

Việc phản hồi các yêu cầu phúc khảo kết quả thi của HV đối với các học phần thỉnh giảng còn chưa được thực hiện kịp thời.

Chưa xây dựng các phương pháp phân tích kết quả cuối kỳ cho các học phần để nâng cao độ giá trị trong đánh giá HV.

Trong một số học phần, việc công bố kết quả học tập của HV đôi khi còn chậm.

Các quy định khiếu nại về kết quả học tập vẫn còn chưa được công bố bằng nhiều hình thức khác nhau để giúp NH có thể dễ dàng tiếp cận.

3.2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Việc thu hút nhân lực có trình độ cao phục vụ đào tạo ngành KHDL còn nhiều khó khăn do chính sách đãi ngộ thu hút nhân lực của Nhà trường chưa đủ mạnh.

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV chưa được đo lường, đánh giá và giám sát một cách đầy đủ.

Chính sách đãi ngộ của Nhà trường tuy đã có nhưng vẫn chưa đủ hấp dẫn để có thể thu hút GV có trình độ chuyên môn cao ngành KHDL.

Năng lực đóng góp phục vụ cộng đồng của GV chưa được xác định và đánh giá.

Việc tổng kết, đánh giá hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng cho GV chưa được thực hiện thường xuyên.

Nhà trường đã có kế hoạch triển khai quản trị theo kết quả công việc của GV bằng KPI, nhưng tiến độ còn chậm.

Nhà trường chưa có mức khen thưởng cho những GV có nhiều giờ NCKH vượt định mức chuẩn mà chỉ mới dừng lại ở việc tính giờ chuẩn NCKH hàng năm và bảo lưu số giờ NCKH cho một năm tiếp theo.

Số lượng các công trình mang tính liên ngành với các đơn vị trong và ngoài Trường chưa nhiều.

3.2.7. Đội ngũ nhân viên

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu của đề án vị trí việc làm. Chưa thu hút được nhân sự cho một số.

Chưa có tiêu chí cụ thể về việc điều chuyển nhân viên. vị trí việc làm chuyên biệt (như thư Các tiêu chí đánh giá năng lực của nhân viên chưa thật cụ thể. Chưa sử dụng kết quả khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan đối với việc phục vụ của đội ngũ nhân viên để đánh giá năng lực của nhân viên. viên viên, kỹ thuật phần mềm, ...).

Công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và ngoại ngữ cho đội ngũ nhân viên chưa được Nhà trường thực hiện thường xuyên, liên tục.

Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên chưa dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với từng vị trí việc làm nên việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên chưa thực sự hiệu quả. Nhà trường đã có kế hoạch triển khai quản trị kết quả công việc của nhân viên bằng KPIs, nhưng tiến độ thực hiện còn chậm.

3.2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh ThS ngành KHDL chưa được lan tỏa rộng rãi đến NH có nhu cầu.

Việc lấy ý kiến các bên liên quan trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH chưa được thực hiện rộng rãi.

Khoa T&TK chưa thực hiện việc phân công viên chức chuyên trách giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập cho HV ngành KHDL.

Việc lấy ý kiến phản hồi, đánh giá của NH về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập chưa được thực hiện rộng rãi.

Nhà trường chưa bố trí nơi ở tập trung riêng trong KTX cho HV SDH.

3.2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mặc dù các thiết bị tại các phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng được trang bị đầy đủ, tuy nhiên vẫn còn nhiều thiết bị hoạt động không hiệu quả.

Có sự hợp tác liên kết với các thư viện khác, nhưng chưa nhiều.

Học viên, cán bộ chưa được cung cấp các tài khoản để truy cập các nguồn tài liệu liên kết.

Công tác bảo dưỡng, bảo trì trang thiết bị được Nhà trường quan tâm và thực hiện, tuy nhiên ở một số thời điểm chưa được kịp thời.

Toàn Trường đã được phủ sóng wifi, tuy nhiên chất lượng wifi ở một số khu vực trong trường và trong một số thời điểm còn chưa tốt.

Hệ thống máy tính còn cũ kỹ, các phần mềm, dữ liệu hỗ trợ việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu cho sinh viên, và giáo viên chưa được cập nhật và đổi mới.

Một số công trình trong trường chưa đáp ứng các yêu cầu an toàn và nhu cầu sinh hoạt của người khuyết tật.

Việc tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với tai nạn lao động, phòng cháy chữa cháy, ngộ độc thực phẩm cho đội phòng chống cháy nổ thường xuyên được thực hiện, tuy nhiên Nhà trường vẫn chưa được triển khai đối với toàn thể viên chức.

3.2.10. Nâng cao chất lượng

Ngành KHDL trình độ ThS là ngành đào tạo mới của Khoa (từ 2019) nên số lượng các khóa và số lượng HV còn ít, số HV tốt nghiệp còn ít, số lượng nhà tuyển dụng biết đến ngành KHDL ThS của Trường chưa rộng rãi, dẫn đến mẫu lấy ý kiến có số lượng thấp. Điều này phần nào làm cho kết quả khảo sát chưa có sức thuyết phục cao.

Quá trình khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế, phát triển CTDH chưa được đa dạng về đối tượng khảo sát.

Số lượng ý kiến phản hồi của HV không nhiều dẫn đến việc sử dụng ý kiến của HV để cải tiến, rà soát phương pháp giảng dạy, đánh giá của GV chưa mang lại hiệu quả cao.

Mặc dù các NCKH của GV nhiều nhưng mới chỉ dừng lại ở phục vụ cho đào tạo, số công trình NCKH có kết quả được sử dụng, hoặc có kết quả về cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của người học còn ít do ngành KHDL ThS mới thực hiện được 3 năm.

Việc sửa chữa các thiết bị trong phòng học (như quạt, điều hòa, máy chiếu) đôi lúc chưa kịp thời. Một số vật dụng vẫn còn dùng phiên bản cũ (máy chiếu công VAG, ...). Việc cấp thẻ thư viện cho HV còn chậm.

Việc lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan để cải tiến cơ chế phản hồi chưa được triển khai rộng rãi.

3.2.11. Kết quả đầu ra

Chưa thực hiện việc đối sánh tỉ lệ HV ngành KHDL trình độ ThS tốt nghiệp, thôi học với các trường đại học khác trong nước.

Chưa thực hiện việc đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình với các trường đại học khác trong nước.

Chưa thực hiện việc đối sánh tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp với các cơ sở đào tạo khác trong nước do khó khăn trong việc thu thập dữ liệu.

Khoa vẫn chưa thực hiện được việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa ngành KHDL của Trường với ngành KHDL của các cơ sở đào tạo khác do khó khăn trong thu thập dữ liệu.

Việc thực hiện đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với NH chưa được thực hiện rộng rãi để Trường và Khoa có thêm cơ sở cải tiến chất lượng.

3.3. KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Để khắc phục các tồn tại trên, Khoa T&TK và Trường ĐHQN lên kế hoạch cải tiến CTĐT ngành KHDL trình độ ThS bắt đầu từ năm học 2023- 2024 như sau:

3.3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Khắc phục tồn tại

Truyền thông rộng rãi hơn đến các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL.

Trong quá trình rà soát, cải tiến CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL, thực hiện việc lấy ý kiến góp ý rộng rãi hơn đến các bên liên quan.

Mở rộng đối tượng lấy ý kiến khi rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL, chú trọng lấy ý kiến các nhà sử dụng lao động và các tổ chức xã hội – nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định và một số tỉnh lân cận.

Phát huy điểm mạnh

Tiếp tục định kỳ rà soát, cải tiến mục tiêu của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL để đảm bảo sự phù hợp của mục tiêu CTĐT với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHQN và với mục tiêu của Luật GDĐH hiện hành.

Trong quá trình rà soát, cải tiến CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL, tiếp tục xác định CĐR một cách rõ ràng, thể hiện đầy đủ cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà HV cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

Tiếp tục thực hiện tốt việc định kỳ rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT theo kế hoạch của Nhà trường.

Định kỳ tổ chức hội nghị và khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để thực hiện rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT một cách phù hợp. Đồng thời, tiếp tục thực hiện cập nhật những thay đổi, bổ sung của CĐR của CTĐT trên các kênh thông tin của Trường và Khoa một cách đều đặn, thường xuyên và rộng rãi.

Thực hiện việc thông tin rộng rãi CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHDL trên các kênh thông tin của Trường và của Khoa.

3.3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Khắc phục tồn tại

Trong quá trình rà soát, điều chỉnh bản mô tả CTĐT, thực hiện việc lấy ý kiến các bên liên quan rộng rãi và đa dạng hơn.

Rà soát và cập nhật các tài liệu tham khảo trong đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT.

Cải tiến phương thức công khai CTĐT trên các kênh thông tin của Trường và của Khoa để các bên liên quan có thể tiếp cận một cách thuận tiện nhất.

Phát huy điểm mạnh

Tiếp tục mô tả rõ ràng các nội dung liên quan đến CTĐT.

Tiếp tục cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan đến ngành KHDL vào bản mô tả CTĐT.

Tiếp tục rà soát, cập nhật, đánh giá định kỳ đề cương các học phần một cách bài bản để đáp ứng hơn nữa nhu cầu cập nhật của xã hội.

Tiếp tục công khai bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT qua các kênh thông tin khác nhau của Trường và của Khoa để các cơ quan quản lý, các nhà sử dụng lao động, GV, HV, cựu HV đều có thể tiếp cận được.

3.3.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học***Khắc phục tồn tại***

Trong quá trình rà soát CTDH, mở rộng đối tượng lấy ý kiến.

Mức độ hỗ trợ của phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá ở một số học phần còn chưa thực sự hiệu quả để góp phần đạt được CDR của CTĐT.

Tăng thời lượng các học phần thực tập trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH ngành KHDL.

Phát huy điểm mạnh

Tiếp tục thực hiện tốt việc định kỳ rà soát, điều chỉnh CDR của CTDH theo kế hoạch của Nhà trường.

Định kỳ tổ chức hội nghị và khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để thực hiện rà soát, điều chỉnh CDR của CTDH một cách phù hợp. Đồng thời, tiếp tục thực hiện cập nhật những thay đổi, bổ sung của CDR của CTDH trên các kênh thông tin của Trường và Khoa một cách đều đặn, thường xuyên và rộng rãi.

Cải tiến phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá của các học phần, đảm bảo việc đạt được CDR.

Tiếp tục thực hiện tốt việc định kỳ rà soát, cập nhật, điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần, CDR học phần theo kế hoạch của Nhà trường. Định kỳ tổ chức hội nghị

và khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để thực hiện rà soát, điều chỉnh CDR học phần phù hợp.

Tiếp tục cập nhật các CTĐT, CTDH tiên tiến của các trường đại học trong và ngoài nước.

3.3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Khắc phục tồn tại

Phối hợp cùng với các đơn vị chức năng đề xuất Nhà trường có kế hoạch đẩy mạnh hơn nữa việc quảng bá, phổ biến văn bản triết lý giáo dục, chú trọng việc diễn giải, thuyết minh đầy đủ nội hàm của chúng.

Phối hợp với các đơn vị liên quan mở rộng tìm kiếm đối tác, doanh nghiệp sử dụng lao động liên quan ngành học nhằm đa dạng hoá các loại hình thực tập, đồ án.

Điều chỉnh thời lượng các giờ thực hành ở học phần liên quan, đề xuất nhà trường có kế hoạch rà soát cơ sở vật chất phục vụ thực hành, thực nghiệm.

Nâng cao tinh thần, ý thức tự học của HV thông qua các hoạt động dạy học được thiết kế phù hợp, có kết hợp hướng dẫn viết bài luận, thực hành và thuyết trình nhóm.

Đề nghị Nhà trường có kế hoạch rà soát cơ sở vật chất, xây dựng hoàn thiện nguồn học liệu E-learning liên quan.

Phát huy điểm mạnh

Đội ngũ GV của Khoa tiếp tục tích cực, chủ động cập nhật, trau dồi năng lực chuyên môn, đổi mới phương pháp giảng dạy đáp ứng mục tiêu của triết lý giáo dục chung.

Khoa tiến hành rà soát, cập nhật trên cơ sở đối sánh các chương trình đào tạo tương đương nhằm có lộ trình cải tiến, đổi mới công tác dạy và học ngày càng phù hợp hơn.

Tiếp tục cập nhật đề cương chi tiết theo hướng đẩy mạnh hoạt động tự học, tự nghiên cứu của người học.

3.3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Khắc phục tồn tại

Thực hiện việc phân tích định lượng đề thi các học phần theo cấp độ dễ, trung bình, khó, quá khó và tổ chức thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi của HV.

Trao đổi cụ thể hơn với các công ty tiếp nhận thực tập để xây dựng hướng dẫn đánh giá kết quả NH khi thực tập tại các công ty.

Đôn đốc GV chấm bài thi và nộp điểm thi đúng thời gian quy định. Đồng thời, Nhà trường cần xử lý nghiêm các trường hợp GV chưa thực hiện đúng quy định về kiểm tra, đánh giá HV.

Bổ sung thêm các hình thức công khai quy định khiếu nại về kết quả học tập như: công bố trên Website, sổ tay HV. Phòng Đào tạo SDH và Khoa T&TK cần nhắc nhở HV chú ý về thời gian khiếu nại sau khi có kết quả thi.

Phát huy điểm mạnh

Tiếp tục hoàn thiện, cập nhật các quy định để nâng cao tính minh bạch, gọn nhẹ trong thực hiện quy trình đánh giá kết quả học tập của NH nhằm đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu và CDR của CTĐT.

Có kế hoạch tổng kết các phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH để phát huy các tổ hợp đánh giá hiệu quả nhất cho Trường.

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các văn bản, quy định phù hợp với thực tiễn để vận dụng cho việc đánh giá kết quả học tập của NH.

Tiếp tục đa dạng hơn các hình thức phổ biến công khai tới NH để giúp tất cả NH hiểu và phản ánh kịp thời khi có nhu cầu.

Tiếp tục duy trì phổ biến người học về đánh giá học phần, nhất là khi có cập nhật, bổ sung chương trình đào tạo.

Định kỳ tổ chức tổng kết về hiệu quả trong thực hiện đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần của CTĐT.

Tiếp tục định kỳ tổ chức họp tổng kết công tác tổ chức thi kết thúc học phần, tổng hợp ý kiến phản hồi của GV, HV về CTĐT và hoạt động giảng dạy của GV để nâng cao hơn nữa về đảm bảo độ tin cậy, khách quan trong đánh giá NH.

Tiếp tục thực hiện việc công bố công khai và rộng rãi các quy định về đánh giá kết quả học tập cho GV và HV.

Thực hiện việc nâng cấp phần mềm quản lý.

Tiếp tục thực hiện việc tiếp nhận các đơn khiếu nại của HV và phân công người giải quyết.

GV cần tiếp tục thực hiện nghiêm túc quy trình kiểm tra đánh giá để hạn chế các trường hợp phải phúc khảo.

3.3.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Khắc phục tồn tại

Xây dựng và ban hành chính sách đãi ngộ hợp lý, hấp dẫn nhằm thu hút được nhân lực có trình độ cao phục vụ đào tạo ngành KHDL.

Nhà trường ban hành các quy định hướng dẫn đo lường và đánh giá các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV.

Lập bảng thống kê các hoạt động phục vụ cộng đồng hàng năm của GV. Trên cơ sở đó, tổ chức đánh giá mức độ thực hiện các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV.

Rà soát, bổ sung các chính sách đãi ngộ nhằm thu hút/tuyển dụng các GV có trình độ chuyên môn cao về Trường công tác.

Triển khai định kỳ hàng năm việc tổng kết, đánh giá hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho GV.

Triển khai thực hiện nhanh hơn các kế hoạch quản trị theo kết quả công việc của GV bằng KPI trong thời gian tới.

Nghiên cứu đưa ra quy định định lượng mức khen thưởng cho những GV có nhiều giờ NCKH vượt định mức chuẩn.

Cân đối nguồn tài chính để có thể tăng dần mức thưởng công trình được công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín nhằm tạo động lực lớn cho GV tham gia NCKH ở trình độ quốc tế.

Tiếp tục tạo điều kiện tốt nhất cho GV NCKH; đề nghị khen thưởng xứng đáng với GV thành tích NCKH xuất sắc.

Tiếp tục xây dựng các nhóm NCKH trong GV, đặc biệt là các nhóm NCKH mang tính liên ngành.

Phát huy điểm mạnh

Tiếp tục thực hiện tốt việc phân tích nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng của đội ngũ GV; Có kế hoạch và kinh phí phát triển đội ngũ GV; Có các chính sách tốt về công tác nhân sự.

Cập nhật/chỉnh sửa quy định về khối lượng công việc và cơ chế giám sát đối với hoạt động đào tạo, NCKH của đội ngũ GV phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường.

Tiếp tục hoàn thiện văn bản quy định về việc tuyển dụng, phát triển đội ngũ GV và các văn bản này được công khai trên website của Nhà trường.

Tiếp tục lập báo cáo tổng kết đánh giá hàng năm về việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV.

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chính sách khen thưởng kịp thời, đúng đối tượng, khách quan và công bằng, có hình thức khen thưởng xứng đáng với các danh hiệu.

Tiếp tục rà soát, đề xuất điều chỉnh chính sách khen thưởng, đãi ngộ nhằm khuyến khích GV nỗ lực NCKH.

3.3.7. Đội ngũ nhân viên

Khắc phục tồn tại

Tiếp tục rà soát đề án vị trí việc làm và thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm và trên cơ sở đó thực hiện công tác quy hoạch, bố trí đội ngũ nhân viên hỗ trợ một cách hợp lý hơn.

Rà soát và bổ sung các tiêu chí cụ thể về việc điều chuyển nhân viên; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc cụ thể của từng vị trí việc làm để từ đó có chính sách tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ nhân viên một cách hiệu quả.

Thường xuyên rà soát, điều chỉnh bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên một cách chính xác hơn, hợp lý hơn, phù hợp với từng đối tượng, đồng thời

có tác dụng động viên, khuyến khích đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ nhân viên nhằm phục vụ tốt nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng trong bối cảnh hiện nay.

Nhanh chóng hoàn thiện quy trình đánh giá kết quả công việc của nhân viên bằng KPIs để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên khoa học và hiệu quả hơn.

Phát huy điểm mạnh

Tiếp tục hoàn thiện và có các chính sách đãi ngộ, khen thưởng và bồi dưỡng chuyên môn phù hợp và xứng đáng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

Thường xuyên lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên để luôn đảm bảo phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ phục vụ cho công việc.

Tiếp tục công khai, minh bạch các văn quy định mới cũng như các kế hoạch, thông báo, kết quả và quyết định tuyển dụng đến các đối tượng liên quan.

Tiếp tục rà soát, đề xuất hoàn thiện các chính sách quản lý nguồn nhân lực để phát triển đội ngũ nhân viên một cách toàn diện.

Tiếp tục thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với đội ngũ nhân viên của từng đơn vị.

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chính sách khen thưởng kịp thời, đúng đối tượng, khách quan và công bằng, có hình thức khen thưởng xứng đáng với các danh hiệu.

3.3.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Khắc phục tồn tại

Công bố công khai, chi tiết chính sách tuyển sinh ThS ngành Khoa học dữ liệu hàng năm qua nhiều kênh thông tin khác nhau.

Chủ động kết nối với doanh nghiệp, đặt hàng đào tạo cho các doanh nghiệp có nhu cầu về sử dụng nhân lực ngành KHDL.

Trong quá trình xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH thực hiện việc lấy ý kiến rộng rãi đến các bên liên quan.

Hàng năm, cử viên chức chuyên trách giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập cho HV ngành KHDL

Thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi, đánh giá của NH về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập chưa được thực hiện rộng rãi hơn.

Sắp xếp, bố trí nơi ở riêng trong KTX nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho HV cao học. Lên kế hoạch xây dựng các khu nghiên cứu phục vụ HV cao học.

Phát huy điểm mạnh

Tiếp tục thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan trong Trường như Khoa, Phòng Đào tạo SDH cũng như Ban giám hiệu Nhà trường về chính sách tuyển sinh hàng năm. Tiếp tục cải tiến chính sách và quy định tuyển sinh (đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên, ...) được công bố công khai trên website, niêm yết tại bảng tin Trường.

Tiếp tục cải tiến Chính sách tuyển sinh có sự góp ý của các bên liên quan và phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực; được cập nhật hằng năm.

Mở rộng thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan như HV, doanh nghiệp, các công ty phần mềm FPT, TMA, ... nhằm hoàn thiện tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Thực hiện rà soát, góp ý hàng năm đối với các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH của ngành KHDL trình độ ThS.

Tiếp tục cải tiến quy trình/quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.

Thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học.

Tiếp tục tổ chức các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH.

Tiếp tục tổ chức các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện khả năng có việc làm của NH.

Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định, nội quy trong Nhà trường. Tiếp tục thực hiện các biện pháp đẩy mạnh xây dựng môi trường học tập, làm việc an toàn, thân thiện.

Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan làm cơ sở để đáp ứng nhu cầu và đầu tư hợp lý phục vụ NH một cách tốt nhất.

3.3.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Khắc phục tồn tại

Nhà trường cần có kế hoạch cụ thể để kịp thời thay thế hay sửa chữa các trang thiết bị hoạt động không hiệu quả, bị hỏng hóc, đảm bảo quá trình làm việc, học tập của GV và HV.

Cần có sự phối hợp, liên hệ, ký kết hợp tác với các thư viện khác một cách đa dạng nhằm bổ sung hệ thống tài liệu. Xây dựng và triển khai kế hoạch mua sắm nguồn tài liệu, học liệu nước ngoài bổ sung hằng năm.

Cần Tăng cường công tác bảo trì-bảo dưỡng, kịp thời phát hiện và sửa chữa các trang thiết bị bị hỏng. cung cấp các tài khoản cho NH và CB để truy cập các nguồn tài liệu liên kết.

Nâng cấp chất lượng truy cập wifi ở một số khu vực còn yếu.

Nâng cấp hệ thống máy tính, phần mềm và dữ liệu hỗ trợ người học và giáo viên giảng dạy.

Xây dựng và triển khai kế hoạch tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ, phòng cháy chữa cháy, ngộ độc thực phẩm cho viên chức toàn Trường hằng năm.

Cần xây dựng và nâng cấp các công trình chưa đáp ứng các yêu cầu an toàn và nhu cầu của người khuyết tật.

Phát huy điểm mạnh

Tăng cường kinh phí để đầu tư cho trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH.

Tiếp tục thực hiện thống kê diện tích phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng... để đảm bảo yêu cầu của Bộ GD & ĐT cũng như nhu cầu trong thực tế.

Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định, nội quy trong Thư viện. Xây dựng văn hóa Thư viện nhằm nâng cao hình ảnh thư viện.

Tập huấn cho NH sử dụng các phần mềm, nguồn học liệu của Thư viện.

Duy trì công tác đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất, bao gồm các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thực hành.

Tăng cường đầu tư các phòng thí nghiệm, thực hành hiện đại, đầy đủ đáp ứng nhu cầu cho từng ngành học.

Tiếp tục thực hiện các hoạt động kiểm kê, định kỳ sửa chữa, bảo dưỡng, đồng thời chú trọng hoạt động đầu tư mới hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin.

Tiếp tục thực hiện hoạt động thu thập và tổng hợp kết quả về ý kiến phản hồi của NH và Xây dựng và triển khai kế hoạch giám sát, đánh giá việc thực hiện các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn. các bên liên quan.

Xây dựng và triển khai kế hoạch giám sát, đánh giá việc thực hiện các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn.

3.3.10. Nâng cao chất lượng

Khắc phục tồn tại

Định kỳ thực hiện thu thập thêm thông tin phản hồi và nhu cầu các bên liên quan khác như các cơ quan ban hành chính sách ở địa phương và trung ương, giúp cho Khoa thiết kế và phát triển CTDH phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn.

Định kỳ thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi rộng rãi các bên liên quan về quy trình thiết kế, phát triển CTDH.

Hiện nay, Phòng Đào tạo Sau đại học đã triển khai lấy ý kiến phản hồi của HV qua hệ thống online, tuy nhiên, cần triển khai lấy ý kiến phản hồi của HV về hoạt động dạy và học qua nhiều kênh hơn, đa dạng hơn và có hệ thống hơn

Chú trọng thực hiện các nghiên cứu liên quan đến phục vụ cải tiến chất lượng giảng dạy và học tập ngành KHDL ThS.

Mở rộng sự hợp tác với nhiều hơn nữa các đơn vị đối tác nhằm tận dụng sự góp ý.

Năng cấp phòng lab KHDL đáp ứng nhu cầu thực hành của HV; duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên cơ sở vật chất đáp ứng các nhu cầu để nâng cao CLĐT.

Định kỳ tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về cơ chế phản hồi một cách rộng rãi để không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Phát huy điểm mạnh

Định kỳ thu thập đa dạng nguồn thông tin phản hồi và nhu cầu các bên liên quan. Đồng thời, tiếp tục sử dụng những thông tin này để thiết kế và phát triển CTDH phù hợp hơn.

Định kỳ thực hiện việc rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

Thường xuyên rà soát, cải tiến phương pháp giảng dạy, đánh giá. Thường xuyên cập nhật phương pháp giảng dạy, đánh giá trong đề cương các học phần đảm bảo phù hợp với CĐR.

Tăng cường thực hiện đề tài NCKH các cấp, duy trì số lượng và chất lượng bài báo khoa học trên các tạp chí uy tín.

Tập trung phát triển một số bài giảng thành giáo trình để phục vụ nhu cầu của NH. Đặc biệt, tiến hành chọn lọc và biên dịch tài liệu nước ngoài sang tiếng Việt nhằm tăng thêm nguồn học liệu cho NH.

Tiếp tục nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích như: Phát triển thư viện điện tử để HV và GV có thể tiếp cận nguồn tài liệu nước ngoài, có hệ thống e-learning giúp người học có thể học tập mọi lúc, mọi nơi.

Tiếp tục thực hiện tốt hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Tiếp tục cải tiến CTĐT và các dịch vụ tiện ích đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của NH và xã hội.

3.3.11. Kết quả đầu ra

Khắc phục tồn tại

Thực hiện việc đối sánh tỉ lệ HV tốt nghiệp, thôi học với các trường đại học khác trong nước.

Thực hiện việc đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình với các trường đại học khác trong nước.

Thực hiện việc đối sánh tỉ lệ HV có việc làm với các cơ sở đào tạo khác.

Khảo sát để thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa ngành KHDL của Trường với ngành KHDL của các cơ sở đào tạo khác.

Trường và Khoa sẽ mở rộng đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan của CTĐT ThS ngành KHDL với các ngành khác trong trường và các đơn vị bên ngoài Trường.

Phát huy điểm mạnh

Tiếp tục thực hiện việc xác lập và giám sát tỉ lệ HV thôi học và tốt nghiệp hằng năm.

Tiếp tục đôn đốc, nhắc nhở HV chủ động hoàn thành kế hoạch đào tạo, đảm bảo tốt nghiệp đúng tiến độ.

Tiếp tục kết nối chặt chẽ với các tập đoàn, công ty, doanh nghiệp, giới thiệu cơ hội việc làm cho HV.

Tiếp tục thực hiện thống kê các loại hình NCKH của HV.

Đưa Chiến lược phát triển KHCV và hợp tác đối ngoại vào thực tế đào tạo.

Tiếp tục thực hiện khảo sát, lấy ý kiến phản hồi để đánh giá sự hài lòng của các nhà tuyển dụng.

3.4. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ vào bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH (Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT), tổng hợp kết quả đánh giá của 11 tiêu chuẩn gồm 50 tiêu chí,

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành KHDL trình độ ThS nhận thấy cả 50 tiêu chí đều đạt. Kết quả cụ thể của từng tiêu chuẩn và tiêu chí như sau:

Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT ngành KHDL

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Quy Nhơn

Mã: DQN

Tên CTĐT: Khoa học dữ liệu

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Mã CTĐT: 8460108

Bảng 4.1: Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT ngành KHDL trình độ ThS

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								5,00	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								5,00	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								4,67	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								4,33	3	100
Tiêu chí 4.1					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 4.2				4				4,80	5	100
Tiêu chí 4.3				4						
Tiêu chuẩn 5								4,80	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6										
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7								4,60	5	100
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 8</i>								4,80	5	100
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 9</i>								4,60	3	100
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 10</i>								4,83	6	100
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
<i>Tiêu chuẩn 11</i>								5,00	6	100
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT										

Bình Định, ngày 15 tháng 05 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

PHẦN IV. PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CTĐT

(Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 15/5/2023)

- I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục
1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
Tiếng Anh: QUY NHON UNIVERSITY
 2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
Tiếng Việt: ĐHQN
Tiếng Anh: QNU
 3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn
 4. Cơ quan quản lý trực tiếp: BỘ GD&ĐT
 5. Địa chỉ: 170 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
 6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 0256 3846156 Số fax: 0256 3846089
E-mail: dqn@moet.edu.vn Website: www.qnu.edu.vn
 7. Năm thành lập CSGD (theo quyết định thành lập): 21/12/1977 (Quyết định số 1842/QĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục)
 8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1978
 9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1982
 10. Loại hình CSGD:
Công lập Bán công Dân lập Tư thực
- II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện CTĐT
12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
Tiếng Việt: KHOA TOÁN VÀ THỐNG KÊ
Tiếng Anh: DEPARTMENT OF MATHEMATICS AND STATISTICS
 13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
Tiếng Việt: Khoa Toán & TK
Tiếng Anh: MQNU
 14. Tên trước đây (nếu có): Khoa Toán
 15. Mã CTĐT: 8460108
 16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Khoa học dữ liệu ứng dụng
 17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: P10.3, 10.4, Tầng 10 - Nhà 15 tầng, 170 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
 18. Số điện thoại liên hệ: 0256 3847569 Số fax:
E-mail: kt@qnu.edu.vn Website: https://math.qnu.edu.vn/khoa-toan
 19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1977
 20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1978
 21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 1982
- III. Giới thiệu khái quát về Khoa Toán và Thống kê
22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT

Năm 1977, Trường ĐHSP Quy Nhơn chính thức được thành lập, có nhiệm vụ đào tạo giáo viên THPT đang trong tình trạng thiếu hụt trầm trọng ở khu vực Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên nói riêng và cả nước nói chung. Khoa Toán là một trong 5 khoa được thành lập đầu tiên của Trường, có nhiệm vụ đào tạo giáo viên ngành Sư phạm Toán học cho khu vực Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên.

Mặc dù đã có quyết định thành lập từ năm 1977 nhưng cho đến năm 1978 Trường mới chính thức tiếp nhận cơ sở từ Trường CĐSP Quy Nhơn cũng vừa mới thành lập từ sau ngày giải phóng. Lúc đó lực lượng giảng viên và cán bộ quản lý khoa mới chính thức được hình thành với 10 cán bộ giảng dạy bao gồm các GV được biệt phái từ các trường ĐHSP phía Bắc, trường CĐSP Quy Nhơn chuyển sang và một số sinh viên mới tốt nghiệp đại học từ các trường đại học phía Bắc.

Trong 45 năm, Khoa Toán đã hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo bậc đại học ngành Sư phạm Toán học hệ chính quy và hệ vừa học vừa làm. Từ 1999-2009, ngành cử nhân Toán học cũng được mở đào tạo và hiện nay tạm dừng. Hơn nữa, từ 1992 – 1999, Khoa liên kết với Khoa Toán – Cơ – Tin học của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Hà Nội mở đào tạo cử nhân Toán – Tin, đồng thời cử cán bộ đi đào tạo và nghiên cứu về ngành Tin học và đến 1999, Khoa Tin học được Thành lập.

Năm 1992, Khoa liên kết với Khoa Toán – Cơ – Tin học Hà Nội mở đào tạo thạc sĩ ngành Phương pháp toán sơ cấp. Tiếp theo, từ năm 2000, Khoa mở đào tạo tiếp tục 2 ngành thạc sĩ: Toán giải tích, Đại số và lý thuyết số. Đặc biệt, từ năm 2013, Khoa mở đào tạo hai ngành tiến sĩ: Toán giải tích; Đại số và lý thuyết số.

Năm 2017, Khoa Toán đã mở ngành đào tạo Toán ứng dụng với chuyên ngành Khoa học dữ liệu và tuyển sinh khoá đầu tiên vào năm 2019.

Năm 2019, cùng với Khoa Công nghệ thông tin và Khoa Kỹ thuật và Công nghệ, Khoa mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Khoa học dữ liệu với chuyên ngành Khoa học dữ liệu ứng dụng, bắt đầu đào tạo khoá đầu tiên từ năm 2020, với sự tài trợ của Quỹ Đổi mới sáng tạo Vingroup (VinIF).

Cũng trong năm 2019, chương trình đào tạo ngành sư phạm Toán học được đánh giá ngoài và đạt được chứng nhận kiểm định chất lượng cấp chương trình đào tạo vào đầu năm 2020. Dù có những khó khăn trong giai đoạn đầu tiên đào tạo ngành Toán ứng dụng và ngành Khoa học dữ liệu, nhưng với tinh thần không ngại khó, và với sự hỗ trợ, tư vấn hết mình của cộng đồng các anh chị cựu sinh viên, giảng viên của Khoa, cùng với thời cơ lớn khi các công ty công nghệ phần mềm hàng đầu cả nước: FPT Software và TMA Solutions đã về mở chi nhánh tại Quy Nhơn, phát triển các mảng công nghệ AI và Data Science, Khoa Toán và Thống kê đã hợp tác rất chặt chẽ với các công ty công nghệ nói trên trên địa bàn thành phố Quy Nhơn, lại trở thành địa chỉ cung ứng nguồn lực chất lượng và uy tín cho cả hai công ty khi những kỹ sư AI và Data "thế hệ đầu" của họ ở Quy Nhơn đều là các sinh viên khoa Toán.

Tháng 6/2019, Nhà Trường xây dựng và triển khai đề án tái cấu trúc các khoa, phòng ban của Trường, trước cơ hội phân đấu để được Bộ Giáo dục và Đào tạo chọn đầu tư thành một trong 3 khoa Toán trọng điểm của cả nước, Khoa Toán đổi tên thành Khoa Toán và Thống kê, mở ra một trang sử mới của Khoa.

Năm 2020, Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2021-2030 đã chính thức quyết định đầu tư Khoa Toán và Thống kê chúng ta trở thành một

trong ba khoa Toán mạnh trong cả nước, là đầu tàu phát triển Toán học khu vực miền Trung – Tây Nguyên, hỗ trợ có hiệu quả các hoạt động của Chương trình Toán ở khu vực miền Trung – Tây Nguyên.

Trong 45 năm đào tạo, Khoa đã cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao lĩnh vực Toán và Thống kê cho các tỉnh khu vực Miền Trung – Tây Nguyên và cả nước, đặc biệt là giáo viên và giảng viên Toán cho các bậc phổ thông, cao đẳng, đại học và viện nghiên cứu.

Hiện nay 100% giảng viên của Khoa Toán và Thống kê đạt trình độ tiến sĩ, trong đó có 04 PGS.TS và 01 PGS.TSKH. Ngoài ra một số Thầy Cô có trình độ ThS, TS, PGS và 01 GS đã chuyển đến công tác tại một số khoa khác trong Trường và chuyển đến các trường đại học khác.

Số lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín, các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Nafosted tăng lên mỗi năm. Hằng năm đều có cán bộ của Khoa hợp tác làm việc tại Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán và các trung tâm/viện nghiên cứu Toán ở nước ngoài.

Các danh hiệu thi đua và khen thưởng chính của Khoa Toán và Thống kê:

Huân Chương Lao động hạng Ba;

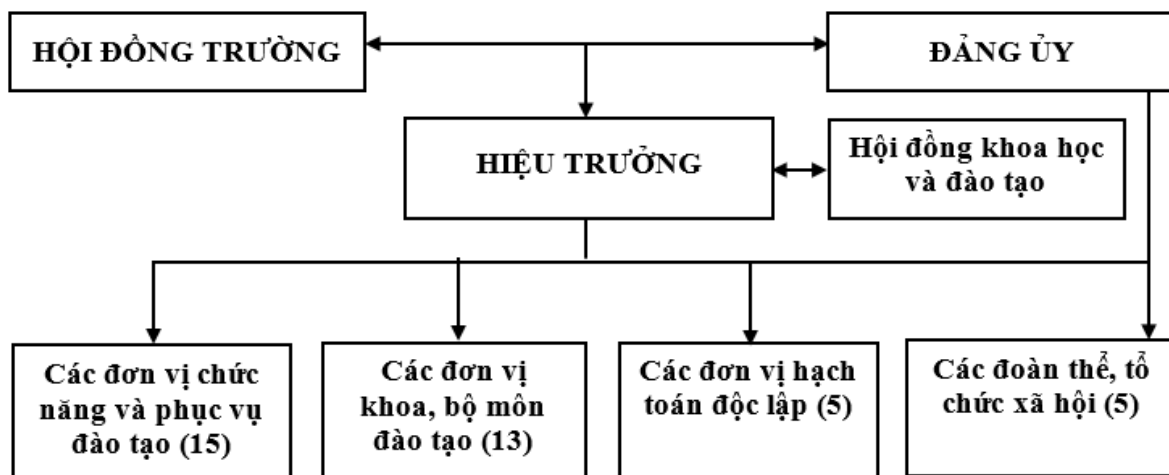
Danh hiệu Tập thể điển hình tiên tiến giai đoạn 2010 – 2015;

- Hằng năm Khoa Toán&TK đều đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến và Tập thể Lao động xuất sắc;

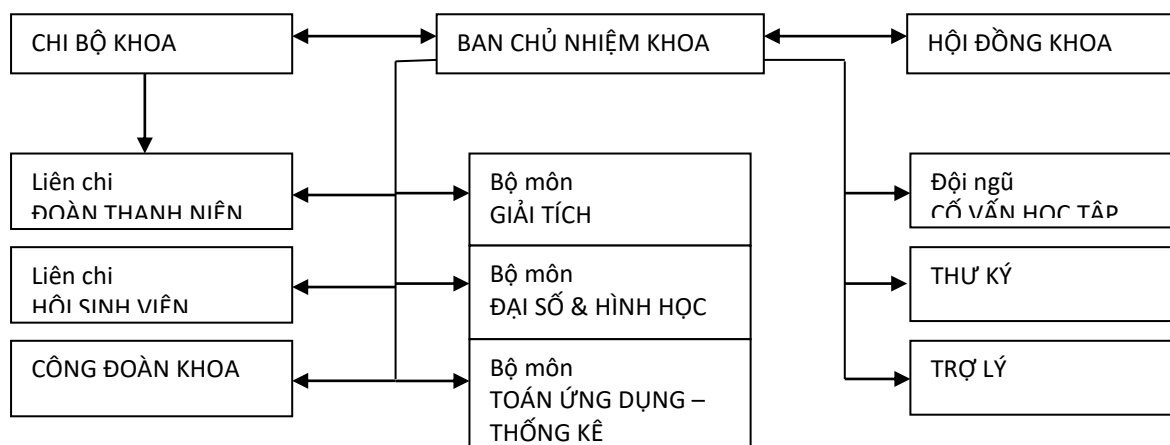
- Nhiều bằng của các cá nhân Khoa Toán&TK các cấp: Nhà nước (các danh hiệu Nhà giáo ưu tú, ...), Tỉnh (Công dân tiêu biểu, ...).

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường ĐHQN



Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Khoa Toán và Thống kê



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học hàm, Học vị, chức danh	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo CSGD						
1	Ban giám hiệu	Đỗ Ngọc Mỹ	1963	PGS. TS, Hiệu trưởng	0913422517	dnmy@qnu.edu.vn
2	Ban giám hiệu	Nguyễn Đình Hiền	1963	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	0903599502	nguyendinhkien@qnu.edu.vn
3	Ban giám hiệu	Đình Anh Tuấn	1966	TS, Phó Hiệu trưởng	0914046673	Dinhanhtuan@qnu.edu.vn
4	Ban giám hiệu	Đoàn Đức Tùng	1975	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	0905799386	doanductung@qnu.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I. Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị						
1	Trưởng khoa	Lê Công Trình	1980	PGS.TS	0914276236	lecongtrinh@qnu.edu.vn
2	Phó Trưởng khoa	Lê Quang Thuận	1980	TS	0976779133	lequangthuan@qnu.edu.vn

3	Phó Trưởng khoa	Lê Thanh Hiếu	1982	TS	0905340709	Lethanhhie @qnu.edu.vn
II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
1	Chi bộ	Lê Công Trình	1980	PGS.TS, Bí thư	0914276236	Lecongtrinh @qnu.edu.vn
2	Công đoàn	Nguyễn Văn Thành	1990	TS, Chủ tịch	0946968241	Nguyenvanthanh @qnu.edu.vn
3	Liên Chi đoàn	Nguyễn Văn Vũ	1989	TS, Bí thư	0385474095	nguyenvanvu @qnu.edu.vn
4	Hội sinh viên	Hoàng Văn Đức	1987	TS, Chủ tịch	0978644263	Hoangvanduc @qnu.edu.vn
III. Các phòng, viện, trung tâm						
1	Phòng Đào tạo đại học	Lê Xuân Vinh	1967	TS, Trưởng phòng	0914031785	Lexuanvinh @qnu.edu.vn
2	Phòng Khảo thí và BĐCL	Nguyễn Hữu Tiến	1962	ThS, Trưởng phòng	0914060611	nguyenhuutien @qnu.edu.vn

3	Phòng KHCN và Hợp tác quốc tế	Nguyễn Tiến Trung	1979	PGS.TS, Trưởng phòng	0904044157	Nguyentientrung@qnu.edu.vn
4	Phòng Công tác chính trị và sinh viên	Cao Kỳ Nam	1986	ThS, Trưởng phòng	0856259842	Caokynam@qnu.edu.vn
5	Phòng Cơ sở vật chất	Trần Thanh Thái	1972	TS, Trưởng phòng	0914682645	Tranthanhthai@qnu.edu.vn
6	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Phan Vũ Hạnh	1969	CN, Trưởng phòng	0913454366	phanvuhanh@qnu.edu.vn
7	Phòng Thanh tra – Pháp chế	Nguyễn Thị Kim Oanh	1972	ThS, Trưởng phòng	0935603630	nguyenthikimoanh@qnu.edu.vn
8	Phòng ỏ chức Nhân sự	Hà Thanh Hải	1969	TS, Trưởng phòng	0983443902	hathanhhai@qnu.edu.vn

9	Phòng Hành chính – Tổng hợp	Ngô Anh Tú	1981	TS, Trưởng phòng	0935701288	ngoanhtu@qnu.edu.vn
10	Phòng Đào tạo sau đại học	Hồ Xuân Quang	1972	PGS.TS, Trưởng phòng	0935748777	hoxuanquang@qnu.edu.vn
11	Thư viện	Lê Thanh Hải	1982	ThS, Giám đốc	0987747378	lethanhhai@qnu.edu.vn
12	Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp	Nguyễn Khắc Khanh	1982	ThS, Giám đốc	0985554050	nguyenkhackhanh@qnu.edu.vn
13	Trung tâm CNTT và Truyền thông	Nguyễn Thành Đạt	1978	TS, Giám đốc	0905139393	nguyenthanhdat@qnu.edu.vn

14	Viện Khoa học giáo dục	Nguyễn Phi Hùng	1967	PGS.TS, Viện trưởng	0931906721	nguyenphihung@qnu.edu.vn
IV. Các bộ môn						
1	Đại số - Hình học	Lê Thanh Hiếu	1982	TS, TBM	0905340709	lethanhhieus@qnu.edu.vn
2	Toán Giải tích	Thái Thuần Quang	1966	PGS.TS, TBM	0934913923	thaithuanquang@qnu.edu.vn
3	Toán ứng dụng - Thống kê	Huỳnh Minh Hiền	1982	TS, TBM	0932554080	huynhminhhien@qnu.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Toán ứng dụng (Đại học)
- Khoa học dữ liệu (Đại học)
- Đại số và lí thuyết số (Thạc sĩ)
- Toán giải tích (Thạc sĩ)
- Phương pháp toán sơ cấp (Thạc sĩ)
- Khoa học dữ liệu (Thạc sĩ)
- Đại số và lí thuyết số (Tiến sĩ)
- Toán giải tích (Tiến sĩ)

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 02

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo ThS: 04

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 02

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác: 0

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Có Không

Chính quy

x

Không chính quy x
 Từ xa x
 Liên kết đào tạo với nước ngoài x
 Liên kết đào tạo trong nước x
 Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): không

32. Tổng số các ngành đào tạo: 08

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của Khoa Toán & TK

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu Trong đó:	21	5	26
I.1	Đội ngũ trong biên chế	21	5	26
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	10	0	10
	Tổng số	31	5	36

34. Thống kê, phân loại giảng viên của Khoa Toán và Thống kê

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là CB quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	0	0	0	1	0

2	Phó Giáo sư	5	3	0	1	2	0
3	Tiến sĩ khoa học	1	1	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	27	20	0	0	7	0
5	Thạc sĩ	0	0	0	0	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	34	24	0	1	10	0

Tổng số GV cơ hữu = Cột (3) - cột (7) – cột (8) = 24 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 92,3%.

35. Quy đổi số lượng giảng viên của Khoa Toán và TK theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	1	0	0	0	1	0	1
2	Phó Giáo sư	3,0	5	3	0	1	2	0	11,1

3	Tiến sĩ khoa học	3,0	1	1	0	0	0	0	3
4	Tiến sĩ	2,0	27	20	0	0	7	0	42,8
5	Thạc sĩ	1,0	0	0	0	0	0	0	0
6	Đại học	0,3	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng		34	24	0	1	10	0	57,9

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ %	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3	12,5	3	0	0	0	1	2	0
3	Tiến sĩ khoa học	1	4,2	1	0	0	0	0	1	0
4	Tiến sĩ	20	83,3	17	3	0	12	8	0	0
5	Thạc sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	24	100	21	3	0	12	9	3	0

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 39,3

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $24/24 = 100\%$

	CH)							
2018-2019	CH	0	0	0	0	0	0	0
2019-2020	CH	0	0	0	0	0	0	0
2020-2021	CH	35	24	0,69	16	15	19	0
2021 - 2022	CH	22	17	0,77	12	15	19	0
2022-2023	CH	29	21	0,72	12	15	19	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học của CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	16	12	12
3. Sinh viên đại học Trong đó:	0	16	36	32	51
Hệ chính quy	0	16	36	32	51
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0

4. Sinh viên cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...					

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây: không có

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu

Các tiêu chí	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	14.438,4	14.438,4	14.438,4	14.438,4	14.438,4	14.438,4
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	0	0	0	0	0	0
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	0	0	0	0	0	0

4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	4	4	4	4	4	4
---	---	---	---	---	---	---

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học					
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số lượng (người)	0	0	0	16	12	12
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên và học viên (124SV + 30HVCH = 154)	0	0	0	100%	100%	100%

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án TS	0	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	16	15	Chưa TN
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:	0	0	0	0	0	7
Hệ chính quy	0	0	0	0	0	7
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0	0

4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:	0	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0	0
6. Khác...						

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

	Các tiêu chí	Năm học					
		2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023 (Khóa 23B)
1	Số lượng người học tốt nghiệp	0	0	0	16	7/12 SV	Chưa TN
2	Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	0	0	0	100%	58,3	-

3	<p>3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:</p> <p>A. CSGD/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4</p> <p>B. CSGD/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:</p>						
3.1	3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	0	0	0	0	85,7	-
3.2	3.2. Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					14,3	-
3.3	3.3. Tỷ lệ người học trả lời không học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					0	-

4	<p>4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:</p> <p>A. CSGD/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5</p> <p>B. CSGD/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:</p>						
4.1	4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).						
	- Sau 6 tháng tốt nghiệp.	0	0	0	0	71,4	-
	- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	0	0	0	0	0	-
4.2	4.2. Tỷ lệ người học có việc làm khác ngành đào tạo (%).	0	0	0	0	28,6	-
4.3	4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	0	0	0	0	7,5 triệu	-

5	5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. CSGD/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. CSGD/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:						
5.1	5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	0	0	0	0	71,4	-
5.2	5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	0	0	0	0	28,6	-
5.3	5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	0	0	0	0	0	-

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

- Các mục bỏ trống đều được xem là CSGD/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số	Số lượng						
			2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	Tổng quy đổi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đề tài cấp NN	2,0	4	1	4	7	7	7	60,0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	1	1	1	1	1	1	6,0
3	Đề tài cấp Trường	0,5	4	4	4	3	3	3	10,5
	Tổng		9	6	9	11	11	11	76,5

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8 + cột 9)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh GS Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 76,5

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $76,5/26 = 2,9$

46. Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên CB cơ hữu (triệu VNĐ/ người)

1	2018	2914	48,6	72,9
2	2019	910	15,2	22,8
3	2020	2920	48,7	83,4
4	2021	4895	81,6	163,2
5	2022	4850	80,8	173,2

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	21	15	14	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số CB tham gia	21	15	14	

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0

2	Sách giáo trình	1,5	1	1	2	2	3	13,5
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	1	1	0	2,0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		1	1	3	3	3	15,5

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh GS Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 15,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên CB cơ hữu: $15,5/26=0,6$

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng CB cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	15	8	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số CB tham gia	0	15	8	0

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số	Số lượng	Tổng (đã quy)

		**	2018	2019	2020	2021	2022	đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	25	14	25	14	28	159
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0						
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	1					0,5
	Tổng							159,5

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh GS Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 159,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên CB cơ hữu: $159,5/26 = 6,13$

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	9		
Từ 6 đến 10 bài báo	9		
Từ 11 đến 15 bài báo	1		
Trên 15 bài báo	7		

Tổng số cán bộ tham gia	26		
-------------------------	----	--	--

52. Số lượng báo cáo khoa học do CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	5	0	0	0	0	0
2	Hội thảo trong nước	0,5	5	7	0	5	7	12
3	Hội thảo cấp trường	0,25						
	Tổng							12

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của CSGD vì đã được tính 1 lần)

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh GS Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 12

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên CB cơ hữu: $12/26=0,46$

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng CB cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo cấp trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	5	5	0

Từ 6 đến 10 báo cáo	0	2	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	5	7	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của Trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	5	10	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	5	10	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích NCKH	Số lượng				
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	2	2	1	1	1
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	1	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của CSGD: 240.112 m².

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT: 130.610 m².

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau:

- Nơi làm việc: 6.855 m², Nơi học: 36.416 m², Nơi vui chơi giải trí: 18.905m².

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²):

- Tổng diện tích phòng học: 25.748 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,3 m²/người

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Tư liệu: 5.849

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 1000

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 4

- Dùng cho người học tập: 48

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Tổng số GV cơ hữu (người): 24

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số CB cơ hữu: $24/26 \times 100\% = 92,3\%$.

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $25/25 = 100\%$

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 154

Tỷ số người học chính quy trên GV của Khoa: $154/24 = 6,16$

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào: 67,8%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 85,7

Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 14,3

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo: 71,4%

Tỷ lệ người học có việc làm khác ngành đào tạo: 28,6%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm: 7,5 triệu VNĐ

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 71,4

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 28,6

6. NCKH và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên CB cơ hữu: 2,9

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên CB cơ hữu: 173,2

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên CB cơ hữu: 0,6

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên CB cơ hữu: 6,13

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên CB cơ hữu: 0,46

7. Cơ sở vật chất: Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 4 m²/người học.

PHỤ LỤC 2. CÁC QUYẾT ĐỊNH VÀ VĂN BẢN LIÊN QUAN KHÁC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Số: 3456 /QĐ-ĐHQN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày 10 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách chương trình đào tạo thạc sĩ Khoa học dữ liệu

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Kế hoạch số 1788 /KH-ĐHQN ngày 04/10/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn về Kế hoạch bảo đảm chất lượng năm học 2022-2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Trưởng khoa Toán và Thống kê,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo *thạc sĩ Khoa học dữ liệu* gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo. Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo *thạc sĩ Khoa học dữ liệu* theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT và các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Trưởng khoa Toán và Thống kê, các Trưởng đơn vị liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, KTBĐCL




HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Đỗ Ngọc Mỹ

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ KHOA HỌC DỮ LIỆU**

(Kèm theo Quyết định số 3456/QĐ-ĐHQN ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Đỗ Ngọc Mỹ	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ông Đoàn Đức Tùng	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Ông Lê Công Trình	PGS.TS, Trưởng khoa Khoa Toán và Thống kê	Phó Chủ tịch
4	Ông Lê Quang Thuận	TS, Phó Trưởng khoa Khoa Toán và Thống kê	Thư ký
5	Ông Nguyễn Quang Ngoạn	PGS.TS, Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên
6	Ông Hồ Xuân Quang	PGS.TS, Trưởng phòng Phòng Đào tạo sau đại học	Thành viên
7	Ông Nguyễn Hữu Tiến	ThS, Trưởng phòng Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng	Thành viên
8	Bà Nguyễn Thị Khánh Linh	ThS, Phó Trưởng phòng Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng	Thành viên
9	Bà Nguyễn Thị Kim Ánh	TS, Phó Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Nhân sự	Thành viên
10	Ông Nguyễn Hữu Xuân	TS, Trưởng phòng Phòng Hành chính – Tổng hợp	Thành viên
11	Ông Lê Xuân Việt	TS, Trưởng khoa Khoa Công nghệ thông tin	Thành viên
12	Ông Huỳnh Nguyễn Bảo Phương	TS, Phó Trưởng khoa Khoa Kỹ thuật và Công nghệ	Thành viên
13	Ông Lê Thanh Hiếu	TS, Phó Trưởng khoa Khoa Toán và Thống kê	Thành viên
14	Ông Huỳnh Văn Ngãi	PGS.TSKH, Trưởng Bộ môn Khoa Toán và Thống kê	Thành viên
15	Ông Thái Thuận Quang	PGS.TS, Trưởng Bộ môn Khoa Toán và Thống kê	Thành viên
16	Ông Lê Thanh Bình	TS, Giảng viên Khoa Toán và Thống kê	Thành viên
17	Ông Đỗ Văn Tuấn	Học viên cao học ngành Khoa học dữ liệu, khóa 24B	Thành viên


(Danh sách gồm có 17 người). 



DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 3456/QĐ-ĐHQN ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Lê Quang Thuận	TS, Phó Trưởng khoa Khoa Toán và Thống kê	Trưởng Ban thư ký
2	Nguyễn Thành Chiến	ThS, Chuyên viên Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng	Thành viên hỗ trợ
3	Phan Thị Thùy	ThS, Chuyên viên Khoa Toán và Thống kê	Thành viên
4	Trần Ngọc Nguyên	TS, Giảng viên Khoa Toán và Thống kê	Thành viên
5	Nguyễn Đặng Thiên Thư	TS, Giảng viên Khoa Toán và Thống kê	Thành viên
6	Nguyễn Văn Thành	TS, Giảng viên Khoa Toán và Thống kê	Thành viên
7	Lâm Thị Thanh Tâm	TS, Giảng viên Khoa Toán và Thống kê	Thành viên

(Danh sách gồm có 07 người). 



DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 5456/QĐ-ĐHQN ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1			
1.	Lê Công Trình	PGS.TS, Trưởng khoa Toán và Thống kê	Trưởng nhóm
2.	Nguyễn Văn Thành	TS, Giảng viên, Khoa Toán và Thống kê	Thư ký
3.	Nguyễn Bảo Trân	TS, Giảng viên, Khoa Toán và Thống kê	Thành viên
4.	Huỳnh Minh Hiền	TS, Giảng viên, Khoa Toán và Thống kê	Thành viên
Nhóm 2			
1.	Lê Quang Thuận	TS, Phó Trưởng khoa Toán và Thống kê	Trưởng nhóm
2.	Trần Ngọc Nguyên	TS, Giảng viên, Khoa Toán và Thống kê	Thư ký
3.	Lưu Thị Thúy Hằng	CN, Chuyên viên, Khoa Toán và Thống kê	Thành viên
4.	Phạm Thùy Hương	TS, Giảng viên, Khoa Toán và Thống kê	Thành viên
Nhóm 3			
1.	Lê Thanh Hiếu	TS, Phó Trưởng khoa Toán và Thống kê	Trưởng nhóm
2.	Nguyễn Đặng Thiên Thư	TS, Giảng viên, Khoa Toán và Thống kê	Thư ký
3.	Mai Thành Tấn	TS, Giảng viên, Khoa Toán và Thống kê	Thành viên
4.	Hoàng Văn Đức	TS, Giảng viên, Khoa Toán và Thống kê	Thành viên
Nhóm 4			
1.	Lê Thanh Bình	TS, Giảng viên, Khoa Toán và Thống kê	Trưởng nhóm
2.	Phan Thị Thùy	ThS, Chuyên viên, Khoa Toán và Thống kê	Thư ký
3.	Lê Văn An	TS, Giảng viên, Khoa Toán và Thống kê	Thành viên
4.	Đình Công Hường	PGS.TS, Giảng viên, Khoa Toán và Thống kê	Thành viên



TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 5			
1.	Huỳnh Văn Ngãi	PGS.TSKH, Trưởng Bộ môn, Khoa Toán và Thống kê	Trưởng nhóm
2.	Lâm Thị Thanh Tâm	TS, Giảng viên, Khoa Toán và Thống kê	Thư ký
3.	Nguyễn Hữu Trọn	TS, Giảng viên, Khoa Toán và Thống kê	Thành viên
4.	Nguyễn Văn Vũ	TS, Giảng viên, Khoa Toán và Thống kê	Thành viên

(Danh sách gồm có 20 người). 

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 117/KH-ĐHQN

Bình Định, ngày 07 tháng 02 năm 2023

KẾ HOẠCH

**Rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo
trình độ thạc sĩ ngành Khoa học dữ liệu**
(Thuộc Chương trình tài trợ và hợp tác đào tạo của Quỹ Đổi mới Sáng tạo Vingroup)

1. Cơ sở pháp lý

Thỏa thuận tài trợ Đề án đào tạo thạc sĩ ngành Khoa học dữ liệu ứng dụng năm 2022, mã số: VINIF.2020.JM01.N2 giữa Trường Đại học Quy Nhơn và Quỹ Đổi mới Sáng tạo Vingroup (VINIF), Viện Nghiên cứu Dữ liệu lớn;

Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 2705/QĐ-ĐHQN ngày 21/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn;

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Khoa học dữ liệu ứng dụng ban hành kèm theo Quyết định số 3217/QĐ-ĐHQN ngày 03/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn;

Quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành; rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường Đại học Quy Nhơn ban hành kèm theo Quyết định số 4205/QĐ-ĐHQN ngày 30/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn.

2. Mục đích, yêu cầu

- Rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Khoa học dữ liệu ứng dụng của Trường Đại học Quy Nhơn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

- Việc rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo phải đảm bảo tính khoa học, tính kế thừa, phát triển, phù hợp với triết lý giáo dục của Trường; đồng thời, cần tham khảo ý kiến khuyến nghị của các chuyên gia, nhất là các ý kiến từ Hội đồng Khoa học đánh giá nghiệm thu Đề án theo Thỏa thuận tài trợ Đề án Đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Khoa học dữ liệu ứng dụng năm 2020, mã số: VINIF.2020.JM01 giữa Trường Đại học Quy Nhơn và Quỹ Đổi mới Sáng tạo Vingroup (VINIF), Viện Nghiên cứu Dữ liệu lớn.

3. Nội dung và tiến trình thực hiện

Việc rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Khoa học dữ liệu ứng dụng của Trường Đại học Quy Nhơn (gọi tắt là CTĐT) được thực hiện theo Điều 13, 14 của Quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành; rà soát,

đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường Đại học Quy Nhơn ban hành kèm theo Quyết định số 4205/QĐ-ĐHQN ngày 30/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn; trong đó, quy trình rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT thực hiện theo Điều 14, cụ thể như sau:

Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
Lập kế hoạch rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT (Bước 1)	Phòng Đào tạo sau đại học	Kế hoạch rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT	Ngày 07/02/2023
Khoa chuyên môn tổ chức thực hiện các nội dung, gồm: Bước 2, Bước 3, Bước 4, Bước 5 (Điều 14)	Khoa Toán và Thống kê	<ol style="list-style-type: none"> 1. Danh sách thành viên Hội đồng khoa học cấp khoa; 2. Báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT hiện hành và tính cấp thiết cần sửa đổi, cập nhật CTĐT hiện hành; 3. Biên bản cuộc họp Hội đồng khoa học cấp khoa; 4. Bảng tổng hợp những thay đổi so với CTĐT hiện hành; 5. Bản hoàn chỉnh CTĐT được sửa đổi (CTĐT, CTDH, Bản mô tả CTDH – M3, Đề cương chi tiết học phần – M4) 	Tháng 3/2023
<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu thành lập Hội đồng Đánh giá nghiệm thu CTĐT cấp Trường; - Tiếp nhận, tổng hợp, rà soát hồ sơ từ khoa để trình Hội đồng. 	Phòng Đào tạo sau đại học	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thành lập Hội đồng Đánh giá nghiệm thu CTĐT cấp Trường; - Hồ sơ trình Hội đồng. 	Ngày 30/3/2023
Họp Hội đồng Đánh giá nghiệm thu CTĐT cấp Trường	Hội đồng Đánh giá nghiệm thu	Biên bản cuộc họp Hội đồng Đánh giá nghiệm thu CTĐT cấp Trường	Tháng 4/2023
Hiệu chỉnh CTĐT theo ý kiến đánh giá của Hội đồng Đánh giá nghiệm thu	Phòng Đào tạo sau đại học, Khoa Toán và Thống kê	Bản hoàn chỉnh CTĐT được sửa đổi (CTĐT, CTDH, Bản mô tả CTDH – M3, Đề cương chi tiết học phần – M4)	Tháng 4/2023

Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp Trường để nghiệm thu CTĐT sửa đổi	Hội đồng KH và ĐT Trường	Biên bản cuộc họp Hội đồng Đánh giá nghiệm thu CTĐT cấp Trường	Tháng 4/2023
Hiệu chỉnh CTĐT theo ý kiến đánh giá của Hội đồng Đánh giá nghiệm thu	Phòng Đào tạo sau đại học; Khoa Toán và Thống kê	Bản hoàn chỉnh CTĐT được sửa đổi (CTĐT, CTDH, Bản mô tả CTDH – M3, Đề cương chi tiết học phần – M4)	Tháng 4/2023
Trình Hiệu trưởng ra quyết định phê duyệt CTĐT mới	Phòng Đào tạo sau đại học	Quyết định ban hành CTĐT	Tháng 4/2023
Công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường và Phòng Đào tạo sau đại học	Phòng Đào tạo sau đại học; Trung tâm CNTT&TT	CTĐT trên website Trường và Phòng Đào tạo sau đại học	Ngày 28/4/2023

4. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí chi cho nội dung công việc “*Tổ chức và soát, phát triển chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Khoa học dữ liệu ứng dụng trình độ thạc sĩ theo hướng tăng cường tính ứng dụng*” thuộc mục 1, Phụ lục 04 của *Thỏa thuận tài trợ Đề án đào tạo thạc sĩ ngành Khoa học dữ liệu ứng dụng, mã số: VINIF.2020.JM01.N2.*

Hiệu trưởng yêu cầu Trưởng khoa Khoa Toán và Thống kê và Trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện đầy đủ nội dung, đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Khoa Toán và Thống kê (để thực hiện);
- Phòng KT&BDCL, KH-TC, TT. CNTT&TT;
- Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường;
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Đoàn Đức Tùng